

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG CAM RANH**

Số: 194/CBTT-CCR

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Cam Ranh, ngày 21 tháng 4 năm 2022

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRONG THỜI HẠN 24H

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

- 1- Tên doanh nghiệp: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH**
- 2- Mã chứng khoán: **CCR**
- 3- Địa chỉ trụ sở: 29 Nguyễn Trọng Kỳ, p. Cam Linh, tp. Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa
- 4- Điện thoại: 0258.3854307 Fax: 0258.3854536

Nội dung thông tin công bố:

Kết quả họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022

- + Thời điểm tổ chức Đại hội: 7h30 ngày 21/4/2022, Địa điểm: trụ sở văn phòng Công ty (Địa chỉ: số 29 Nguyễn Trọng Kỳ, p. Cam Linh, tp. Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa)
- + Các quyết định được thông qua của kỳ họp Đại hội đồng cổ đông (Bao gồm nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông) được đăng tải tại website: www.camranhport.vn

Đường link: <https://camranhport.vn/Quanhecodong.html>

Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh xin được công bố thông tin trên đến Quý Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội được biết và thực hiện công bố thông tin ra công chúng theo quy định hiện hành.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN



Nguyễn Huy Phương



Cam Ranh, ngày 21 tháng 04 năm 2022

**BIÊN BẢN KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG
THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH**

Hôm nay, ngày 21 tháng 04 năm 2022, tại Hội trường Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh, chúng tôi – Ban Kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh gồm các thành viên sau :

- | | |
|---------------------------|------------|
| 1. Ông Nguyễn Văn Thắng | Trưởng ban |
| 2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoà | Thành viên |
| 3. Bà Nguyễn Thị Diễm Ly | Thành viên |

Ban kiểm tra tư cách cổ đông đã tiến hành kiểm tra, xác nhận tư cách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 với kết quả như sau:

100% đại biểu dự đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 đều là cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông Công ty theo danh sách cổ đông đã được Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) công bố chốt danh sách cổ đông ngày 15/03/2022 với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty là: **24.453.617** cổ phần

Đến 08h00 ngày 21 tháng 4 năm 2022, tổng số cổ đông tham dự và đại diện ủy quyền tham dự là **50** cổ đông, sở hữu và đại diện cho tổng số **23.953.117** cổ phần được quyền biểu quyết, chiếm tỷ lệ **97,95%** trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Trong đó:

- Cổ đông pháp nhân: **02** cổ đông, sở hữu và đại diện cho **23.320.117** cổ phần, chiếm tỷ lệ **95,36 %** trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.
- Cổ đông thể nhân: **48** cổ đông, sở hữu và đại diện cho **633.000** cổ phần, chiếm tỷ lệ **2,59 %** trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Với kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội như trên, căn cứ theo Khoản 1 Điều 145 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và Điều lệ công ty, tôi xin tuyên bố Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh đủ điều kiện tiến hành Đại hội.

Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông được lập vào hồi 08 giờ 15 phút ngày 21/4/2022 và xin báo cáo công khai trước Đại hội.

**T.M BAN KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG
TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Văn Thắng

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Về kết quả kinh doanh năm 2021 và kế hoạch kinh doanh năm 2022

của Công ty Cổ phần Căng Cam Ranh

CĂNG CAM RANH

Số: 131

Ngày: 18-3-2022

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022
Công ty cổ phần Căng Cam Ranh

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

1. Tổng quan chung về môi trường kinh doanh năm 2021

Năm 2021, trong bối cảnh ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, nhu cầu tiêu thụ hàng hoá của các nước sụt giảm, tình hình sản xuất trên thế giới bị ngừng trệ, dẫn đến sản lượng hàng hóa vận tải bị ảnh hưởng cả hai chiều xuất khẩu và nhập khẩu. Từ đó, tình hình hoạt động của Công ty không thuận lợi và không được triển khai như kế hoạch. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đã cùng tập thể cán bộ công nhân lao động đã khắc phục những khó khăn, thử thách trong kinh doanh để tổ chức lãnh đạo, chỉ đạo đơn vị thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ mà Nghị quyết đại hội đồng cổ đông Công ty đề ra và có sự tăng trưởng khá tốt so với năm 2020.

2. Kết quả kinh doanh năm 2021 (Số liệu Công ty mẹ)

Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2020	KH 2021	TH 2021	% so với KH	% so TH 2020
1. Sản lượng	Tấn	2.088.972	2.700.000	2.435.923	90%	117%
2. Doanh thu	Tr.đ	135.407	151.000	192.804	128%	142%
3. Lợi nhuận	Tr.đ	27.527	31.000	53.229	172%	193%
4. Thu nhập b/q NLD	Tr.đ	14,6		18,0		123%
5. Nộp ngân sách đúng và đủ theo quy định của pháp luật						

Lượng hàng lưu thông, xuất, nhập qua cảng bị giám sát (đặc biệt là đá xây dựng chỉ đạt 33,7% KH), tuy nhiên, mặt hàng thiết bị phong điện cho các dự án năng lượng tái tạo khu vực Nam trung bộ và Tây Nguyên có sự tăng trưởng đột biến, giúp Công ty vượt kế hoạch về doanh thu và lợi nhuận.

Tổng quỹ lương thực hiện năm 2021 là: 44.6 tỷ đồng. Trong đó trích lập dự phòng tiền lương để bổ sung vào Quỹ tiền lương năm sau là: 3,526 tỷ đồng.

Thu nhập bình quân của CBCNV trong năm 2021 là 18 triệu đồng/tháng, tăng 23% so với năm 2020.

3. Tình hình tài chính năm 2021 (Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán)

Báo cáo tài chính năm 2021 đã được đơn vị kiểm toán là Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC thực hiện và được phát hành vào ngày 22/02/2021. Ý kiến của kiểm toán chấp thuận toàn phần, với các số liệu cụ thể sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	BCTC hợp nhất	BCTC Công ty mẹ
TÀI SẢN	Tỷ đồng	326,7	320,9
Tài sản ngắn hạn	Tỷ đồng	47,4	43,15
Tài sản dài hạn	Tỷ đồng	279,3	277,75
NGUỒN VỐN	Tỷ đồng	326,7	320,9
Nợ phải trả	Tỷ đồng	24,6	24,4
Nợ ngắn hạn	Tỷ đồng	20,2	20
Nợ dài hạn	Tỷ đồng	4,4	4,4
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	302,1	296,5
CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH			
LN sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	13,74%	13,84%
LN sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	14,86%	14,97%
Tổng nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,08	0,08
Hệ số khả năng thanh toán hiện thời (TS ngắn hạn/ Nợ Ngắn hạn)	Lần	2,35	2,16

** Phân tích và đánh giá tình hình tài chính*

- Các chỉ số tài chính năm 2021 của doanh nghiệp đều ở ngưỡng an toàn, tình hình tài chính minh bạch, nguồn vốn chủ sở hữu được bảo toàn và phát triển.

- Tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm 2021 của Công ty khá tốt và ổn định. Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ và dòng tiền mà Công ty tạo ra đáp ứng đủ nhu cầu cho các hoạt động kinh doanh, hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính của doanh nghiệp và bảo đảm đáp ứng đủ để thanh toán kịp thời các khoản nợ đến hạn.

4. Kết quả thực hiện đầu tư, sửa chữa năm 2021

a. Các dự án đầu tư hoàn thành

TT	Chỉ tiêu	Quy mô/khối lượng thực hiện	Giá trị quyết toán đến 31/12/2021 (tỷ đồng)
I	Đầu tư XD CB hạ tầng		0,486
1	Hệ thống điện năng lượng mặt trời áp mái khu vực cầu cảng - KBI	30KWp	0,486
II	Đầu tư mua sắm MMTB		2,307
1	Xe ô tô 07 chỗ	07 chỗ	1,353
2	Phễu rót hàng rời	65 m ³	0,954
Tổng cộng			2,793

b. Các hạng mục sửa chữa lớn trong năm 2021

TT	Nội dung	ĐVT	Thực hiện
1	Sửa chữa hệ thống kho, bãi	Tr.đồng	220
2	Sửa chữa duy tu cầu bến	Tr.đồng	2.630
3	Sửa chữa thiết bị và công cụ sản xuất	Tr.đồng	841
4	Sửa chữa nhà cửa văn phòng/trang thiết bị quản lý	Tr.đồng	606
5	Sửa chữa hệ thống đường nội bộ cầu cảng	Tr.đồng	461
6	Sửa chữa hệ thống điện nước	Tr.đồng	156
Tổng cộng			4.914

c. Các dự án chuyển tiếp sang năm 2022

TT	Dự án	Nguyên nhân
1	Đầu tư xây dựng nâng cao năng lực khai thác cầu cảng Ba Ngòi (giai đoạn chuẩn bị dự án)	Thực hiện các thủ tục pháp lý kéo dài trong giai đoạn ảnh hưởng của dịch Covid-19 như: Lấy ý kiến các đơn vị liên quan từ địa phương, Quân khu 5 và Bộ Quốc phòng theo Quyết định số 44/2015/QĐ-TTg về Ban hành quy chế bảo đảm an ninh, an toàn căn cứ quân sự Cam Ranh; Điều chỉnh quy hoạch phân khu 1/2.000 và các thủ tục pháp lý liên quan xin chấp thuận chủ trương đầu tư; ĐTM và vị trí tiếp nhận chất nạo vét của dự án...
2	Ứng dụng công nghệ thông tin (phần mềm STOS)	Do dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, hoạt động của DN có sự thay đổi để phù hợp với thực tế nên phải cập nhật, bổ sung và hiệu chỉnh toàn bộ chương trình..., phần mềm/ứng dụng bị kéo dài thời gian hoàn thành.
3	Trạm cân 80 tấn	Theo đúng tiến độ
4	Đường trục nội bộ T1; hạng mục: Nâng cấp thảm nhựa mặt đường	Theo đúng tiến độ
5	Băng tải làm hàng rời	Theo đúng tiến độ
6	Cầu di động – Sức nâng 180T	Theo đúng tiến độ
7	Nâng cấp cầu Gottwald	Theo đúng tiến độ

5. Về công tác quản trị điều hành

a. Những cải tiến về chính sách, quản lý:

Hệ thống văn bản về quản trị nội bộ được rà soát, điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung, ban hành lại theo quy định của pháp luật, tiến hành thực hiện sắp xếp lại bộ máy tổ chức, để hoạt động công ty ngày càng tốt hơn.

b. Cải cách về cơ cấu tổ chức, lao động:

Trong năm 2021, cơ cấu tổ chức của Công ty ổn định, gồm 05 phòng chuyên môn và Trung tâm khai thác. Thực hiện thường xuyên việc rà soát, đánh giá lại việc thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị, các tổ đội sản xuất và phụ trợ sản xuất để sắp xếp, bố trí nhân sự hợp lý, đảm bảo phát huy hiệu quả hoạt động của các đơn vị, nhất là trong giai đoạn thực hiện giãn cách do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid – 19.

Đã thực hiện quy trình bổ nhiệm lại Kế toán trưởng và Phó Tổng giám đốc Công ty; bổ nhiệm Trưởng phòng kinh doanh vào tháng 09/2021, thực hiện việc luân chuyển, điều động cán bộ, công nhân viên, sắp xếp lại một số vị trí công tác tại các phòng, trung tâm, tổ sản xuất phù hợp năng lực của người lao động và tình hình thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu công việc của công ty.

Thực hiện rà soát, bổ sung quy hoạch đối với các chức danh lãnh đạo, quản lý Công ty giai đoạn 2021-2026 (đã được Tổng Công ty và Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt). Đã tiến hành quy hoạch nhân sự đối với các chức danh Trưởng và Phó trưởng các đơn vị giai đoạn 2021-2026, để tạo sự chủ động trong công tác cán bộ, đảm bảo tính kế thừa, chuyển tiếp giữa các thế hệ cán bộ.

Trình Hội đồng quản trị ban hành Quy định về trình tự thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, thôi việc, nghỉ hưu đối với cán bộ thuộc Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh; Tổng giám đốc ký quyết định ban hành Quy định về tiêu chuẩn, điều kiện của các chức danh Trưởng và Phó trưởng đơn vị Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh.

c. Cải tiến về hệ thống phương tiện quản lý:

Đẩy mạnh việc ứng dụng CNTT trong hoạt động quản lý, kinh doanh (Ứng dụng Văn phòng điện tử; Phần mềm khai thác cảng S-TOS; phần mềm kế toán FAST; nâng cấp website; sử dụng hoá đơn điện tử; hệ thống thông tin trên phần mềm MIS-BI).

6. Về công tác quản lý lao động, thực hiện các chính sách tiền lương, chế độ bảo hiểm đối với người lao động

Thực hiện chế độ lương, thưởng, phúc lợi phù hợp đảm bảo mức thu nhập cho người lao động và các chế độ theo quy định hiện hành.

Công ty đã xây dựng và ban hành quy chế trả lương theo phương pháp 3Ps (bảng hình thức tính điểm). là tiền đề trong năm 2021 và các năm tiếp theo, tiền lương thực sự trở thành đòn bẩy kinh tế, khuyến khích được khả năng lao động.

Trong năm 2021, tiền lương bình quân của người lao động là gần 18 triệu đồng/người/tháng. Tổng số trích, nộp các khoản Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp theo chế độ cho người lao động hơn 4,8 tỷ đồng.

7. Về thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị:

Trong năm 2021, hoạt động quản lý điều hành của Công ty đã được triển khai theo kế hoạch và được giám sát tổ chức thực hiện, chấp hành theo các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

Ban điều hành Công ty hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, phù hợp và tuân thủ đúng Điều lệ doanh nghiệp, quy định của pháp luật.

8. Về thực hiện chủ trương thoái vốn:

Căn cứ Nghị quyết số 01/2021/NQ-CCR.ĐHĐCĐ ngày 23/4/2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh về việc phê duyệt chủ trương chuyển nhượng vốn đầu tư của Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh tại Công ty cổ phần dịch vụ hàng hải Cảng Cam Ranh (CMS) và Công ty cổ phần Đô thị Cam Ranh (CADOCO).

Căn cứ Quyết định số 15/2021/QĐ-CCR.HĐQT ban hành Quy định, quy trình chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp của Công ty CP Cảng Cam Ranh tại doanh nghiệp khác.

Thực hiện chỉ đạo, Ban Điều hành công ty đã triển khai thực hiện việc chuyển nhượng vốn đầu tư của công ty CP Cảng Cam Ranh tại CADOCO, CMS theo quy định hiện hành của nhà nước và được báo cáo chi tiết tại Tờ trình số 54/2022/Ttr-CCR và Tờ trình số 55/2022/Ttr-CCR, ngày 14/2/2022 (tờ trình đính kèm).

Ngày 07/3/2022, Công ty nhận được Văn bản 296/HHVN-ĐT của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam, Công ty mẹ của Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh có ý kiến cho Người đại diện vốn không tiếp tục thực hiện chủ trương thoái vốn tại CMS và CADOCO. Trong khi chờ HĐQT sẽ thông qua ĐHĐCĐ thường niên 2022 (trong tháng 4/2022), có Nghị quyết chính thức thôi thực hiện chủ trương chuyển nhượng vốn, Công ty đã ngưng thực hiện các phần việc còn lại để tránh phát sinh thêm chi phí, đồng thời đàm phán thương lượng với IRS việc chấm dứt hợp đồng tư vấn thực hiện chuyển nhượng vốn. Phía IRS đồng ý trên tinh thần chỉ tính phân phí theo khối lượng công việc đã thực tế thực hiện (tư vấn lộ trình, tính từ thời điểm ký hợp đồng và công việc lập Phương án chuyển nhượng vốn đã có hồ sơ).

Như vậy tính đến thời điểm này chi phí cho việc triển khai thực hiện chủ trương chuyển nhượng vốn đầu tư của Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh tại CADOCO và CMS đã phát sinh 130.000.000 đồng, chưa kể chi phí kết thúc 02 Hợp đồng tư vấn chuyển nhượng vốn với công ty cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia (IRS).

II. Kế hoạch kinh doanh năm 2022

1. Nhận định, đánh giá tình hình thị trường

Đối mặt với khó khăn do tình hình dịch bệnh Covid-19, trong khu vực và trên thế giới vẫn có những diễn biến hết sức phức tạp, chưa được khống chế dứt điểm. Bên cạnh đó, giá nhiên liệu tăng cao đột biến cùng với giá cước tàu biển vẫn ở mức rất cao (tăng 4-5 lần) nên việc thông thương hàng hóa vẫn chưa được triển khai đồng bộ. Những ảnh hưởng tiêu cực từ suy thoái kinh tế xảy đến cho hoạt động cảng biển có độ trễ hơn so với các ngành nghề khác, và năm 2022 dự báo tiếp tục sẽ là năm khó khăn, thách thức cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của Cảng Cam Ranh.

2. Xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh 2022

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH năm 2021	KH 2022	So sánh KH 2022 với TH 2021
1	Sản lượng	Tấn	2.435.923	2.800.000	Tăng 15%
2	Doanh thu				
	<i>Doanh thu công ty mẹ</i>	Tr.đồng	192.804	150.000	Giảm 22,2%
	<i>Doanh thu hợp nhất</i>	Tr.đồng	196.112	157.000	Giảm 20%
3	Lợi nhuận				
	<i>Lợi nhuận công ty mẹ</i>	Tr.đồng	53.229	34.500	Giảm 35,2%
	<i>Lợi nhuận hợp nhất</i>	Tr.đồng	53.958	35.000	Giảm 34,7%
4	Cổ tức chi trả	%	12%	7%	Chiến lược 5 năm là 6,5%
5	Đầu tư	Tr.đồng	13.500	49.050	

(Biểu Kế hoạch kinh doanh 2022 và Kế hoạch đầu tư 2022 – kèm theo)

a. Phân tích thị trường và nguồn hàng:

- Đá xây dựng các loại: dự kiến năm 2022 các chủ hàng hiện tại đẩy mạnh xuất hàng bù đắp lại mức suy giảm năm 2021. Mặt khác, đã có thêm chủ hàng mới làm việc với Cảng nên dự kiến sản lượng xuất nội địa sẽ tăng. Tuy nhiên khó khăn về giá vận chuyển đã làm cho mặt hàng chủ lực này cũng chưa thể khôi phục được như ban đầu, lượng xuất kỳ vọng khoảng 800 ngàn tấn/năm.

- Dăm gỗ xuất khẩu: Cảng Nam Vân Phong (gần vùng nguyên liệu từ Daklak xuống) đã đưa vào hoạt động. Đây là đối thủ cạnh tranh lớn chia sẻ thị phần hàng dăm gỗ của Cảng Cam Ranh, vì vậy dự kiến sản lượng hàng dăm gỗ cho năm 2022 sẽ giảm. Tuy vậy, công ty sẽ dùng mọi biện pháp giữ chân khách hàng hiện tại, đặt mục tiêu không để giảm sâu mất mặt hàng này.

- Nhóm hàng thiết bị, cấu kiện: Các dự án phong điện, nhiệt điện cho khu vực Nam Trung bộ và Tây Nguyên hầu như đã triển khai cấp tập trong năm 2021 theo chính sách của Chính phủ. Khảo sát năm 2022 khả năng chỉ còn 2-3 dự án, tuy nhiên sẽ bị cạnh tranh gay gắt từ các cảng trong khu vực.

- Nhóm hàng XNK khác: Cá đông lạnh và nhựa đường có chiều hướng tăng trưởng. Nhóm này có sản lượng không cao nhưng đem lại doanh thu và lợi nhuận tốt.

- Các mặt hàng nông sản, vật liệu xây dựng xuất nội địa (muối, cát đá xây dựng, cement bao, clinker.....): sẽ tiếp tục giữ mức ổn định trong năm 2022.

b. Phân tích về kế hoạch đầu tư và sửa chữa năm 2022

- Cảng Cam Ranh xây dựng Kế hoạch đầu tư năm 2022 chủ yếu tập trung vào việc nâng cấp khả năng khai thác cầu bến và mở rộng cơ sở hạ tầng như cầu dẫn, kho bãi và các thiết bị xếp dỡ: cầu bờ, băng tải, xe nâng..., phục vụ sản xuất kinh doanh tại Cảng.

- Các dự án đầu tư 2022 là cần thiết phù hợp với các mục tiêu trong Chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển Cảng Cam Ranh giai đoạn 2021-2025.

3. Giải pháp thực hiện kế hoạch 2022:

a. Giải pháp về thị trường và kinh doanh

- Ưu tiên cho công tác thị trường. Khôi phục, duy trì và khai thác hiệu quả thị trường hiện có, mở rộng thị phần để gia tăng lượng hàng qua cảng, trước mắt tiếp tục tập trung tiếp cận và làm việc với các tập đoàn năng lượng, sắt thép để đưa lượng hàng thiết bị, cấu kiện sắt thép của các dự án khu vực Nam Trung bộ, Tây Nguyên thông qua Cảng Cam Ranh.

- Nhanh chóng cải tiến công tác Marketing để tiếp cận từng khách hàng, nắm thông tin về tình hình hàng hóa, phân tích điểm mạnh điểm yếu, cơ chế thị trường, danh sách, cập nhật, phân loại khách hàng, tập trung vào khách hàng tiềm năng, có nhu cầu và khả năng xuất, nhập hàng hóa qua cảng, tập trung mạnh vào một số nhóm mặt hàng sau: Đá xây dựng xuất khẩu; Hàng dăm gỗ xuất khẩu; Hàng vật liệu xây dựng xuất nội địa (xuất đi các đảo Phú Quý, Côn Đảo); Tiếp tục bám sát, nắm thông tin về việc thực hiện tuyến container nội địa của ICD Cam Ranh và Tân Cảng Sài Gòn.

- Đột phá trong chính sách khách hàng (chính sách giá linh động, công tác chăm sóc và hỗ trợ khách hàng, sử dụng đường dây nóng 24/24 để tiếp nhận mọi lúc ý kiến, đề xuất của khách hàng và phục vụ khách hàng tốt nhất trong điều kiện của công ty); nâng cao chất lượng dịch vụ cung cấp, tạo yếu tố nâng cao năng lực cạnh tranh phục hồi sự tăng trưởng.

- Tiếp tục khảo sát, nắm thông tin về đối thủ cạnh tranh, các cảng trong khu vực để có các giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh.

- Nghiên cứu, đánh giá thị trường và kết hợp với các đơn vị vệ tinh có năng lực để mở thêm các loại hình dịch vụ mới, liên kết với các đơn vị cung cấp dịch vụ để hình thành Trung tâm dịch vụ logistics, giảm thời gian, chi phí dịch vụ trong chuỗi cung ứng, nâng cao hiệu quả và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

- Thiết lập Bảng phân quyền để đẩy nhanh cơ chế ra quyết định, đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách hàng.

b. Giải pháp về năng lực quản lý, khai thác

- Bảo đảm quy trình khai thác, tối ưu các nguồn lực hiện hữu để gia tăng nguồn thu; tiến hành rà soát các phương tiện, thiết bị để có phương án xử lý phù hợp bao gồm cả việc thanh lý, mua sắm, thuê ngoài nhằm đạt hiệu quả cao trong kinh doanh.

- Có các giải pháp nhằm tiết giảm chi phí hợp lý như thuê ngoài lao động giá rẻ, cơ giới hóa trong sản xuất... để đạt hiệu quả cao trong hoạt động kinh doanh.

c. Giải pháp về hợp tác, liên kết để phát triển kinh doanh với các doanh nghiệp trong cùng công ty mẹ, Tổng công ty hàng hải Việt Nam (VIMC)

- Tăng cường mối quan hệ, phối hợp với các đơn vị trong VIMC để học hỏi được kinh nghiệm quản lý, khai thác cảng tăng năng lực và sức cạnh tranh của công ty. Đẩy mạnh phối hợp với các doanh nghiệp thành viên của VIMC trong chuỗi logistics chuyên sâu với dự kiến cơ hội mang lại trong năm là hợp tác khai thác đối với tập đoàn xi măng, tập đoàn Điện lực Việt Nam (hàng thiết bị); Tập đoàn Hòa Phát, Formosa (hàng sắt, thép) qua Cảng Cam Ranh.

- Tiếp tục công tác khảo sát thị trường đối với nhóm hàng container, phối hợp với các Ban chuyên môn, Trung tâm container của VIMC để đánh giá sản lượng, tiềm năng, khả năng phát triển dịch vụ bốc xếp hàng container tại khu vực kết nối với các hãng tàu nội địa và quốc tế để khôi phục tuyến container nội địa và phát triển tuyến feeder khu vực trong tương lai.

- Nỗ lực kết nối có kết quả công tác phối kết hợp với các doanh nghiệp thành viên trong VIMC nhằm thực hiện mục tiêu chiến lược là phát triển dịch vụ chuỗi trên cơ sở kết nối các lĩnh vực vận tải biển – cảng biển – dịch vụ hàng hải tương hỗ trong phát triển kinh doanh, giảm chi phí thông qua hoạt động sử dụng dịch vụ chung giữa các doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh.

- Triển khai kết nối dịch vụ chuỗi, liên kết với các cảng thành viên trong VIMC:

- Cung ứng dịch vụ nhân công kỹ thuật, phương tiện, thiết bị đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp bạn trong sản xuất kinh doanh.

- Kết nối với các tập đoàn sắt thép và nhận làm đơn vị phân phối sản phẩm cho thị trường khu vực.

d. Giải pháp về quản trị và đổi mới doanh nghiệp

- Thành lập bộ phận Kiểm toán nội bộ giúp Doanh nghiệp đánh giá và nâng cao hiệu quả quản lý, kiểm soát rủi ro, đảm bảo hoạt động của doanh nghiệp tuân thủ đầy đủ, đúng đắn các quy định pháp luật, góp phần giúp doanh nghiệp đạt các mục tiêu chung.

- Áp dụng phương thức quản trị tiên tiến hướng đến hiệu suất thông qua các công cụ như BSC và KPI. Nâng cao hiệu quả công tác quản trị doanh nghiệp, đặc biệt ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý.

- Tiếp tục hoàn thiện bộ máy quản lý, thực hiện phân quyền, phân cấp để nâng cao trách nhiệm quản lý. Tiếp tục xây dựng, chuẩn hoá hệ thống quy chế, quy định kiểm soát nội bộ của Công ty; rà soát, cập nhật, điều chỉnh các quy chế quản lý nội bộ cho phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty và các chế độ, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp, khuyến khích học tập, nâng cao trình độ bản thân, tinh thần làm việc nhóm, tạo điều kiện CNV-NLĐ tự học và tự phát triển.

- Triển khai huấn luyện nội bộ để chia sẻ kiến thức trong toàn thể CBCNV.

e. Giải pháp về tài chính và đầu tư

- Tăng cường công tác quản lý các khoản phải thu, hạn chế tối đa vốn bị chiếm dụng. Có biện pháp sử dụng vốn bằng tiền tạm thời nhàn rỗi, nâng cao hiệu quả khai thác sử dụng vốn bằng tiền, tìm cơ hội đầu tư cho các hoạt động khác hứa hẹn nhiều lợi nhuận.

- Hoàn thiện công tác quản trị tài chính, tăng cường chức năng giám sát tài chính của Công ty; ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản trị và giám sát tài chính.

- Bên cạnh đó, công ty thực hiện tốt việc quản trị tài chính, tiết giảm chi phí để đảm bảo doanh thu và lợi nhuận, hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

f. Giải pháp về nguồn nhân lực

- Tiếp tục củng cố, kiện toàn bộ máy quản lý điều hành Công ty theo hướng gọn nhẹ và chuyên sâu nhằm đảm bảo có đội ngũ cán bộ lãnh đạo, lao động có trình độ kỹ thuật tay nghề giỏi để điều hành sản xuất kinh doanh của công ty đạt hiệu quả cao. Rà soát bộ máy, sắp xếp đúng người, đúng việc, nâng cao năng lực tham mưu, chỉ đạo.

- Tăng cường công tác đào tạo, huấn luyện, đào tạo lại hoặc tuyển dụng mới (nếu cần) để nâng cấp chất lượng, năng suất lao động.

- Đào tạo nhân sự theo định hướng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao của Công ty giai đoạn 2021-2025, trong năm 2022 chú trọng đào tạo nâng cao chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên quản lý; đào tạo đội ngũ chăm sóc khách hàng chuyên nghiệp; đào tạo đội ngũ công nhân lành nghề, công nhân kỹ thuật đáp ứng tốt yêu cầu về cải tiến kỹ thuật, cơ giới hoá, tự động hoá quy trình sản xuất.

- Thực hiện công tác quy hoạch đối với đội ngũ cán bộ từ quản lý cấp trung trở lên. Có chính sách đào tạo, huấn luyện hợp lý đối với đội ngũ cán bộ dự nguồn. Định kỳ thực hiện công tác rà soát, đánh giá nhân sự tại các vị trí công tác; đội ngũ quản lý cấp tổ đội để kịp thời đào tạo cũng như thay thế nhân sự không đáp ứng được yêu cầu.

g. Giải pháp về công nghệ kỹ thuật

- Tập trung cho chiến lược chuyển đổi số. Trong ngắn hạn trước mắt là thiết lập hệ thống thông tin và hoàn thiện quy trình ứng dụng CNTT trong tác nghiệp và quản lý điều hành. Tăng cường áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý hoạt động kinh doanh, khai thác cảng.

- Sử dụng hiệu quả các dự án ứng dụng công nghệ thông tin đã được triển khai. Tối ưu các nguồn lực hiện hữu. Triển khai áp dụng chữ ký điện tử; cải tiến lại Website của Công ty để tăng cường quảng bá hình ảnh của Công ty tới khách hàng.

h. Giải pháp ứng phó rủi ro

- Thực hiện kế hoạch theo dõi, giám sát thường xuyên để có phương án kịp thời cùng với xây dựng các kịch bản rủi ro.

- Xem xét xếp hạng các rủi ro để xác định mức độ ưu tiên, khả năng xảy ra của rủi ro và mức độ ảnh hưởng của rủi ro (tài chính, phi tài chính) để có giải pháp ứng phó phù hợp.

- Các phương án ứng phó rủi ro tương ứng với mức độ rủi ro và chi phí của từng phương án ứng phó, bao gồm:

- Tránh rủi ro, quyết định không tiếp tục đầu tư, hoặc lựa chọn kế hoạch đầu tư thay thế với rủi ro có thể chấp nhận được mà vẫn đạt được mục tiêu về chiến lược kinh doanh của Công ty;

- Giảm khả năng xảy ra rủi ro và/hoặc giảm mức độ tác động của rủi ro;

- Chuyển giao một phần hoặc toàn bộ rủi ro: thực hiện thông qua các hợp đồng bảo hiểm, hợp đồng liên doanh, hợp đồng hợp tác kinh doanh...

i. Các giải pháp khác

- Đẩy mạnh việc thực hành tiết kiệm trong tất cả các lĩnh vực chi phí quản lý.

- Xây dựng cơ chế, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát tập trung vào các lĩnh vực đầu tư; quản lý tài sản; công tác cán bộ...

- Tiếp tục hoàn thiện văn hóa doanh nghiệp, đẩy mạnh công tác truyền thông nội bộ về quy tắc ứng xử mà trọng tâm là lấy khách hàng làm trung tâm và chuyển đổi số tại doanh nghiệp.

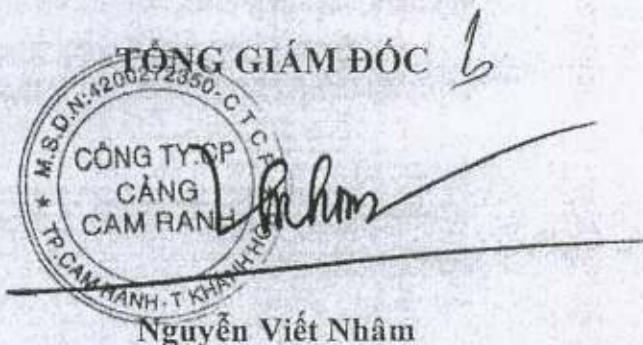
Trên đây là kết quả kinh doanh năm 2021 và Kế hoạch kinh doanh năm 2022 của Tổng giám đốc, kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty.

Các biểu mẫu chi tiết về số liệu Kết quả kinh doanh 2021, Kế hoạch kinh doanh và đầu tư năm 2022 (Công ty mẹ và hợp nhất) xin xem ở Phụ lục kèm theo tại Tài liệu gửi Quý cổ đông.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, TCKH.

TỔNG GIÁM ĐỐC *l*



Nguyễn Việt Nhâm

KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2022

Chi tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2021				Thực hiện 2021 (Kiểm toán)				Kế hoạch 2022				So sánh KH 2022 với TH 2021	
		Công ty mẹ CCR	Công ty con CMS	Hợp nhất	Hợp nhất	Công ty mẹ CCR	Công ty con CMS	Hợp nhất	Hợp nhất	Công ty mẹ CCR	Công ty con CMS	Hợp nhất	Số tăng/giảm	%	
															Kế hoạch 2021
I. SẢN LƯỢNG HÀNG		2.700.000	0	2.700.000	0	2.435.923	0	2.435.923	2.800.000	0	2.800.000	364.077	114,95%		
a. Xuất khẩu	Tấn	1.910.000	0	1.910.000	0	1.568.676	0	1.568.676	2.100.000	0	2.100.000	531.324	133,87%		
- Dăm gỗ	Tấn	960.000	0	960.000	0	1.247.625	0	1.247.625	1.250.000	0	1.250.000	2.375	100,19%		
- Đá xây dựng	Tấn	950.000	0	950.000	0	321.051	0	321.051	850.000	0	850.000	528.949	264,76%		
b. Nhập khẩu	Tấn	95.000	0	95.000	0	344.597	0	344.597	105.000	0	105.000	(239.597)	30,47%		
- Thiết bị	Tấn	50.000	0	50.000	0	278.157	0	278.157	60.000	0	60.000	(218.157)	21,57%		
- Cá đóng lạnh	Tấn	15.000	0	15.000	0	40.909	0	40.909	40.000	0	40.000	(909)	97,78%		
- Hàng khác	Tấn	30.000	0	30.000	0	25.531	0	25.531	5.000	0	5.000	(20.531)	19,58%		
c. Nội địa	Tấn	695.000	0	695.000	0	522.650	0	522.650	595.000	0	595.000	72.350	113,84%		
- Cát trắng	Tấn	120.000	0	120.000	0	234.886	0	234.886	235.000	0	235.000	114	100,05%		
- Ximăng	Tấn	80.000	0	80.000	0	94.564	0	94.564	80.000	0	80.000	(14.564)	84,60%		
- Muối	Tấn	25.000	0	25.000	0	10.769	0	10.769	15.000	0	15.000	4.231	139,29%		
- Than đá	Tấn	60.000	0	60.000	0	10.566	0	10.566	30.000	0	30.000	19.434	283,93%		
- Clinker	Tấn	120.000	0	120.000	0	82.469	0	82.469	80.000	0	80.000	(2.469)	97,01%		
- Nông lâm thủy sản	Tấn	15.000	0	15.000	0	40.343	0	40.343	20.000	0	20.000	(20.343)	49,57%		
- Cát, đá xây dựng	Tấn	270.000	0	270.000	0	8.635	0	8.635	100.000	0	100.000	91.365	1158,08%		
- Hàng khác	Tấn	5.000	0	5.000	0	40.418	0	40.418	35.000	0	35.000	(5.418)	86,60%		
II. TỔNG DOANH THU	Tr.đ	151.000	9.000	160.000	9.000	192.804	9.644	196.112	150.000	9.500	157.000	(39.112)	80,06%		
1. DT bán hàng và CCDV	Tr.đ	149.800	8.950	158.750	8.950	191.432	9.562	194.908	149.000	9.450	156.200	(38.708)	80,14%		
1.1. Bốc xếp	Tr.đ	75.000	0	75.000	0	93.118	0	93.118	72.000	0	72.000	(21.118)	77,32%		
1.2. Lưu kho, bãi	Tr.đ	8.500	0	8.500	0	16.731	0	16.731	10.000	0	10.000	(6.731)	59,77%		
1.3. Vận chuyển	Tr.đ	6.300	2.250	8.550	2.250	5.596	2.099	7.695	5.600	2.000	7.600	(95)	98,77%		
1.4. Cầu bến	Tr.đ	11.000	0	11.000	0	15.716	0	15.716	11.500	0	11.500	(4.216)	73,17%		
1.5. Tàu kéo	Tr.đ	12.000	0	12.000	0	11.775	0	11.775	12.000	0	12.000	225	101,91%		
1.6. Cho thuê thiết bị	Tr.đ	500	4.550	5.050	4.550	0	5.239	959	300	5.500	5.800	4.841	604,80%		
1.7. Cho thuê cơ sở hạ tầng	Tr.đ	9.200	0	9.200	0	20.050	0	20.050	10.500	0	10.500	(9.550)	52,37%		

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2021				Thực hiện 2021 (Kiểm toán)				Kế hoạch 2022				So sánh KH 2022 với TH 2021	
		Công ty mẹ CCR	Công ty con CMS	Hợp nhất	Công ty mẹ CCR	Công ty con CMS	Hợp nhất	Công ty mẹ CCR	Công ty con CMS	Hợp nhất	Công ty mẹ CCR	Công ty con CMS	Hợp nhất	Số tăng/giảm	%
1.8. Bên thùy nội địa	Tr.đ	2.500	0	2.500	819	0	819	0	819	0	1.000	0	1.000	181	122,10%
1.9. Kinh doanh xăng dầu	Tr.đ	22.000	0	22.000	23.398	0	23.398	0	21.592	0	22.000	0	20.150	(1.442)	93,32%
1.10. Dịch vụ khác	Tr.đ	2.800	2.150	4.950	4.229	2.224	6.453	0	6.453	1.950	4.100	1.950	5.650	(803)	87,56%
2. DT hoạt động tài chính	Tr.đ	1.000	50	1.050	958	82	790	82	790	50	800	50	600	(190)	75,95%
- Lãi tiền gửi ngân hàng	Tr.đ	300	50	350	462	82	544	82	544	50	300	50	350	(194)	64,34%
- Cổ tức được chia	Tr.đ	700	0	700	496	0	246	0	246	0	500	0	250	4	101,63%
- Doanh thu tài chính khác	Tr.đ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,00%
3. Thu nhập khác	Tr.đ	200	0	200	414	0	414	0	414	0	200	0	200	(214)	48,31%
III. TỔNG CHI PHÍ	Tr.đ	120.000	8.000	43.292	139.575	8.632	142.154	8.632	142.154	8.450	115.500	8.450	122.000	(20.154)	85,82%
I. Chi phí hoạt động KD	Tr.đ	117.100	8.000	40.392	136.340	8.632	138.919	8.632	138.919	8.450	115.150	8.450	121.650	(17.269)	87,57%
1.1. Giá vốn hàng bán	Tr.đ	95.000	6.738	17.030	111.158	7.564	112.669	7.564	112.669	7.190	95.030	7.190	100.270	(12.399)	89,00%
- Chi phí NVL	Tr.đ	1.150	2.240	3.390	1.370	2.796	4.166	0	4.166	2.600	1.330	2.600	3.930	(236)	94,34%
- Chi phí công cụ dụng cụ	Tr.đ	500	30	530	3.053	42	3.095	42	3.095	40	500	40	540	(2.555)	17,45%
- Khấu hao TSCĐ	Tr.đ	17.200	1.120	18.320	17.577	1.119	18.696	1.119	18.696	1.200	18.000	1.200	19.200	504	102,70%
- Chi phí NV trực tiếp + lương	Tr.đ	35.900	1.890	37.790	42.898	1.876	44.774	1.876	44.774	2.100	38.700	2.100	40.800	(3.974)	91,12%
+ BH, KPCĐ	Tr.đ	29.200	1.690	30.890	32.270	1.690	33.960	1.690	33.960	1.900	30.000	1.900	31.900	(2.060)	93,93%
+ Chi phí ăn ca và khác	Tr.đ	2.400	200	2.600	4.243	186	4.429	186	4.429	200	4.200	200	4.400	(29)	99,55%
- Chi phí sửa chữa	Tr.đ	4.300	640	4.940	6.385	560	6.945	560	6.385	4.500	4.500	4.500	4.500	(1.885)	70,48%
- Chi phí bán xăng dầu	Tr.đ	3.000	0	3.000	7.432	0	7.432	0	7.432	600	3.800	600	4.400	(3.592)	55,06%
- Chi phí bán xăng dầu	Tr.đ	20.700	0	20.700	21.390	0	21.390	0	21.390	0	20.000	0	20.000	(1.390)	93,50%
- Chi phí khác:	Tr.đ	16.550	818	17.368	17.438	1.171	12.556	1.171	12.556	650	12.700	650	11.400	(1.156)	90,79%
+ Chi phí thuế vận chuyên	Tr.đ	6.000	0	6.000	4.122	0	4.122	0	4.122	0	4.500	0	4.500	378	109,17%
+ Chi phí thuế thiết bị	Tr.đ	8.500	120	8.620	10.815	442	6.977	442	6.977	100	7.000	100	5.150	(1.827)	73,81%
+ Chi phí thuế nhân công	Tr.đ	100	20	120	0	170	170	0	170	0	0	0	0	(170)	0,00%
+ Chi phí mua ngoài khác	Tr.đ	1.950	678	2.628	2.501	559	1.287	559	1.287	550	1.200	550	1.750	463	135,98%
1.2. Chi phí QLDN	Tr.đ	22.100	1.262	23.362	25.182	1.068	26.250	1.068	26.250	1.260	20.120	1.260	21.380	(4.870)	81,45%

Chi tiêu	DVT	Kế hoạch 2021				Thực hiện 2021 (Kiểm toán)				Kế hoạch 2022				So sánh KH 2022 với TH 2021	
		Công ty mẹ CCR	Công ty con CMS	Hợp nhất	Hợp nhất	Công ty mẹ CCR	Công ty con CMS	Hợp nhất	Hợp nhất	Công ty mẹ CCR	Công ty con CMS	Hợp nhất	Số tăng/giảm	%	
															Kế hoạch 2021
- Chi phí nhân viên:	Tr.d	12.800	840	13.640	791	13.304	791	14.095	11.200	960	12.160	(1.935)	86,27%		
+ Chi phí tương	Tr.d	11.800	720	12.520	685	12.330	685	13.015	10.400	850	11.250	(1.765)	86,44%		
+ BHXH & chi phí khác	Tr.d	1.000	120	1.120	106	974	106	1.080	800	110	910	(170)	84,26%		
- Chi phí NL, vật liệu	Tr.d	150	0	150	30	169	30	199	150	30	180	(19)	90,45%		
- Khấu hao TSCĐ	Tr.d	800	0	800	0	1.041	0	1.041	800	0	800	(241)	76,85%		
- Chi phí sửa chữa	Tr.d	300	0	300	0	544	0	544	200	0	200	(344)	36,76%		
- Thuê nhà, đất	Tr.d	3.000	30	3.030	30	3.403	30	3.433	4.500	30	4.530	1.097	131,95%		
- Chi phí khác:	Tr.d	5.050	392	5.442	217	6.721	217	6.938	3.270	240	3.510	(3.428)	50,59%		
+ CNTT - chuyển đổi số	Tr.d	250	0	250	0	278	0	278	400	0	400	122	143,88%		
+ Hội nghị, tiếp khách	Tr.d	900	70	970	30	1.257	30	1.287	670	43	713	(574)	55,40%		
+ Quang cáo, tiếp thị	Tr.d	250	0	250	0	1.144	0	1.144	200	0	200	(944)	17,48%		
+ Chi phí đào tạo	Tr.d	400	0	400	0	417	0	417	400	0	400	(17)	95,92%		
+ Công tác phí, tàu xe	Tr.d	600	60	660	5	649	5	654	500	10	510	(144)	77,98%		
+ Chi phí quản lý khác	Tr.d	2.650	262	2.912	182	2.976	182	3.158	1.100	187	1.287	(1.871)	40,75%		
2. Chi phí tài chính	Tr.d	2.800	0	2.800	0	741	0	741	200	0	200	(541)	26,99%		
- Chi phí lãi vay	Tr.d	2.800	0	2.800	0	741	0	741	200	0	200	(541)	26,99%		
- Chi phí chênh lệch tỷ giá	Tr.d	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,00%		
3. Chi phí hoạt động khác	Tr.d	100	0	100	0	2.494	0	2.494	150	0	150	(2.344)	6,01%		
IV. LỢI NHUẬN	Tr.d	31.000	1.000	31.500	1.012	53.229	1.012	53.958	34.500	1.050	35.000	(18.958)	64,87%		
V. CHỈ TIÊU LD-TL															
1. Lao động bình quân	người	200	20	220	19	198	19	217	200	19	219	2	100,92%		
2. Tổng quỹ lương	Tr.d	41.000	2.410	43.410	2.375	44.600	2.375	46.975	40.400	2.750	43.150	(3.825)	91,86%		
3. Thu nhập bình quân 1 CBCNV/tháng	Tr.d/ng	17,1	10	16,4	10,4	18,8	10,4	18,0	16,8	12,1	16,4	(1,6)	91%		

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2022

TT	Tên dự án	Quy mô/Mô tả dự án	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Nguồn vốn		Tiến độ thực hiện		Thực hiện năm 2021		Kế hoạch thực hiện năm 2022	
				Tự có (tỷ đồng)	Vay (tỷ đồng)	Khởi công	Hoàn thành	Khối lượng (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Khối lượng (%)	Giá trị (tỷ đồng)
I	DA chuyển tiếp từ năm 2021		100.95	50.20	50.75						
1	Đầu tư XD CB		64.50	23.90	40.60				4.00		15.10
1.1	Dự án nâng cao năng lực khai thác cầu cảng - cảng Ba Ngòi	Nâng cấp bến số 1 lên 50.000 DWT và bến 2 lên 70.000 DWT giảm tải	58.00	17.40	40.60	07/2021	12/2023	3%	2.00	35%	10.60
1.2	Thảm nhựa đường trực chính T1	736m	6.50	6.50	0.00	10/2021	03/2022	30%	2.00	70%	4.50
2	Mua sắm thiết bị		36.45	26.30	10.15				9.50		26.95
2.1	Cầu di động	Sức nâng 200 tấn	20.00	20.00	0.00	10/2021	03/2022	25%	5.00	75%	15.00
2.2	Băng tải làm hàng rời	01 hạng rời	14.50	4.35	10.15	10/2021	04/2022	28%	4.00	72%	10.50
2.3	Trạm cân điện tử	80 tấn	1.00	1.00	0.00	11/2021	03/2022	30%	0.30	70%	0.70
2.4	Xe nâng hàng	12 tấn	0.95	0.95	0.00	12/2021	03/2022	21%	0.20	79%	0.75
II	DA khởi công năm 2022		7.00	7.00	0.00						7.00
1	Đầu tư XD CB		5.00	5.00	0.00						5.00
1.1	Nâng cấp/bé tổng nền bãi	3.000 m ²	5.00	5.00	0.00	04/2022	12/2022			100%	5.00
1.2		0.00	0.00	0.00						0.00
2	Mua sắm thiết bị		2.00	2.00	0.00						2.00
2.1	Công cụ thiết bị phục vụ chuyển đổi số	Hệ thống	2.00	2.00	0.00	06/2022	12/2022			100%	2.00
	Tổng cộng		107.95	57.20	50.75				13.50		49.05

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Về kết quả hoạt động năm 2021 và phương hướng hoạt động năm 2022**

**Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022
Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh**

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 đã được ĐHĐCD thông qua ngày 23/04/2021,

Hội đồng quản trị Công ty trân trọng báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021 và phương hướng hoạt động năm 2022 như sau:

PHẦN 1

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2021

I. Kết quả thực hiện Nghị quyết ĐHĐCD thường niên năm 2021

1. Kết quả kinh doanh năm 2021

Năm 2021, Dịch Covid-19 tiếp tục diễn biến phức tạp, tác động tiêu cực đến kinh tế - xã hội của nước ta và nhiều quốc gia trên thế giới. Kinh tế, thương mại toàn cầu có dấu hiệu phục hồi nhưng chưa vững chắc; giá cả, lạm phát, tài chính tiềm ẩn rủi ro cao, nhu cầu tiêu thụ hàng hoá của các nước sụt giảm, tình hình sản xuất trên thế giới bị ngừng trệ dẫn đến sản lượng hàng hóa vận tải bị ảnh hưởng cả hai chiều xuất khẩu và nhập khẩu nên ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động của ngành Logistics và cảng biển.

Trước khó khăn chung của nền kinh tế bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19, bên cạnh đó, Cảng Cam Ranh nằm trong khu vực chậm phát triển, sản lượng hàng hóa ít, nhưng có sự cạnh tranh quyết liệt từ các cảng lân cận trong khu vực, Hội đồng quản trị đã tập trung chỉ đạo Ban điều hành tập trung thực hiện “mục tiêu kép” vừa đảm bảo phòng, chống dịch Covid-19 an toàn, hiệu quả vừa duy trì, ổn định và phát triển kinh doanh; tăng cường thực hiện các giải pháp để phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được ĐHĐCD giao.

Kết quả là: Doanh thu hợp nhất tăng 23% so với kế hoạch và lợi nhuận trước thuế hợp nhất của Công ty tăng 71% so với Kế hoạch mặc dù Sản lượng trong năm 2021 đã giảm 10% so với KH năm 2021. Có được kết quả này là nhờ vào việc giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và Công ty có được phần lớn thị phần hàng thiết bị nhập khẩu cho các dự án phong điện khu vực Nam Trung bộ. Các mặt hàng này có đặc điểm chi phí khai thác thấp, tỷ suất sinh lợi cao do vậy lợi nhuận trước thuế tăng nhiều so với năm trước và tăng so với kế hoạch được giao.

Các chỉ tiêu đầu tư thực hiện trong năm 2021 của Công ty không đạt so với kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 giao. Cụ thể như sau:

1.1. Chỉ tiêu kinh doanh, đầu tư năm 2021

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch Năm 2021	Thực hiện Năm 2021	So sánh TH/KH
1- Sản lượng hàng khai thác qua cảng	Tấn	2.700.000	2.435.923	90%
2- Tổng doanh thu và thu nhập hợp nhất	Triệu Đồng	160.000	196.112	123%
Tổng doanh thu và thu nhập công ty mẹ	Triệu Đồng	151.000	192.803	128%
3- Tổng lợi nhuận trước thuế hợp nhất	Triệu Đồng	31.500	53.957	171%
Tổng lợi nhuận trước thuế công ty mẹ	Triệu Đồng	31.000	53.229	172%
4. Kết quả thực hiện đầu tư	Tr.đ	33.500	2.793	8,3%

Kết quả này đã thể hiện sự cố gắng, đồng lòng, quyết tâm cao và chủ động nắm bắt tình hình, triển khai thực hiện đồng bộ và hiệu quả các giải pháp của Tập thể Ban lãnh đạo Công ty trong bối cảnh rất nhiều khó khăn chung, cùng với đó là sự đoàn kết, phát huy tính năng động, sáng tạo, tinh thần vượt khó và ý thức thực hành tiết kiệm của toàn thể CBCNV để có được kết quả như ngày hôm nay.

1.2. Chỉ tiêu tài chính năm 2021

Chỉ tiêu	ĐVT	Số liệu BCTC hợp nhất năm 2021	Số liệu BCTC Công ty mẹ năm 2021
1. Tổng Tài sản	đồng	326.676.806.225	320.905.334.219
2. Nợ phải trả	Tr. đồng	24.534.790.191	24.380.801.408
3. Vốn chủ sở hữu	Tr. đồng	302.142.016.034	296.524.532.811
4. LN sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	13,7	13,85
5. LN sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	14,85	14,98
6. Tổng nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,08	0,08

Đánh giá chung tình hình tài chính của doanh nghiệp trong năm 2021 là ổn định. Các chỉ số tài chính cơ bản đều ở ngưỡng an toàn. Công ty đã thực hiện tốt công tác quản lý vốn và tài sản, bảo toàn vốn chủ sở hữu.

2. Về kết quả trích lập các quỹ và chia cổ tức năm 2020

- Công ty đã thực hiện đầy đủ việc trích lập các quỹ đầu tư phát triển, Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi, Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành năm 2020 theo đúng quy định ĐHCĐ năm 2021 đã phê duyệt.

- Về việc chi trả cổ tức năm 2020: Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

thường niên năm 2021, Hội đồng quản trị đã thực hiện chi trả cổ tức năm 2020 với mức đã được ĐHĐCĐ thông qua là 7% /1 cổ phiếu; Hình thức chi trả cổ tức: bằng tiền và đã thực hiện chi trả vào ngày 31/05/2021.

3. Về chi trả thù lao HĐQT và BKS:

Trong năm 2021, Công ty đã thực hiện chi trả thù lao cho HĐQT và BKS đúng mức mà ĐHĐCĐ đã thông qua, với tổng số tiền là: 396.000.000 đồng (*Ba trăm chín mươi sáu triệu đồng*). Trong đó:

- Tổng số thù lao chi cho thành viên HĐQT không chuyên trách là: 240.000.000 đồng (*Hai trăm bốn mươi triệu đồng*)

- Tổng số thù lao cho BKS là: 156.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi sáu triệu đồng*)

4. Về việc chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021:

Thực hiện ủy quyền của ĐHĐCĐ, HĐQT đã chọn Công ty TNHH Hăng Kiểm toán AASC (AASC) là đơn vị kiểm toán thực hiện soát xét báo cáo tài chính riêng và hợp nhất 6 tháng đầu năm và Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh.

5. Đối với các Quy chế quản trị nội bộ: Hội đồng quản trị đã ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị theo đúng thẩm quyền.

6. Về công tác thoái vốn của Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh tại Công ty CP Dịch vụ Hàng hải Cảng Cam Ranh và Công ty CP Đô thị Cam Ranh.

Thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên 2021, HĐQT Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh đã có Nghị quyết số 09/2021/NQ-CR.HĐQT ngày 23/4/2021 chỉ đạo giao Ban điều hành Công ty triển khai thực hiện chuyển nhượng vốn đầu tư của Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh;

Tiếp đến ngày 15/7/2021, HĐQT có Quyết định 15/2021/QĐ-CCR.HĐQT ban hành Quy định quy trình chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp của Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh tại doanh nghiệp khác;

Thực hiện chỉ đạo của các Nghị quyết, Quyết định HĐQT, Ban điều hành Công ty đã triển khai thực hiện việc chuyển nhượng vốn đầu tư của Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh tại CADOCO và CMS. Ngày 27/9/2021 Quyết định 567/2021/QĐ-CCR thành lập Tổ tư vấn chuyển nhượng vốn xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện nội dung các công việc bảo đảm tuân thủ quy định pháp luật và các văn bản hướng dẫn có liên quan;

Ký Hợp đồng tư vấn chuyển nhượng vốn số 89/2021/HĐCBCP/IRS-CCR ngày 15/10/2021 và Hợp đồng số 90/2021/HĐCBCP/IRS-CCR ngày 15/10/2021 với đơn vị cung cấp dịch vụ tư vấn chuyển nhượng vốn tại CADOCO và CMS, giá trị hợp đồng:

Nội dung	Giá trị hợp đồng cho từng doanh nghiệp - VNĐ	
	CMS	CADOCO
Tỷ lệ chào bán thành công từ 50%	90.000.000	80.000.000
Tỷ lệ chào bán thành công dưới 50%	81.000.000	72.000.000

Ký Hợp đồng số 49-21/HĐ-ĐG/VAE ngày 29/10/2021 và Hợp đồng số 50-21/HĐ-ĐG/VAE ngày 29/10/2021 với đơn vị cung cấp dịch vụ tư vấn thẩm định giá cho mục đích chuyển nhượng vốn tại CADOCO và CMS, giá trị hợp đồng:

Nội dung	Giá trị hợp đồng cho từng doanh nghiệp – VNĐ (bao gồm VAT)	
	CMS	CADOCO
Xác định giá trị doanh nghiệp và định giá cổ phần cho mục đích thoái vốn	48.000.000	82.000.000

Do tình hình dịch bệnh bùng phát tại Khánh Hòa cao điểm là từ tháng 8/2021 đến tháng 11/2021, trong khi việc triển khai công việc thẩm định giá yêu cầu tiếp cận trực tiếp và kiểm tra kiểm kê thực tế, thực trạng tài sản của các doanh nghiệp có vốn góp, không thể làm qua online. Ngày 25/11/2021 Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam mới thống nhất được với các doanh nghiệp Kế hoạch và lộ trình triển khai xác định giá (Công văn và 1015-21/CV-KH/VAE). Thực tế công việc triển khai thực địa tại 2 doanh nghiệp tiến hành trong 2 tuần đầu tháng 12/2021. Kết quả:

Chúng thư thẩm định giá số 11-22/CT-ĐG/VAE ngày 27/01/2022 về việc xác định giá trị doanh nghiệp, giá trị thực tế phần vốn Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh tại CADOCO và Chúng thư thẩm định giá số 13-22/CT-ĐG/VAE ngày 27/01/2022 về việc xác định giá trị doanh nghiệp, giá trị thực tế phần vốn Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh tại CMS của Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam;

Biên bản nghiệm thu số 08-22/BB-KT/VAE và 09-22/BB-KT/VAE ngày 09/02/2021 thanh lý hợp đồng với giá trị cho cả 2 hợp đồng số tiền là: 48.000.000 đ + 82.000.000 đ = 130.000.000 đồng (bao gồm VAT) và đã được Công ty thanh toán cho Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam trong tháng 02/2022.

Đối với phần việc đã thực hiện theo Hợp đồng với đơn vị tư vấn thực hiện chuyển nhượng vốn (IRS), Công ty đã phối hợp và đã được IRS tư vấn hồ sơ, lập Phương án chuyển nhượng vốn. Công ty đã có Tờ trình số 54/2022/TTr-CCR và Tờ trình số 55/2022/TTr-CCR ngày 14/02/2021 gửi HĐQT xin phê duyệt Phương án chuyển nhượng vốn góp của Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh với các nội dung: xác định giá trị doanh nghiệp, giá trị thực tế phần vốn và giá khởi điểm khi chuyển nhượng vốn của Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh tại CMS và CADOCO.

Ngày 07/3/2022, Công ty nhận được Văn bản 296/HHVN-ĐT của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam, Công ty mẹ của Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh có ý kiến cho Người đại diện vốn không tiếp tục thực hiện chủ trương thoái vốn tại CMS và CADOCO. Trong khi chờ HĐQT sẽ thông qua ĐHCĐ thường niên 2022 (trong tháng 4/2022), có Nghị quyết chính thức thôi thực hiện chủ trương chuyển nhượng vốn, Công ty đã ngưng thực hiện các phần việc còn lại để tránh phát sinh thêm chi phí, đồng thời đàm phán thương lượng với IRS việc chấm dứt hợp đồng tư vấn thực hiện chuyển nhượng vốn. Phía IRS đồng ý trên tinh thần chỉ tính phần phí theo khối lượng công việc đã thực tế thực hiện (tư vấn lộ trình, tính từ thời điểm ký hợp đồng và công việc lập Phương án chuyển nhượng vốn đã có hồ sơ).

Như vậy tính đến thời điểm này chi phí cho việc triển khai thực hiện chủ trương chuyển nhượng vốn đầu tư của Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh tại CADOCO và CMS đã phát sinh 130.000.000 đồng cho Hợp đồng số 49-21/HĐ-ĐG/VAE ngày 29/10/2021 và Hợp đồng số 50-21/HĐ-ĐG/VAE ngày 29/10/2021 với đơn vị cung cấp dịch vụ tư vấn thẩm định giá VAE, chưa kể chi phí kết thúc Hợp đồng tư vấn chuyển nhượng vốn số 89/2021/HĐCBCP/IRS-CCR ngày 15/10/2021 và Hợp đồng số 90/2021/HĐCBCP/IRS-CCR ngày 15/10/2021 với đơn vị cung cấp dịch vụ tư vấn chuyển nhượng vốn Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia (IRS).

Hội đồng Quản trị kính đề nghị ĐHĐCĐ thông qua chủ trương không tiếp tục thoái vốn tại Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng hải Cảng Cam Ranh (CMS) và Công ty cổ phần Đô thị Cam Ranh (CADOCO), đồng thời chấp thuận các chi phí thực tế đã phát sinh cho việc thuê đơn vị tư vấn triển khai thực hiện chủ trương chuyển nhượng vốn và đưa vào chi phí kinh doanh năm 2022.

7. Về việc niêm yết cổ phiếu CCR của Công ty trên sàn giao dịch chứng khoán:

Thực hiện theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông Công ty, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban điều hành hoàn tất thủ tục để niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, kết quả là:

- Ngày 26/10/2021 Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận về việc niêm yết cổ phiếu theo Quyết định số 577/QĐ-SGDHN.

- Ngày 19/11/2021, là ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh trên sàn niêm yết của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

II. Các hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021

1. Nhân sự của Hội đồng quản trị

Số lượng thành viên Hội đồng quản trị Công ty gồm 5 người.

Trong tháng 04/2021, ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 đã miễn nhiệm 2 thành viên HĐQT là ông Nguyễn Đăng Song và ông Hoàng Quốc Phương với lý do: không còn là Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tổ chức Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam và bổ nhiệm thay thế 2 thành viên Hội đồng quản trị mới là bà Nguyễn Thị Yến và bà Kiều Phương Ngọc (Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tổ chức Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam)

Đến thời điểm hiện tại, danh sách HĐQT Cảng Cam Ranh như sau:

Stt	Họ và tên	Chức danh
1	Ông Phạm Hữu Tấn	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Nguyễn Việt Nhâm	Thành viên HĐQT, TGD
3	Ông Nguyễn Văn Tài	Thành viên HĐQT
4	Bà Nguyễn Thị Yến	Thành viên HĐQT
5	Bà Kiều Phương Ngọc	Thành viên HĐQT

2. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2021, Hội đồng quản trị đã tổ chức 5 cuộc họp (trực tiếp, trực tuyến) và 30 lần lấy ý kiến bằng văn bản.

Stt	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Phạm Hữu Tấn	5/5	100%	
2	Ông Nguyễn Việt Nhâm	5/5	100%	
3	Ông Nguyễn Văn Tài	5/5	100%	
4	Ông Nguyễn Đăng Song	2/5	40%	Đã miễn nhiệm ngày 23/4/2021
5	Ông Hoàng Quốc Phương	2/5	40%	Đã miễn nhiệm ngày 23/4/2021
6	Bà Nguyễn Thị Yên	3/5	60%	Mới bổ nhiệm ngày 23/4/2021
7	Bà Kiều Phương Ngọc	3/5	60%	Mới bổ nhiệm ngày 23/4/2021

Các cuộc họp đều được chuẩn bị chu đáo và tiến hành hết sức nghiêm túc, đảm bảo thời lượng và chất lượng. Nội dung các cuộc họp đều mang tính thời sự và thiết thực, kịp thời định hướng hoạt động kinh doanh của Công ty. Trong các phiên họp, các thành viên HĐQT đều thể hiện tinh thần trách nhiệm cao. Tùy vào chương trình nội dung cuộc họp mà HĐQT có thể mời Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác tham dự để giải trình các vấn đề có liên quan đến nội dung cuộc họp. Các cuộc họp của HĐQT đều có sự tham gia và thảo luận của Ban Kiểm soát. Ngoài ra, HĐQT cũng thường xuyên trao đổi, thảo luận giữa các thành viên, cùng phối hợp giải quyết các vấn đề phát sinh ngoài các lần họp chính thức.

3. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2021, HĐQT đã ban hành 36 Nghị quyết và 37 quyết định để triển khai thực hiện công tác quản lý tổ chức điều hành của Công ty.

Các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị trước khi ban hành đều được nhất trí tán thành của các thành viên HĐQT; việc lấy ý kiến bằng văn bản đều được thực hiện đúng theo quy định của Điều lệ Công ty và các quy định Pháp luật có liên quan. Về cơ bản, HĐQT đã quyết định các chủ trương, chiến lược, giải pháp kinh doanh của Công ty phù hợp với chủ trương chính sách của nhà nước và tình hình kinh tế khu vực. Năm 2021, HĐQT đã có những quyết định trong quản lý, chỉ đạo điều hành hoạt động kinh doanh như:

- Triệu tập và tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021.
- Phê duyệt Quỹ tiền lương thực hiện năm 2020 và thông qua kế hoạch tiền lương năm 2021;
- Bổ nhiệm lại Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng Công ty CP Cảng Cam Ranh;
- Phê duyệt BSC-KPI năm 2021 của Công ty;
- Thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông trong năm 2020;
- Chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty và phối hợp với Ban Kiểm

soát tiếp tục duy trì tính an toàn và đảm bảo hoạt động của Công ty theo đúng quy định Pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Thông qua Kế hoạch chuyển đổi số của Công ty giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

- Thông qua các hạng mục và chi phí sửa chữa phát sinh ngoài kế hoạch theo thẩm quyền;

- Thông qua chủ trương phương án mua tập trung bảo hiểm tài sản và thiết bị năm 2021-2022

- Thành lập Ban Kiểm toán nội bộ thuộc quản lý của Hội đồng quản trị.

- Thông qua hợp đồng, giao dịch với các bên có liên quan năm 2021;

- Phê duyệt kết quả rà soát Quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý Công ty giai đoạn 2021-2026;

- Thông qua việc hủy giao dịch tại sàn UPCOM để thực hiện chuyển sàn niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;

- Thông qua giá tham chiếu và ngày giao dịch đầu tiên khi niêm yết cổ phiếu Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh;

- Phê duyệt chủ trương Dự án đầu tư mua sắm cầu di động- sức nâng 180 tấn

- Thực hiện chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ của Công ty, HĐQT đã ban hành nhiều văn bản quy phạm nội bộ để đưa các hoạt động của Công ty đi vào nề nếp dựa trên nguyên tắc tập trung dân chủ, phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty như: Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị; Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty; Quy chế công bố thông tin Công ty; Quy chế quản lý sử dụng các Quỹ Công ty; Quy chế quản lý hoạt động đầu tư Công ty; Quy chế quản lý tài chính Công ty; Quy chế chi tiêu nội bộ Công ty; Quy chế quản lý nợ Công ty; Quy chế quản trị rủi ro; Quy chế kiểm toán nội bộ.....

- Thống nhất về chủ trương, chính sách của Công ty trong các hoạt động quản lý, điều hành, kinh doanh, đầu tư, chế độ lương của người lao động cho phù hợp với thực tiễn của Công ty và chính sách nhà nước hiện hành.

4. Kết quả hoạt động của các thành viên HĐQT

Trong năm 2021, các thành viên HĐQT đã tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT và cho ý kiến bằng văn bản đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT với tinh thần trách nhiệm cao, phát huy năng lực lãnh đạo của các thành viên HĐQT vì lợi ích của các cổ đông và vì sự phát triển của Công ty. Các thành viên HĐQT đã hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được giao theo Quyết định phân công nhiệm vụ của Hội đồng quản trị.

5. Báo cáo về người có liên quan:

Danh sách người có liên quan các giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ: Đã được Công ty công bố thông tin tại Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2021 và đăng tải tại website công ty: www.camranhport.vn

6. Hoạt động giám sát của HĐQT:

HDQT luôn theo dõi sát sao tình hình hoạt động của toàn Công ty, đã thực hiện công tác chỉ đạo và giám sát hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc trong các công việc sau:

- HDQT thường xuyên cử người tham dự các buổi họp giao ban của Công ty để nắm bắt kết quả xử lý công việc của từng đơn vị cũng như trực tiếp có ý kiến chỉ đạo, góp ý để kịp thời giải quyết những phát sinh, vướng mắc trong quản lý điều hành của Ban TGD nhằm điều hành hoạt động của công ty theo đúng định hướng và mục tiêu của ĐHCĐ đã đề ra.

- Giám sát và có những chỉ đạo định hướng hỗ trợ kịp thời cho Ban Tổng Giám đốc thông qua việc ban hành các Nghị quyết, Quyết định liên quan đến hoạt động kinh doanh, đầu tư, tổ chức bộ máy và các vấn đề quan trọng khác trong phạm vi thẩm quyền của Hội đồng quản trị, phù hợp với các Quy chế, quy định của Công ty và Pháp luật hiện hành.

- Giám sát việc tổ chức thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đã đề ra, các nội dung thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ, HDQT và các Quyết định HDQT đã ban hành về tiến độ và các biện pháp thực hiện. Hội đồng quản trị thường xuyên xem xét, đánh giá việc thực hiện kế hoạch kinh doanh và các chỉ tiêu kinh tế để có biện pháp chỉ đạo kịp thời Ban Tổng giám đốc đáp ứng các yêu cầu về nguồn lực cho các hoạt động của Công ty.

- Theo dõi việc chấp hành và tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành của Nhà nước trong các mặt hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc. Việc cung cấp thông tin và báo cáo cho các thành viên không tham gia quản lý điều hành được thực hiện thường xuyên và đầy đủ bằng văn bản, điện thoại, email để thống nhất ý kiến chỉ đạo và ra các Quyết định phục vụ kịp thời cho công tác chỉ đạo, giám sát của HDQT đối với Tổng giám đốc.

Với tinh thần trách nhiệm trước các cổ đông, người lao động trong Công ty và sự phát triển của đơn vị, có thể đánh giá rằng HDQT Công ty đã hoàn thành khá tốt chức trách nhiệm vụ của mình theo quy định của pháp luật, Điều lệ của Công ty trong việc giám sát đối với Tổng Giám đốc và bộ máy giúp việc trong quá trình triển khai thực hiện nghị quyết của ĐHCĐ, cũng như các nghị quyết, quyết định của HDQT.

a. Đánh giá về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trong việc điều hành hoạt động Công ty:

Trong năm qua, Ban TGD Công ty đã tập trung và phát huy mọi nguồn lực để hoạt động theo đúng định hướng, mục tiêu và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông năm 2021 đề ra. Ban lãnh đạo Công ty luôn quan tâm và theo dõi sát tình hình từ công tác đối nội đến công tác đối ngoại, đồng thời, chỉ đạo và giải quyết hợp lý trong từng trường hợp, từng thời điểm. Ban Tổng Giám đốc đã báo cáo, đề xuất nhiều vấn đề, phương hướng quan trọng để Hội đồng quản trị xem xét và đưa ra những giải pháp hạn chế những bất lợi của tình hình kinh doanh trong năm 2021 của Công ty.

HDQT đánh giá cao sự nỗ lực của Ban Tổng Giám đốc trong quá trình thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2021 của Công ty.

Ban Tổng giám đốc đã triển khai hoạt động kinh doanh của Công ty phù hợp với nghị quyết của ĐHĐCĐ, chỉ đạo của HĐQT và tuân thủ đúng Điều lệ doanh nghiệp, quy định của pháp luật.

Ban Tổng giám đốc nhận thức rõ những thuận lợi và khó khăn của Công ty nên đã linh hoạt trong việc điều hành các hoạt động kinh doanh, đồng thời đã ban hành các văn bản quy phạm nội bộ theo thẩm quyền nhằm kiểm soát có hiệu quả mọi hoạt động kinh doanh của Công ty; thực hiện tốt vai trò kiểm soát rủi ro ngay từ Ban điều hành và các quản lý cấp trung.

Thực hiện tốt các chính sách tiền lương, cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động và chấp hành tốt các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty trong quá trình điều hành hoạt động.

Việc Công bố thông tin theo quy định được Công ty thực hiện tốt đảm bảo các thông tin được công bố đúng thời hạn, chính xác, minh bạch, đầy đủ. Mọi quan hệ quản trị - điều hành doanh nghiệp giữa HĐQT và Tổng Giám đốc Công ty luôn phối hợp chặt chẽ và thực hiện theo đúng quy định của Điều lệ và các Quy chế về quản trị Công ty.

b. Đánh giá đối với bộ máy điều hành của Công ty:

Bộ máy điều hành Công ty đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ quyền hạn được giao để tham mưu cho Tổng giám đốc trong việc sử dụng và phát huy các nguồn lực về vốn, tài sản và lao động của Công ty, tổ chức thực hiện nhiệm vụ kinh doanh theo kế hoạch đã được Hội đồng quản trị giao, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với nhà nước, các chế độ chính sách với người lao động và đem đến lợi ích cho các cổ đông.

Tập thể người lao động trong Công ty luôn nêu cao tinh thần đoàn kết, thực hiện tốt chủ trương thực hành tiết kiệm chống lãng phí; nỗ lực phấn đấu vượt qua khó khăn để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, góp phần vào thành công chung của Công ty

c. Đánh giá đối với Người đại diện phần vốn của Cảng Cam Ranh tại Doanh nghiệp khác:

Người đại diện phần vốn của Cảng Cam Ranh tại các Công ty con, Công ty liên kết đã cơ bản hoàn thành nhiệm vụ được giao, tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ, Quy chế Công ty.

PHẦN II

PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2022

Căn cứ vào công tác điều tra, khảo sát, phân tích thị trường, tình hình kế hoạch hàng hóa của các chủ hàng thông qua cảng năm 2021; mức độ cạnh tranh của các cảng trong khu vực, dự kiến cơ cấu sản lượng hàng hóa năm 2022 và đặc điểm tình hình phát triển cơ sở hạ tầng tại địa phương và khu vực;

Bước sang năm 2022, dự báo đại dịch Covid-19 vẫn còn diễn biến phức tạp, khó lường; tình hình quốc tế, khu vực biến động; tình hình kinh tế xã hội còn tiềm ẩn nhiều nguy cơ bất ổn, thị trường hàng hóa tại khu vực Nam Trung bộ và Tây nguyên dự báo sẽ không có sự tăng trưởng mạnh; Sự cạnh tranh giữa các cảng trong khu vực ngày càng quyết liệt. Dự báo năm 2022 sẽ là một năm khó khăn cho Công ty trong việc thực hiện hoàn thành thắng lợi các chỉ tiêu, kế hoạch năm 2022. Hội đồng quản trị cùng với Ban Tổng giám đốc và tập thể CBCNV tiếp tục nỗ lực hơn nữa trong công tác quản trị, điều

hành phần đầu hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao trong năm 2022, với kế hoạch và định hướng sau:

1. Mục tiêu tổng quát:

- Tiếp tục thực hiện “mục tiêu kép” vừa đảm bảo phòng, chống dịch Covid-19 an toàn, hiệu quả vừa duy trì, ổn định và phát triển kinh doanh.

- Chú trọng công tác phát triển thị trường, khách hàng trên cơ sở “Lấy khách hàng làm trung tâm”; Mở rộng thị trường mới trên cơ sở phát triển và khai thác hiệu quả thị trường hiện có; đa dạng hoá đối tác và nguồn hàng, hạn chế sự phụ thuộc vào một số thị trường; Đẩy mạnh khai thác và phát triển thị trường nội địa; mở rộng các dịch vụ tạo giá trị gia tăng bên cạnh các dịch vụ truyền thống; phát triển các dịch vụ ngoài bóc xếp, dịch vụ phụ trợ; Xây dựng các giải pháp thay thế những nguồn hàng, dịch vụ có khả năng mất đi do xu thế chuyển dịch hoặc những nguồn hàng, dịch vụ không còn phù hợp; hợp tác, liên kết để phát triển kinh doanh/dịch vụ chuỗi với các DN trong cùng Tổng công ty nhằm tăng nguồn thu, tiết giảm chi phí, tăng lợi nhuận; Lan toả mạnh mẽ văn hoá “Lấy khách hàng làm trung tâm”.

- Đẩy mạnh công tác đầu tư, hạ tầng kỹ thuật, phương tiện thiết bị, nâng cao năng lực cạnh tranh để giữ khách hàng cũ và thu hút khách hàng mới; Tăng cường huy động, sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đầu tư; đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư đặc biệt là các dự án đầu tư theo kế hoạch và theo nhu cầu thực tế của Công ty, tránh đầu tư dàn trải; không hiệu quả; Đẩy mạnh Đầu tư hạ tầng số theo kế hoạch chuyển đổi số để nâng cao trải nghiệm khách hàng, tăng năng lực quản trị; tạo ra những giá trị mới cho khách hàng.

- Tiếp tục hoàn thiện bộ máy quản lý, thực hiện phân quyền, phân cấp để nâng cao trách nhiệm quản lý

- Nâng cao chất lượng và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực, lấy phát triển con người làm trung tâm; đẩy mạnh công tác đào tạo, huấn luyện; đẩy mạnh công tác đổi mới sáng tạo; ứng dụng và phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Xây dựng hệ thống quản trị nội bộ linh hoạt, hiệu quả; Tập trung chuẩn hoá, số hoá các quy trình, tiêu chuẩn để phục vụ khách hàng tốt hơn.

- Ứng dụng mạnh mẽ các giải pháp công nghệ thông tin, đặc biệt là các giải pháp giao dịch không tiếp xúc trong bối cảnh dịch bệnh; tập trung hoàn thành các ứng dụng CNTT vào hoạt động sản xuất kinh doanh và công tác kiểm tra, giám sát.

- Đổi mới hệ thống quản trị, mô hình phát triển của Công ty đảm bảo thực thi nguyên tắc “1 hệ thống- 2 trung tâm- 3 Chiến lược”.

2. Mục tiêu cụ thể:

HDQT thống nhất một số chỉ tiêu chính trong kế hoạch kinh doanh năm 2022 báo cáo và trình ĐHĐCĐ năm 2022 xem xét thông qua gồm các chỉ tiêu sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch kinh doanh năm 2022
1. Sản lượng hàng qua cảng	Tấn	2.800.000
2. Tổng doanh thu hợp nhất	Triệu đồng	157.000

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch kinh doanh năm 2022
3. Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	Triệu đồng	35.000
4. Cổ tức chi trả dự kiến (%/ cổ phiếu)	%	Thấp nhất 7%
5. Kế hoạch đầu tư	Triệu đồng	49.050

3. Giải pháp để hoàn thành kế hoạch

3.1. Giải pháp Công tác tài chính, kinh doanh, đầu tư

- Hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2022 được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.

- Tập trung công tác giữ vững và ổn định thị phần khách hàng hiện hữu, trong đó tập trung duy trì các khách hàng lớn của cảng như khách hàng: Dầm Gỗ, Đá, Cát, Cá đông lạnh....

- Đẩy mạnh công tác phát triển thị trường, khách hàng, lan toả mạnh mẽ Văn hoá “Lấy khách hàng làm trung tâm”. Tập trung làm việc với các tập đoàn năng lượng, Tập Đoàn sắt thép để đưa lượng hàng thiết bị, cấu kiện của các dự án khu vực Nam Trung bộ, Tây Nguyên và mặt hàng sắt thép, Alumin... thông qua Cảng Cam Ranh; Tập trung vào khách hàng tiềm năng, có nhu cầu và khả năng xuất, nhập hàng hóa qua cảng, các nhóm khách hàng có chân hàng xuất ổn định và cơ sở hạ tầng đầu tư bền vững, lâu dài; Tiếp tục bám sát, nắm thông tin về việc thiết lập tuyến container nội địa của ICD Cam Ranh và Tân Cảng Sài Gòn;

- Nghiên cứu, đánh giá thị trường và kết hợp với các đơn vị vệ tinh có năng lực để mở thêm các loại hình dịch vụ mới, liên kết với các đơn vị cung cấp dịch vụ để hình thành Trung tâm dịch vụ logistics, giảm thời gian, chi phí dịch vụ trong chuỗi cung ứng, nâng cao hiệu quả và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

- Nỗ lực kết nối với các doanh nghiệp thành viên trong Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam (VIMC) nhằm thực hiện mục tiêu chiến lược là phát triển dịch vụ chuỗi trên cơ sở kết nối các lĩnh vực vận tải biển – cảng biển – dịch vụ hàng hải tương hỗ trong phát triển kinh doanh, giảm chi phí thông qua hoạt động sử dụng dịch vụ chung giữa các doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh như kết nối dịch vụ chuỗi (Cung ứng dịch vụ nhân công kỹ thuật, phương tiện, thiết bị đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp bạn trong sản xuất kinh doanh; Kết nối với các tập đoàn sắt thép và nhận làm đơn vị phân phối sản phẩm cho thị trường khu vực.....)

- Kiểm soát chặt chẽ các chi phí, rà soát và cắt giảm các chi phí không hợp lý, trong đó tập trung tiết giảm chi phí quản lý trên doanh thu ít nhất 3%

- Tăng cường công tác quản lý các khoản phải thu, hạn chế tối đa vốn bị chiếm dụng. Có biện pháp sử dụng vốn bằng tiền tạm thời nhàn rỗi, nâng cao hiệu quả khai thác sử dụng vốn bằng tiền, tìm cơ hội đầu tư cho các hoạt động khác nhiều lợi nhuận.

- Nâng cao hiệu quả luân chuyển vốn; đánh giá, phân tích thực trạng các khoản nợ phải trả, tính chất nợ, khả năng trả nợ để có các giải pháp cơ cấu các khoản nợ nhằm bảo đảm khả năng hoạt động của Công ty; Tăng cường chức năng giám sát tài chính của Công ty; ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản trị và giám sát tài chính.

- Lựa chọn, ký kết các hợp đồng tín dụng để đảm bảo huy động vốn cho các Dự án đầu tư của Công ty.

- Triển khai thực hiện các dự án đầu tư theo kế hoạch đã đề ra, đầu tư có trọng tâm, phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty và đáp ứng nhu cầu của khách hàng, tránh đầu tư dàn trải, chủ yếu tập trung vào dự án đầu tư nâng cao năng lực khai thác cầu cảng; Dự án đầu tư cầu 180 tấn; đầu tư xây dựng hệ thống kho bãi theo nhu cầu của khách hàng và đầu tư các thiết bị phục vụ cho nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty. Công tác đầu tư được thực hiện tuân thủ đúng quy định của pháp luật và các văn bản quản lý nội bộ của Công ty.

- Nghiên cứu phương án đầu tư thông qua liên doanh, liên kết, hợp tác đầu tư, huy động nguồn vốn ứng trước của khách hàng để tranh thủ nguồn vốn, công nghệ tiên tiến bên ngoài nhằm nâng cao năng lực hoạt động doanh nghiệp, giảm áp lực chi phí tài chính, chia sẻ lợi nhuận và rủi ro.

3.2. Giải pháp về quản trị và đổi mới doanh nghiệp

- Áp dụng phương thức quản trị tiên tiến hướng đến hiệu suất thông qua các công cụ như BSC và KPI. Nâng cao hiệu quả công tác quản trị doanh nghiệp, đặc biệt ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành.

- Tập trung xây dựng, chuẩn hoá hệ thống quản lý nội bộ, các quy trình, quy định, tiêu chuẩn,... trên cơ sở lấy tư duy hướng tới khách hàng làm nền tảng được thúc đẩy bằng công nghệ, số hoá, nhằm tối đa tính hiệu quả, linh hoạt, thích nghi với sự biến động khó lường, nâng cao chất lượng dịch vụ và trải nghiệm khách hàng đảm bảo phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty và các chế độ, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

- Triển khai thực hiện Hệ thống quản trị rủi ro (gồm Quy chế Quản trị rủi ro, Quy trình Quản lý rủi ro doanh nghiệp); Tăng cường thực hiện tốt 3 tuyến phòng vệ rủi ro của Công ty.

- Thiết lập Bảng phân quyền để đẩy nhanh cơ chế ra quyết định, đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách hàng như: Hoàn thành Bảng phân cấp, phân quyền của Tổng giám đốc cho các Phó Tổng giám đốc, Trưởng các phòng/ban/đơn vị để nâng cao trách nhiệm quản lý của Người đứng đầu.

3.3. Giải pháp về nguồn nhân lực

- Tiếp tục củng cố, kiện toàn bộ máy quản lý điều hành Công ty theo hướng gọn nhẹ, chuyên sâu, linh hoạt và ứng biến nhanh trong giai đoạn bất ổn, khó lường, trong đó lấy phát triển con người làm trung tâm nhằm đảm bảo có đội ngũ cán bộ lãnh đạo, lao động có trình độ kỹ thuật tay nghề giỏi để điều hành sản xuất kinh doanh của công ty đạt hiệu quả cao. rà soát bộ máy, sắp xếp đúng người, đúng việc, nâng cao năng lực tham mưu, chỉ đạo.

- Tăng cường công tác đào tạo, huấn luyện, đào tạo lại hoặc tuyển dụng mới (nếu cần) để nâng cấp chất lượng, năng suất lao động.

- Đào tạo nhân sự theo định hướng phát triển của Công ty giai đoạn 2021-2025, trong năm 2022 chú trọng đào tạo nâng cao chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên quản lý; đào tạo đội ngũ chăm sóc khách chuyên nghiệp; đào tạo đội ngũ công nhân lành nghề, công nhân kỹ thuật đáp ứng tốt yêu cầu về cải tiến kỹ thuật, cơ giới

hoá, tự động hoá quy trình sản xuất; Kiện toàn bộ phận làm công tác đầu tư, chuyên nghiệp, rút ngắn thời gian, đảm bảo đúng tiến độ các dự án đầu tư trọng điểm.

- Có chính sách đào tạo, huấn luyện hợp lý đối với đội ngũ cán bộ dự nguồn, chú trọng đào tạo nhân sự thay thế. Định kỳ thực hiện công tác rà soát, đánh giá nhân sự tại các vị trí công tác; đội ngũ quản lý cấp tổ đội để kịp thời đào tạo cũng như thay thế nhân sự không đáp ứng được yêu cầu.

- Ứng dụng và thực hành các nội dung của chuỗi chương trình Hội thảo về Lấy Khách hàng làm trung tâm do Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam tổ chức.

- Hoàn thành và thi đạt các khoá đào tạo trực tuyến Elearning dành riêng cho từng đối tượng trên công đào tạo trực tuyến do Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam tổ chức.

- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp, khuyến khích học tập, nâng cao trình độ bản thân, tinh thần làm việc nhóm, tạo điều kiện CNV-NLĐ tự học và tự phát triển.

- Thành lập đội ngũ Huấn luyện viên nội bộ và Triển khai huấn luyện nội bộ để chia sẻ kiến thức trong toàn thể CBCNV.

3.4. Giải pháp về chuyển đổi số:

- Tăng cường áp dụng công nghệ thông tin trong hoạt động kinh doanh, khai thác cảng.

- Hoàn thành triển khai phần mềm quản lý cảng tổng hợp, số hoá công tác: lập kế hoạch, tổng hợp sản lượng khai thác trên Mobile App, tự động kết nối hệ thống tính lương.

- Triển khai ứng dụng CNTT để quản lý trang thiết bị, vật tư, công cụ, dụng cụ, bảo trì bảo dưỡng.

- Kết nối hệ thống VIMC One System: xây dựng các CSDL về: khách hàng, dịch vụ, biểu giá, hàng hóa, nhà cung cấp, vật tư dụng cụ, lao động, cơ sở hạ tầng, quy trình thủ tục.

3.5. Giải pháp Đổi mới, sáng tạo

- Xây dựng và triển khai có hiệu quả ít nhất 4 ý tưởng, sáng kiến liên quan đến công tác quản trị, điều hành, kinh doanh và khai thác đảm bảo hoàn thành đúng thời hạn đề ra; tiết kiệm chi phí, tăng doanh thu, lợi nhuận; tăng năng suất lao động, giảm thời gian xử lý các thủ tục, thời gian ra quyết định; tăng sự hài lòng và trải nghiệm của khách hàng.

Trên đây là báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2021 và phương hướng hoạt động năm 2022, Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, NPTQTCT.



KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2022

TT	Tên dự án	Quy mô/Mô tả dự án	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Nguồn vốn		Kế hoạch thực hiện năm 2022
				Tự có (tỷ đồng)	Vay (tỷ đồng)	
I	DA chuyển tiếp từ năm 2021		100,95	50,2	50,75	42,05
1	Đầu tư XD CB		64,50	23,90	40,60	15,10
1.1	Dự án nâng cao năng lực khai thác cầu cảng-cảng Ba Ngòi	Nâng cấp bến số 1 lên 50.000 DWT và bến 2 lên 70.000 DWT giảm tải	58,00	17,40	40,60	10,60
1.2	Thảm nhựa đường trục chính T1	736m	6,50	6,50	0,00	4,50
2	Mua sắm thiết bị		36,45	26,3	10,15	26,95
2.1	Cầu di động	Sức nâng 180 tấn	20,00	20,00	0,00	15,00
2.2	Băng tải làm hàng rời	01 hạng rớt	14,50	4,35	10,15	10,50
2.3	Trạm cân điện tử	80 tấn	1,00	1,00	0,00	0,70
2.5	Xe nâng hàng	12 tấn	0,95	0,95	0,00	0,75
II	DA khởi công năm 2022		7,00	7,00	0,00	7,00
1	Đầu tư XD CB		5,00	5,00	0,00	5,00
1.1	Nâng cấp/bé tông nền bãi	3.000 m2	5,00	5,00	0,00	5,00
2	Mua sắm thiết bị		2,00	2,00	0,00	2,00
2.1	Công cụ thiết bị phục vụ chuyển đổi số	Hệ thống	2,00	2,00	0,00	2,00
Tổng cộng			107,95	57,20	50,75	49,05

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Cảng Cam Ranh

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Căn cứ Quy chế tổ chức, hoạt động của Ban Kiểm soát;

Căn cứ Báo cáo tài chính riêng và BCTC hợp nhất năm 2021 của Công ty CP Cảng Cam Ranh đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

Ban Kiểm soát Công ty CP Cảng Cam Ranh xin báo cáo tình hình hoạt động, kiểm tra, giám sát Công ty CP Cảng Cam Ranh năm 2021 như sau:

PHẦN I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2021

I. Tình hình nhân sự Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát gồm 03 thành viên được bầu tại ĐHĐCĐ năm 2021 bao gồm:

1. Bà Dương Thị Hồng Hạnh - Trưởng ban
2. Bà Trần Thị Thanh Thủy - Thành viên
3. Bà Bùi Thị Ngân Hoa - Thành viên

Tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2021, ĐHĐCĐ đã thông qua việc miễn nhiệm bà Nguyễn Thị Ngọc Hòa - Thành viên Ban Kiểm soát và bà Dương Thị Thanh Mai - Thành viên Ban Kiểm soát và bầu bổ sung bà Trần Thị Thanh Thủy và bà Bùi Thị Ngân Hoa làm thành viên Ban Kiểm soát.

II. Về tình hình hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty:

I. Tình hình hoạt động của Ban Kiểm soát:

Trong năm 2021, BKS đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban Tổng giám đốc (TGD), thực hiện công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành, tuân thủ Điều lệ và quy định của pháp luật trong hoạt động quản lý của HĐQT, hoạt động điều hành của Ban TGD. Cụ thể các công việc đã thực hiện như sau:

+ Giám sát việc tuân thủ các quy định của Pháp luật và điều lệ Công ty. Tổ chức kiểm tra, giám sát chương trình hoạt động của HĐQT, Ban TGD Công ty năm 2021. Xem xét các Nghị quyết, Quyết định do HĐQT, Ban TGD ban hành trong quá trình quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, việc tổ chức triển khai

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Căng Cam Ranh

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Căng Cam Ranh đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Căn cứ Quy chế tổ chức, hoạt động của Ban Kiểm soát;

Căn cứ Báo cáo tài chính riêng và BCTC hợp nhất năm 2021 của Công ty CP Căng Cam Ranh đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

Ban Kiểm soát Công ty CP Căng Cam Ranh xin báo cáo tình hình hoạt động, kiểm tra, giám sát Công ty CP Căng Cam Ranh năm 2021 như sau:

PHẦN I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2021

I. Tình hình nhân sự Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát gồm 03 thành viên được bầu tại ĐHĐCĐ năm 2021 bao gồm:

1. Bà Dương Thị Hồng Hạnh - Trưởng ban
2. Bà Trần Thị Thanh Thủy - Thành viên
3. Bà Bùi Thị Ngân Hoa - Thành viên

Tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2021, ĐHĐCĐ đã thông qua việc miễn nhiệm bà Nguyễn Thị Ngọc Hòa - Thành viên Ban Kiểm soát và bà Dương Thị Thanh Mai - Thành viên Ban Kiểm soát và bầu bổ sung bà Trần Thị Thanh Thủy và bà Bùi Thị Ngân Hoa làm thành viên Ban Kiểm soát.

II. Về tình hình hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty:

I. Tình hình hoạt động của Ban Kiểm soát:

Trong năm 2021, BKS đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban Tổng giám đốc (TGD), thực hiện công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành, tuân thủ Điều lệ và quy định của pháp luật trong hoạt động quản lý của HĐQT, hoạt động điều hành của Ban TGD. Cụ thể các công việc đã thực hiện như sau:

+ Giám sát việc tuân thủ các quy định của Pháp luật và điều lệ Công ty. Tổ chức kiểm tra, giám sát chương trình hoạt động của HĐQT, Ban TGD Công ty năm 2021. Xem xét các Nghị quyết, Quyết định do HĐQT, Ban TGD ban hành trong quá trình quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, việc tổ chức triển khai

thực hiện các Nghị quyết, quyết định cũng như tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Nghị quyết của HĐQT trong năm 2021.

+ BKS đã tham dự các cuộc họp HĐQT hàng quý và theo yêu cầu, nắm bắt kịp thời tình hình kinh doanh thực tế của Công ty và đóng góp ý kiến với HĐQT, Ban TGD trong việc thực hiện các mục tiêu đã được ĐHĐCĐ phê duyệt và kiến nghị thực hiện những thay đổi cần thiết. HĐQT, Ban TGD, BKS luôn có sự phối hợp chặt chẽ để hoạt động của doanh nghiệp luôn tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và đạt hiệu quả cao nhất.

+ Kiểm tra, giám sát tình hình và kết quả thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, việc thực hiện các dự án đầu tư đã được Đại hội đồng cổ đông năm 2021 thông qua.

+ Thẩm định các Báo cáo tài chính của Công ty do Ban TGD xác lập; những kiến nghị của kiểm toán viên đưa ra; rà soát, thảo luận cùng Ban TGD, kiểm toán viên về Dự thảo Báo cáo soát xét 06 tháng đầu năm 2021 và báo cáo kiểm toán năm 2021 nhằm đánh giá tính trung thực, khách quan, hợp lý của các số liệu tài chính phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán và chính sách hiện hành.

2. Tình hình và kết quả cuộc họp của BKS:

Trong năm 2021, BKS đã họp 04 cuộc họp, tình hình tham dự, nội dung và kết quả cuộc họp cụ thể như sau:

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ Miễn nhiệm là thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Bà Dương Thị Hồng Hạnh	Trưởng Ban	25/06/2015	04	100%	-
2	Bà Trần Thị Thanh Thủy	Thành viên	23/4/2021	03	100%	-
3	Bà Bùi Thị Ngân Hoa	Thành viên	23/4/2021	03	100%	-
4	Bà Nguyễn Thị Ngọc Hòa	Thành viên	23/4/2021	01	100%	-
5	Bà Dương Thị Thanh Mai	Thành viên	23/4/2021	01	100%	-

- Tại kỳ họp và làm việc tháng 3/2021, BKS đã họp thống nhất phân công công việc giữa các thành viên và thực hiện việc giám sát việc quản lý điều hành, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình đầu tư năm 2020 của Cảng Cam Ranh.

- Tại kỳ họp và làm việc tháng 5/2021, sau khi bầu bổ sung 02 thành viên, BKS đã họp thống nhất bầu BKS và phân công nhiệm vụ giữa các thành viên BKS.

- Tại kỳ họp tháng 8/2021, BKS đã họp thống nhất việc phân công công việc giữa các thành viên Ban Kiểm soát và thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát 06 tháng đầu năm 2021.

- Tại kỳ họp tháng 11/2021, BKS đã họp thống nhất việc phân công công việc giữa các thành viên BKS và thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát Quý III/2021.

3. Các kiến nghị của Ban Kiểm soát:

Trong năm 2021, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban Kiểm soát đã đưa ra các ý kiến kiến nghị đối với hoạt động của HĐQT, Ban TGD trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh như sau:

- Kiến nghị hoàn thiện công tác hạch toán chi phí, chứng từ thanh toán của Cảng Cam Ranh nhằm tăng cường công tác kiểm soát, quản trị chi phí sản xuất kinh doanh.

- Kiến nghị trong công tác tiền lương: trích lập, sử dụng Quỹ tiền lương phù hợp với quy định hiện hành và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 của Cảng.

- Tham gia góp ý kiến đối với công tác đầu tư, quy trình lựa chọn nhà thầu, thẩm tra phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành, quy trình thanh toán chi phí thực hiện dự án.

- Tham gia góp ý kiến đối với dự thảo các quy chế quản lý nội bộ của Cảng (quy chế quản lý tài chính, quy chế tiền lương, quy chế quản lý hoạt động đầu tư, Quy chế quản lý nợ, quy định về công tác cán bộ, quy chế về quản lý người đại diện phần vốn, quy chế kiểm toán nội bộ...), kế hoạch chuyển đổi số và các nội dung khác.

- Để ổn định sản xuất kinh doanh và đảm bảo đời sống cho người lao động trước diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19, KSV đã đề nghị đơn vị thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP của Chính phủ và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid -19. Kịp thời nắm bắt, tìm hiểu, đối chiếu tình hình thực tế của đơn vị để tiếp cận các chính sách hỗ trợ của Chính phủ. Đồng thời, xây dựng và thực hiện các chế độ chính sách về tiền lương, phụ cấp hỗ trợ thêm cho người lao động phải làm nhiệm vụ sản xuất kinh doanh trong vùng dịch để giảm thiểu tác động tiêu cực của dịch bệnh, đảm bảo đời sống và an toàn cho người lao động.

II. Kết quả giám sát hoạt động quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

1. Kết quả giám sát hoạt động của HĐQT

Sau khi ban hành Nghị quyết số 09/2021/NQ-CCR.HĐQT ngày 23/4/2021 về việc triển khai các nội dung của ĐHĐCĐ, HĐQT đã thường xuyên chỉ đạo, giám sát Tổng giám đốc và Ban Điều hành trong việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ cũng như việc nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của pháp luật về công tác quản trị doanh nghiệp và nhiệm vụ kinh doanh của Công ty.

Hội đồng quản trị đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo Điều lệ Công ty. Tại các cuộc họp HĐQT cũng như trao đổi qua tin nhắn nội bộ, các thành viên đã đóng góp ý kiến xây dựng hoặc phản biện về các vấn đề thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của Hội đồng quản trị như cho ý kiến về các dự án đầu tư, quy chế quản lý nội bộ, công tác quy hoạch cán bộ quản lý, bổ nhiệm cán bộ... nhằm đưa ra những

định hướng, chủ trương đúng đắn, phù hợp. HĐQT đã chủ động đánh giá thị trường, căn cứ tình hình kinh doanh của Công ty để ban hành các nghị quyết và quyết định theo đúng thẩm quyền, phù hợp với Pháp luật và Điều lệ Công ty để định hướng hoạt động cho Ban điều hành. Ban Kiểm soát đánh giá hoạt động của HĐQT phù hợp với Điều lệ của Công ty, đáp ứng yêu cầu quản lý, điều hành hoạt động của Công ty trong năm.

Các thành viên HĐQT đã tham gia đầy đủ các cuộc họp định kỳ và bất thường theo quy định của Điều lệ và quy định nội bộ của Công ty. Năm 2021, Hội đồng quản trị đã tổ chức 05 cuộc họp (trực tiếp và trực tuyến) và 30 lần lấy ý kiến bằng văn bản, ban hành 36 Nghị quyết và 37 Quyết định liên quan đến công tác điều hành sản xuất kinh doanh, chế độ chính sách, đầu tư... Các cuộc họp đều được chuẩn bị chu đáo, đảm bảo thời lượng và chất lượng, kịp thời định hướng hoạt động kinh doanh của Công ty, thể hiện tinh thần trách nhiệm cao của các thành viên Hội đồng quản trị Công ty. Các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị trước khi ban hành đều được nhất trí tán thành của các thành viên HĐQT; việc lấy ý kiến bằng văn bản đều được thực hiện đúng theo quy định của Điều lệ Công ty và các quy định Pháp luật có liên quan. Về cơ bản, HĐQT đã quyết định các chủ trương, chiến lược, giải pháp kinh doanh của Công ty phù hợp với chủ trương chính sách của nhà nước và tình hình kinh tế khu vực.

HĐQT và Ban TGD Công ty đã triển khai thực hiện các nội dung Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị như: thực hiện phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ, chia cổ tức, trích và chi thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị đều triển khai ban hành kịp thời, thực hiện tốt chức năng quản trị của Hội đồng quản trị, đồng thời đáp ứng được yêu cầu điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty.

Trong năm, HĐQT đã ban hành các quy chế, quy định và hoàn thiện hệ thống văn bản quản lý nội bộ thuộc thẩm quyền của HĐQT bao gồm: Quy chế quản lý tài chính, quy chế tiền lương, Quy chế quản lý hoạt động đầu tư, Quy chế quản lý nợ, quy định về công tác cán bộ, quy chế về quản lý người đại diện phần vốn, quy chế kiểm toán nội bộ...

Đánh giá chung: Trong kỳ, Hội đồng quản trị đã triển khai hoạt động dựa trên kế hoạch sản xuất kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông năm 2021 đã thông qua. Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp và ban hành các Nghị quyết, Quyết định, quy chế thuộc thẩm quyền đầy đủ, phù hợp với Điều lệ công ty cũng như các quy định của pháp luật, đồng thời đã giám sát, hỗ trợ Ban Tổng giám đốc thực hiện và hoàn thành tốt nhiệm vụ. Kết quả, đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu ĐHCĐ đề ra, đặc biệt là chỉ tiêu lợi nhuận, đảm bảo đời sống và an toàn cho người lao động trước diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid 19.

2. Kết quả giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Tổng giám đốc và Ban Điều hành đã chủ động và nỗ lực thực hiện các nhiệm vụ và chỉ tiêu mà ĐHCĐ đã thông qua. Trong quá trình điều hành luôn nghiêm túc triển khai đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT Công ty. Chủ động thực hiện các biện pháp để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong

điều kiện thị trường bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19, phù hợp với Nghị quyết của ĐHĐCĐ, chỉ đạo của Hội đồng quản trị và tuân thủ Điều lệ công ty, quy định của pháp luật, đáp ứng yêu cầu quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Trên cơ sở các Nghị quyết Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã có những chỉ đạo sát sao, triển khai thực hiện đồng bộ các biện pháp giúp cho Công ty hoạt động ổn định với tổng doanh thu Công ty mẹ đạt 196 tỷ đồng, bằng 123% kế hoạch, lợi nhuận đạt 53,9 tỷ đồng, bằng 171% kế hoạch đầu năm.

Ban Điều hành thường xuyên tổ chức các cuộc họp đề hội ý, trao đổi và rà soát tình hình sản xuất kinh doanh cũng như việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT để kịp thời điều chỉnh hoặc giải quyết các vướng mắc phát sinh.

Ban Điều hành đã chủ động trong công tác phát triển thị trường, tìm kiếm khách hàng, tăng doanh thu và lợi nhuận cho Công ty. Phối hợp với các cơ quan liên quan làm tốt công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19 tại doanh nghiệp. Xây dựng, ban hành quy định, hoàn thiện hệ thống văn bản quản lý nội bộ thuộc thẩm quyền của Tổng giám đốc.

Ban Điều hành đã triển khai hoạt động kinh doanh phù hợp và tuân thủ đúng với các quy định, quy chế quản lý của Công ty, nghị quyết của ĐHĐCĐ, chỉ đạo của HĐQT và tuân thủ đúng Điều lệ của Công ty. Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với nhà nước và các chế độ chính sách cho người lao động. Duy trì tốt các hoạt động về đảm bảo an ninh trật tự, an toàn về phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường. Hàng năm đều quan tâm và hỗ trợ đến công tác đoàn thể, phụ nữ của Công ty.

Đối với các ý kiến góp ý của Ban Kiểm soát: Ban Điều hành đã chỉ đạo các ban tham mưu rà soát và sửa đổi bổ sung cho phù hợp trình HĐQT Công ty xem xét, phê duyệt.

Đánh giá chung: Ban Tổng giám đốc đã tích cực, chủ động trong việc điều hành, giám sát cũng như đề xuất với HĐQT các biện pháp cần thiết để nâng cao hiệu quả trong công tác triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phù hợp với Nghị quyết của ĐHĐCĐ, chỉ đạo của Hội đồng quản trị và tuân thủ đúng Điều lệ công ty, quy định của pháp luật, đáp ứng yêu cầu quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm. Nhìn chung các thành viên Ban Tổng Giám đốc cũng như các bộ phận quản lý của các phòng ban Công ty, trong năm không có những hành vi lợi dụng quyền hạn của mình để trục lợi cá nhân hay xung đột lợi ích với Công ty.

III. Công tác thẩm tra, giám sát Báo cáo tài chính, hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021:

1. Thẩm tra Báo cáo tài chính:

- Căn cứ số liệu của BCTC cho thấy:

+ Hiện tại Công ty vẫn duy trì ổn định về tài chính được phản ánh qua các chỉ tiêu về khả năng thanh toán; hoạt động sản xuất kinh doanh bằng vốn đầu tư của chủ sở hữu.

+ Công ty thực hiện theo dõi và phân loại công nợ theo quy định hiện hành, việc đối chiếu công nợ tương đối đầy đủ. Các khoản nợ khó đòi đã được Công ty trích lập dự phòng, đồng thời Công ty cần xem xét tình hình tài chính, hiện trạng

của khách hàng, đối chiếu với quy định để xử lý nợ dứt điểm đối với các khoản nợ phải thu khó đòi.

* Đối với báo cáo tài chính năm 2021 đã được Kiểm toán và Ban TGD xác nhận:

- Báo cáo của Ban Tổng giám đốc: "*Ban Tổng giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, ... và đảm bảo rằng BCTC đã tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác*".

- Báo cáo của kiểm toán viên độc lập: "*BCTC đã phản ánh trung thực, hợp lý các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày BCTC*".

* Ban Kiểm soát cho rằng, cùng với Báo cáo của Ban Tổng giám đốc, ý kiến của Kiểm toán viên thể hiện trách nhiệm của mình khi lập và kiểm toán BCTC của Công ty. Các thông tin tài chính đảm bảo tính minh bạch không gây ảnh hưởng đến đối tượng sử dụng báo cáo tài chính.

2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ

2.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: triệu đồng

CHỈ TIÊU	TH 2020	KH 2021	TH 2021	TH 2021 / 2020	TH2021 / KH 2021
Sản lượng hàng thông qua cảng (tấn)	1.680.027	2.700.000	2.435.923	145,0	90,2
Tổng doanh thu	135.407	151.000	192.804	142,4	127,7
Doanh thu thuần	134.130		191.431	142,7	
Doanh thu tài chính	1.259		959	76,2	
Doanh Thu khác	18		414	2300	
Tổng chi phí	107.880		139.574	129,4	
Giá vốn hàng bán	81.994		107.919	131,6	
Chi phí bán hàng	263		240	91,3	
Chi phí QLDN	21.741		28.180	129,6	
Chi phí tài chính	3.882		741	19,1	
Chi phí khác	0		2.494	-	
Lợi nhuận trước thuế	27.527	31.000	53.230	193,4	171,7
Lợi nhuận sau thuế	23.264		42.464	182,5	
<i>Cổ tức</i>	<i>7</i>	<i>7</i>	<i>12</i>	<i>17</i>	<i>17</i>

2.2. Đánh giá tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Đơn vị	01/01/2021	31/12/2021
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán nhanh (TSNH-HTK)/Nợ NH	Lần	0,92	2,10
Khả năng thanh toán hiện hành (TSNH/Nợ NH)	Lần	0,94	2,15
Khả năng thanh toán tổng quát (TTS/NPT)	Lần	7,62	13,16
Cơ cấu tài sản			
TSNH/ Tổng tài sản	%	7,2	13,4
Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	%	92,8	86,6
Tài sản cố định/ Tổng tài sản	%	91,1	84,9
Hệ số nợ			
Nợ phải trả/ Tổng tài sản	%	13,1	7,6
Nợ phải trả/ VCSH	%	15,1	8,2
Dư nợ vay/ VCSH	%	0,1	-

Đánh giá:

+ Khả năng thanh toán: Các hệ số về khả năng thanh toán tại thời điểm 31/12/2021 đều tăng cao so với thời điểm đầu năm, khả năng thanh toán hiện hành lớn hơn một (1) cho thấy khả năng thanh toán các khoản nợ của Cảng Cam Ranh vẫn được đảm bảo.

+ Cơ cấu tài sản:

Đơn vị tính: triệu đồng

Cơ cấu tài sản	01/01/2021	31/12/2021	Chênh lệch
Tổng tài sản	316.659	320.906	4.247
TSNH	22.832	43.150	20.318
TSDH	293.827	277.756	(16.071)

Tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2021 là 320.906 triệu đồng, tăng 4.247 triệu đồng so với thời điểm đầu năm. Trong đó:

- Tài sản ngắn hạn là 43.150 triệu đồng (chiếm tỷ trọng 13,4% tổng tài sản), tăng 20.318 triệu đồng so với đầu năm. Chủ yếu là do tiền và các khoản tương đương tiền tăng 12.484 triệu đồng, các khoản phải thu ngắn hạn tăng 7.350 triệu đồng chủ yếu tăng khoản phải thu khách hàng, trả trước cho người bán.

- Tài sản dài hạn là 277.756 triệu đồng (chiếm 86,6% tổng tài sản), giảm 16.071 triệu đồng so với thời điểm đầu năm chủ yếu là do khấu hao tài sản cố định.

Tài sản cố định chiếm tỷ trọng cao trong tổng tài sản (84,9% tổng tài sản). Cơ cấu tài sản của Cảng Cam Ranh phù hợp với cơ cấu tài sản của một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực cảng biển do đầu tư cơ sở hạ tầng với giá trị lớn.

+ Cơ cấu nguồn vốn:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	01/01/2021	31/12/2021	Chênh lệch
Tổng nguồn vốn	316.659	320.906	4.247
Nợ phải trả, trong đó:	41.558	24.381	(17.177)
- Nợ ngắn hạn	24.178	20.029	(4.149)
- Nợ dài hạn	17.380	4.352	(13.028)
Vốn chủ sở hữu	275.101	296.525	21.424
Vốn góp của chủ sở hữu	245.018	245.018	0
VCSH/ Vốn góp của Chủ sở hữu (lần)	1,12	1,21	0,09

Tại thời điểm 31/12/2021, tổng nguồn vốn là 320.906 triệu đồng, tăng 4.247 triệu đồng so với thời điểm đầu năm. Trong đó: Nợ phải trả là 24.381 triệu đồng giảm 17.177 triệu đồng, chủ yếu do Cảng Cam Ranh đã trả nợ trước hạn khoản vay tại Vietcombank số tiền 20.000 triệu đồng để tắt toán khoản vay. Vốn chủ sở hữu là 296.525 triệu đồng, tăng 21.424 triệu đồng chủ yếu do lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, Quỹ đầu tư phát triển tăng.

Các hệ số nợ phải trả/ tổng nguồn vốn (hay vốn chủ sở hữu) đều giảm mạnh so với thời điểm đầu năm do trong kỳ Cảng Cam Ranh đã thanh toán các khoản nợ đến hạn và trả trước nợ vay. Nợ phải trả chiếm 7,6% tổng tài sản, bằng 8,2% vốn chủ sở hữu chứng tỏ tài sản của Cảng Cam Ranh chủ yếu được hình thành từ nguồn vốn tự có. Tỷ lệ vốn chủ sở hữu/ Vốn đầu tư của chủ sở hữu là 1,21 tăng so với thời điểm đầu năm cho thấy vốn chủ sở hữu được bảo toàn, phát triển.

+ Đánh giá khả năng sinh lời :

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ DTT	%	17,3	22,2
ROA (Tỷ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản)	%	7,3	13,2
ROE (Tỷ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu)	%	8,5	14,3

Do hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 đạt kết quả cao nên các hệ số về khả năng sinh lời năm 2021 đều tăng so với năm 2020.

Hệ số LNST/DTT = 22,2% tăng so với năm 2020 (17,3%) cho thấy một đồng doanh thu năm 2021 đã tạo ra được nhiều lợi nhuận hơn so với năm 2020.

ROA = 13,2% tăng so với năm 2020 (ROA năm 2020 = 7,3%, cho thấy hiệu suất sinh lời của tài sản năm 2021 tốt hơn năm 2020.

ROE = 14,3% tăng so với năm 2020 (ROE năm 2020 là 8,5%), cho thấy hiệu suất sinh lời của vốn chủ sở hữu năm 2021 tốt hơn năm 2020.

3. Công tác đầu tư tài chính:

3.1. Đầu tư vào Công ty con, công ty liên kết:

Tính đến thời điểm 31/12/2021, Cảng Cam Ranh thực hiện đầu tư góp vốn vào 02 Công ty (01 Công ty con và 01 Công ty liên kết). Cụ thể:

Đơn vị tính: VND

Công ty	Tỷ lệ SH (%)	Số lượng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty CP Dịch vụ Hàng hải Cảng Cam Ranh	51	356.979	3.569.790.000	-
Công ty CP Đô thị Cam Ranh	6,5	234.000	2.340.000.000	-
Cộng			5.909.790.000	-

Hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị tuy vẫn có lợi nhuận nhưng hiệu quả đầu tư không cao, có 01 khoản đầu tư tại Công ty CP Đô Thị Cam Ranh là đầu tư ngoài ngành. Năm 2021, ĐHCĐ Công ty đã thông qua kế hoạch thoái vốn tại các doanh nghiệp trên.

3.2. Góp vốn kinh doanh theo hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh

Trong năm 2018, Cảng Cam Ranh đã ký hợp đồng hợp tác kinh doanh cầu Gottwald và góp vốn đầu tư cầu với Công ty CP Hàng hải Quảng Hưng số tiền là 7 tỷ đồng. Đến hết năm 2021, do sản lượng thực hiện của cầu Gottwald chưa cao nên hiệu quả mang lại từ việc hợp tác kinh doanh chưa cao.

4. Công tác đầu tư và quản lý tài sản

a. Mua sắm, thanh lý tài sản:

+ Đầu tư, mua sắm TSCĐ: Trong năm 2021, Cảng Cam Ranh đã hoàn thành 03 dự án mua sắm máy móc, thiết bị gồm: hệ thống điện năng lượng mặt trời áp mái khu vực cầu cảng, phễu rót hàng rời, mua xe ô tô 07 chỗ.

+ Nhượng bán TSCĐ: Trong năm 2021, Cảng Cam Ranh đã thực hiện thanh lý 01 xe ô tô 07 chỗ.

Công tác đầu tư, mua sắm, nhượng bán TSCĐ của Cảng được thực hiện theo đúng quy định, quy chế của pháp luật, Công ty.

b. Đầu tư XDCB:

Trong năm, Cảng Cam Ranh hoàn thành, đưa vào sử dụng hệ thống điện năng lượng mặt trời áp mái khu vực cầu cảng với giá trị quyết toán hoàn thành là 486 triệu đồng. Các dự án còn lại đang triển khai thực hiện và chuyển tiếp sang năm 2022 như: Dự án Nâng cao năng lực khai thác cầu cảng Ba Ngòi, Ứng dụng công nghệ thông tin (phần mềm STOS), cầu di động, băng tải làm hàng rời,...

Công tác đầu tư xây dựng cơ bản của Cảng đều được thực hiện theo đúng quy định, quy chế của pháp luật, Công ty.

5. Về cơ cấu tổ chức, lao động, tiền lương

5.1. Cơ cấu tổ chức

Trong năm 2021, Công ty đã chuyển giao dịch từ sàn Upcom lên sàn HNX nên đã thành lập Ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị Công ty (thực hiện theo quy định tại Nghị định số 05/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 về kiểm toán nội bộ). Cơ cấu tổ chức của Công ty hiện gồm 06 phòng ban chuyên môn và trung tâm khai thác. Công ty thường xuyên thực hiện việc rà soát, đánh giá lại việc thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị, các tổ đội sản xuất và phụ trợ sản xuất để sắp xếp, bố trí nhân sự hợp lý, đảm bảo phát huy hiệu quả hoạt động của các đơn vị, nhất là trong giai đoạn thực hiện giãn cách do ảnh hưởng của dịch bệnh covid 19, có bộ phận sản xuất phải ngưng hoạt động như bến thủy nội địa, nhân viên gián tiếp làm việc online và đặc biệt phải tăng cường lực lượng cho công tác phòng chống dịch bệnh.

Đã thực hiện quy trình bổ nhiệm lại Kế toán trưởng và Phó Tổng giám đốc Công ty; bổ nhiệm Trưởng phòng kinh doanh, thực hiện việc luân chuyển, điều động cán bộ, công nhân viên, sắp xếp lại một số vị trí công tác tại các phòng, trung tâm, tổ sản xuất phù hợp năng lực của người lao động.

Thực hiện rà soát, bổ sung quy hoạch đối với các chức danh lãnh đạo, quản lý Công ty giai đoạn 2021-2026 (đã được Tổng công ty và Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt). Đã tiến hành quy hoạch nhân sự đối với các chức danh Trưởng và Phó trưởng các đơn vị giai đoạn 2021-2026, để tạo sự chủ động trong công tác cán bộ, đảm bảo tính kế thừa, chuyển tiếp giữa các thế hệ cán bộ.

Công ty đã ban hành Quy định về trình tự thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, thôi việc, nghỉ hưu đối với cán bộ thuộc Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh; Quy định về tiêu chuẩn, điều kiện của các chức danh Trưởng và Phó trưởng đơn vị Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh.

5.2. Tình hình lao động

Tổng số lao động đến 31/12/2021: 191 người (lao động bình quân thực hiện là 191,58 người)

Trong đó:

- + Lao động quản lý: 05 người;
- + Lao động chuyên môn nghiệp vụ: 37 người;
- + Trực tiếp sản xuất (công nhân tổ sản xuất, giao nhận, cơ điện, bán xăng dầu): 100 người;
- + Trực tiếp phụ trợ (Điều độ, tàu lai, bến thủy nội địa, cầu bến): 28 người;
- + Phụ trợ gián tiếp (Bảo vệ, lái xe, tạp vụ): 21 người

Tình hình tăng/giảm lao động: Trong năm 2021, Cảng Cam Ranh tuyển mới 06 lao động cho khối thừa hành, phục vụ; số lao động thôi việc, nghỉ hưu là 06 người.

5.3. Tình hình tiền lương, thù lao

* Công ty thực hiện chi trả tiền lương, đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ cho người lao động đúng theo quy định. Năm 2021, Công ty đã thực hiện trả lương cho Người quản lý và Người lao động theo Quy chế trả lương ban hành theo Quyết định số 01/2021/QĐ-CCR.HĐQT ngày 01/01/2021 của Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh. Ngày 14/12/2021, Công ty đã ban hành Quy chế trả lương mới theo Quyết định số 27/2021/QĐ-CCR.HĐQT của Hội đồng quản trị Công ty CP Cảng Cam Ranh, thay thế cho Quyết định số 01/2021/QĐ-CCR.HĐQT ngày 01/01/2021 nhằm chỉnh sửa, bổ sung một số quy định mới phù hợp hơn với tình hình thực tế của doanh nghiệp.

Trong năm 2021, Công ty thuê đơn vị tư vấn thực hiện cải tiến Hệ thống tiền lương 3Ps. Hội đồng quản trị Công ty đã ký quyết định ban hành đưa vào áp dụng từ tháng 01/2022.

* Tình hình trích và sử dụng quỹ lương

- Tình hình trích quỹ lương:

+ Quỹ lương kế hoạch năm 2021 là: 40.217 triệu đồng, trong đó Quỹ tiền lương kế hoạch của Người quản lý là 2.095 triệu đồng, Quỹ tiền lương kế hoạch của Người lao động là 38.122 triệu đồng.

+ Quỹ tiền lương thực hiện năm 2021 là: 44.600 triệu đồng, trong đó Quỹ tiền lương của Người quản lý là 2.592 triệu đồng, Quỹ tiền lương của Người lao động là 42.008 triệu đồng (bao gồm cả lao động thuê ngoài là 4.669 triệu đồng).

+ Tình hình sử dụng quỹ lương:

Tổng tiền lương đã chi trong năm 2021 là: 42.673 triệu đồng (bao gồm cả chi từ quỹ tiền lương dự phòng là 1.600 triệu đồng) tiền lương bình quân đạt 18,562 triệu đồng/người/tháng. Quỹ tiền lương đã chi trong năm 2021 là: 41.074 triệu đồng, trong đó trích lập Quỹ dự phòng tiền lương để bổ sung vào Quỹ tiền lương năm 2022 là: 3.526 triệu đồng, tương đương 8,6% Quỹ tiền lương thực hiện năm 2021.

* Tình hình chi trả thù lao: Công ty thực hiện chi trả đúng mức thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2021, cụ thể:

STT	Chức danh	Số thành viên	Mức thù lao/tháng	Tổng chi trả mức thù lao
1	Thành viên HĐQT	4	5.000.000	240.000.000
2	Trưởng Ban kiểm soát	1	5.000.000	60.000.000
3	Thành viên Ban kiểm soát	2	4.000.000	96.000.000
	TỔNG CỘNG			396.000.000

6. Về nghĩa vụ với nhà nước

Việc kê khai, quyết toán thuế định kỳ trong năm 2021: Cảng Cam Ranh đã thực hiện kê khai, quyết toán và nộp nghĩa vụ ngân sách Nhà nước đúng quy định.

7. Về xây dựng, ban hành quy chế, quy định quản lý nội bộ

Trong năm 2021 theo Luật doanh nghiệp 2020 mới được áp dụng bắt đầu từ 1.1.2022, Công ty đã rà soát sửa đổi thay thế như: Điều lệ công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT, Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS, ... cho đến nay Công ty ban hành tương đối đầy đủ các quy chế, quy định phù hợp với quy định của pháp luật, tạo cơ sở cho việc quản lý, điều hành hoạt động SXKD của Công ty.

IV. Kế hoạch công tác năm 2022 của Ban Kiểm soát:

Căn cứ vào hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2021 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022, Ban Kiểm soát đề ra kế hoạch hoạt động của Ban trong năm 2022 cụ thể như sau:

1. Giám sát việc chấp hành Điều lệ của công ty, pháp luật của nhà nước. Giám sát tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định, Quy chế của Hội đồng quản trị công ty và các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

2. Kiểm soát tình hình sản xuất kinh doanh và đầu tư của Cảng Cam Ranh đã được ĐHCĐ thông qua. Thẩm tra, giám sát công tác quản lý của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc theo đúng chức năng nhiệm vụ.

3. Tiến hành thẩm tra các báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, Báo cáo tài chính giữa niên độ và năm 2022, giám sát tình hình đầu tư góp vốn của Cảng Cam Ranh, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn góp;

4. Tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các cuộc họp có nội dung liên quan để nắm bắt tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đồng thời đưa ra các cảnh báo kịp thời đảm bảo lợi ích của các cổ đông.

5. Tăng cường công tác phối hợp với Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty thực hiện đầy đủ và tốt nhất Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2022.

Trên đây là toàn bộ nội dung Báo cáo giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty CP Cảng Cam Ranh năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022 của Ban Kiểm soát.

Trân trọng báo cáo./.

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN



Đương Thị Hồng Hạnh

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán; Kết quả kinh doanh, đầu tư năm 2021 và thông qua phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ doanh nghiệp và mức cổ tức năm 2021

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
của Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh

Căn cứ:

- Kết quả kinh doanh năm 2021;
- Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC;
- Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua tờ trình Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021; Kết quả kinh doanh năm 2021 và phê chuẩn mức trích lập quỹ doanh nghiệp, mức cổ tức năm 2021, cụ thể như sau:

1. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán (Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 đính kèm - đã được Công bố thông tin và đăng tải tại website công ty: www.camranhport.vn)

Ý kiến của kiểm toán: chấp thuận toàn phần Báo cáo tài chính của Công ty

2. Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 với các số liệu cụ thể như sau:

Chi tiêu	ĐVT	Năm 2021
1- Sản lượng hàng khai thác qua cảng	Tấn	2.435.923
2- Tổng doanh thu và thu nhập hợp nhất	Đồng	196.112.432.661
Tổng doanh thu và thu nhập công ty mẹ	Đồng	192.803.974.596
3- Tổng lợi nhuận trước thuế hợp nhất	Đồng	53.957.884.403
Tổng lợi nhuận trước thuế công ty mẹ	Đồng	53.229.421.014
4- Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN hợp nhất	Đồng	43.017.741.857
Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN Công ty mẹ	Đồng	42.463.720.648

3. Thông qua kết quả đầu tư năm 2021 với các số liệu cụ thể như sau:

T	Chỉ tiêu	Quy mô/khối lượng	Giá trị tăng tài sản đến 31/12/2021 (tỷ đồng)
I	Đầu tư XDCB hạ tầng		0,486
1	Hệ thống điện năng lượng mặt trời áp mái khu vực cầu cảng - KBI	30KWp	0,486
II	Đầu tư mua sắm MMTB		2,307
1	Xe ô tô 07 chỗ	07 chỗ	1,353
2	Phiếu rút hàng rời	65 m ³	0,954
	Tổng cộng		2,793

4. Phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ doanh nghiệp và mức cổ tức năm 2021: (Báo cáo tài chính riêng năm 2021)

Nội dung	Tỷ lệ (%)	Số tiền (đồng)
1. Lợi nhuận thực hiện 2021		53.229.421.014
2. Thuế TNDN phải nộp	20%	10.765.700.366
3. Lợi nhuận sau thuế (3 = 1 - 2)		42.463.720.648
4. Trích lập quỹ doanh nghiệp (4=4.1+4.2+4.3+4.4)		13.494.380.648
4.1. Quỹ đầu tư phát triển	15%	6.387.385.648
4.2. Quỹ khen thưởng	6%	2.548.123.000
4.3. Quỹ phúc lợi	10%	4.246.372.000
4.4. Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành	0,74%	312.500.000
5. Lợi nhuận còn lại 2021 để chia cổ tức (5 = 3 - 4)		28.969.340.000
6. Cổ tức còn lại năm trước chưa chia		1.975.000.000
7. Tổng cộng cổ tức tích lũy đến cuối năm (7=5+6)		30.944.340.000
8. Cổ phiếu được chia cổ tức (8=8.1-8.2)		244.536.170.000
8.1. Vốn điều lệ		245.018.170.000
8.2. Cổ phiếu quỹ (không chia cổ tức)		(482.000.000)
9. Cổ tức đề xuất chia năm 2021 (9=8*12%)	12%	29.344.340.000
10. Lợi nhuận sau thuế để lại chưa phân phối		1.600.000.000

Ghi chú:

Vốn điều lệ: 245.018.170.000 đồng;

Trừ cổ phiếu quỹ (không chia cổ tức): 482.000.000 đồng;

Cổ phiếu được chia cổ tức: 244.536.170.000 đồng.

Cổ tức thực chia: $244.536.170.000 \text{ đồng} \times 12\% = 29.344.340.000 \text{ đồng}$

- Hình thức chi trả cổ tức năm 2021: bằng tiền
- Thời gian thực hiện chi trả cổ tức: Giao cho Hội đồng quản trị quyết định ngày chốt danh sách chi trả và ngày thực hiện chi trả cổ tức theo đúng quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, NPTQTCT.



Số: 18/2022/TTr-CCR.HĐQT

Cam Ranh, ngày 21 tháng 04 năm 2022

TỜ TRÌNH

V/v Phê chuẩn Kế hoạch kinh doanh năm 2022 và thông qua chủ trương không tiếp tục thực hiện thoái vốn đầu tư của Cảng Cam Ranh tại Công ty CP Dịch vụ Hàng hải Cảng Cam Ranh và Công ty cổ phần Đô thị Cam Ranh.

**Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022
Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh**

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành có hiệu lực;
 - Điều lệ Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh;
 - Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021 và dự kiến cho năm 2022;
- Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết chấp thuận kế hoạch kinh doanh năm 2022 của Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh, cụ thể như sau:

T	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2022
1	Tổng Sản lượng	Tấn	2.800.000
2	Doanh thu hợp nhất	Triệu đồng	157.000
3	Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	Triệu đồng	35.000
4	Cổ tức chi trả dự kiến (%/ cổ phiếu)	%	Thấp nhất 7%
5	Kế hoạch Đầu tư	Triệu đồng	49.050
6	Thông qua chủ trương không tiếp tục thực hiện thoái vốn đầu tư của Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh tại Công ty CP Dịch vụ Hàng hải Cảng Cam Ranh và Công ty cổ phần Đô thị Cam Ranh, đồng thời chấp thuận các chi phí thực tế đã phát sinh cho việc thuê đơn vị tư vấn triển khai thực hiện chủ trương chuyển nhượng vốn và đưa vào chi phí kinh doanh năm 2022.		

Đính kèm:

- Biểu Kế hoạch kinh doanh năm 2022,
- Biểu Kế hoạch đầu tư, sửa chữa năm 2022

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, NPTQTCT.



Phạm Hữu Tấn

KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2022
(Công ty mẹ và hợp nhất)

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2021 (Kiểm toán)		Kế hoạch 2022		So sánh KH 2022 với TH 2021	
		Công ty mẹ CCR	Hợp nhất	Công ty mẹ CCR	Hợp nhất	Số tăng/giảm	%
I. SẢN LƯỢNG HÀNG THÔNG QUA							
1. Sản lượng theo mặt hàng	Tấn	2,435,923	2,435,923	2,800,000	2,800,000	364,077	114.9%
1.1. Sản lượng hàng container	Teu	0	0	0	0	0	
1.2. Sản lượng hàng ngoài container	Tấn	2,435,923	2,435,923	2,800,000	2,800,000	364,077	114.9%
a. Xuất khẩu	Tấn	1,568,676	1,568,676	2,100,000	2,100,000	531,324	133.9%
- Dăm gỗ	Tấn	1,247,625	1,247,625	1,250,000	1,250,000	2,375	100.2%
- Đá xây dựng	Tấn	321,051	321,051	850,000	850,000	528,949	264.8%
- Hàng khác	Tấn	0	0	0	0	0	
b. Nhập khẩu	Tấn	344,597	344,597	105,000	105,000	(239,597)	30.5%
- Thiết bị	Tấn	278,157	278,157	60,000	60,000	(218,157)	21.6%
- Cá đông lạnh	Tấn	40,909	40,909	40,000	40,000	(909)	97.8%
- Hàng khác	Tấn	25,531	25,531	5,000	5,000	(20,531)	19.6%
c. Nội địa	Tấn	522,650	522,650	595,000	595,000	72,350	113.8%
- Cát trắng	Tấn	234,886	234,886	235,000	235,000	114	100.0%
- Ximăng	Tấn	94,564	94,564	80,000	80,000	(14,564)	84.6%
- Muối	Tấn	10,769	10,769	15,000	15,000	4,231	139.3%
- Than đá	Tấn	10,566	10,566	30,000	30,000	19,434	283.9%

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2021 (Kiểm toán)		Kế hoạch 2022		So sánh KH 2022 với TH 2021	
		Công ty mẹ CCR	Hợp nhất	Công ty mẹ CCR	Hợp nhất	Số tăng/giam	%
- Clinker	Tấn	82,469	82,469	80,000	80,000	(2,469)	97.0%
- Nóng lâm thủy sản	Tấn	40,343	40,343	20,000	20,000	(20,343)	49.6%
- Cát, đá xây dựng	Tấn	8,635	8,635	100,000	100,000	91,365	1158.1%
- Hàng khác	Tấn	40,418	40,418	35,000	35,000	(5,418)	86.6%
2. Sản lượng xuất nhập khẩu, nội địa	Tấn	2,435,923	2,435,923	2,800,000	2,800,000	364,077	114.9%
2.1. Sản lượng xuất, nhập khẩu	Tấn	1,913,273	1,913,273	2,205,000	2,205,000	291,727	115.2%
Trong đó container	Tấn	0	0	0	0	0	
2.2. Sản lượng nội địa	Tấn	522,650	522,650	595,000	595,000	72,350	113.8%
Trong đó container	Tấn	0	0	0	0	0	
3. Hành khách thông qua	Khách	0	0	0	0	0	
4. Số lượt tàu vào cảng	Tàu	306	306	310	310	4	101.3%
II. Sản lượng dịch vụ hàng hải	Tấn	870,000	870,000	800,000	800,000	(70,000)	92.0%
1. Dịch vụ kho bãi	Tấn	300,000	300,000	250,000	250,000	(50,000)	83.3%
2. Dịch vụ phươg tiện, thiết bị	Tấn	420,000	420,000	400,000	400,000	(20,000)	95.2%
3. Sản lượng chuyển tải ngoài phao	Tấn	0	0	0	0	0	
4. Dịch vụ khác	Tấn	150,000	150,000	150,000	150,000	0	100.0%
III. TỔNG DOANH THU (3+6+8)	Tr.đ	192,804	196,112	150,000	157,000	(39,112)	80.1%
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tr.đ	191,432	194,908	149,000	156,200	(38,708)	80.1%
1.1. Bốc xếp	Tr.đ	93,118	93,118	72,000	72,000	(21,118)	77.3%

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2021 (Kiểm toán)		Kế hoạch 2022		So sánh KH 2022 với TH 2021	
		Công ty mẹ CCR	Hợp nhất	Công ty mẹ CCR	Hợp nhất	Số tăng/giảm	%
1.2. Lưu kho, bãi	Tr.đ	16,731	16,731	10,000	10,000	(6,731)	59.8%
1.3. Vận chuyển	Tr.đ	5,596	7,695	5,600	7,600	(95)	98.8%
1.4. Cầu bến	Tr.đ	15,716	15,716	11,500	11,500	(4,216)	73.2%
1.5. Tàu kéo	Tr.đ	11,775	11,775	12,000	12,000	225	101.9%
1.6. Cho thuê phương tiện, thiết bị	Tr.đ	276	1,235	300	5,800	4,565	469.6%
1.7. Cho thuê cơ sở hạ tầng	Tr.đ	20,050	20,050	10,500	10,500	(9,550)	52.4%
1.8. Bến thùy nội địa	Tr.đ	819	819	1,000	1,000	181	122.1%
1.9. Kinh doanh xăng dầu	Tr.đ	23,398	21,592	22,000	20,150	(1,442)	93.3%
1.10. Dịch vụ khác	Tr.đ	3,953	6,177	4,100	5,650	(527)	91.5%
2. Các khoản giảm trừ	Tr.đ	0	0	0	0	0	
3. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ (1-2)	Tr.đ	191,432	194,908	149,000	156,200	(38,708)	80.1%
IV. TỔNG CHI PHÍ (4+7+9)	Tr.đ	139,575	142,154	115,500	122,000	(20,154)	85.8%
4. Chi phí hoạt động kinh doanh (4.1 + 4.2)	Tr.đ	136,340	138,919	115,150	121,650	(17,269)	87.6%
4.1. Giá vốn hàng bán	Tr.đ	111,158	112,669	95,030	100,270	(12,399)	89.0%
- Chi phí nguyên nhiên vật liệu	Tr.đ	1,370	4,166	1,330	3,930	(236)	94.3%
- Chi phí công cụ dụng cụ	Tr.đ	3,053	3,095	500	540	(2,555)	17.4%
- Khấu hao TSCĐ	Tr.đ	17,577	18,696	18,000	19,200	504	102.7%
- Chi phí nhân viên trực tiếp	Tr.đ	42,898	44,774	38,700	40,800	(3,974)	91.1%
<i>Trong đó: + Chi phí lương</i>	Tr.đ	32,270	33,960	30,000	31,900	(2,060)	93.9%

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2021 (Kiểm toán)		Kế hoạch 2022		So sánh KH 2022 với TH 2021	
		Công ty mẹ CCR	Hợp nhất	Công ty mẹ CCR	Hợp nhất	Số tăng/giảm	%
+ Chi phí các khoản BH, KPCĐ	Tr.đ	4,243	4,429	4,200	4,400	(29)	99.3%
+ Chi phí ăn ca và trực tiếp khác	Tr.đ	6,385	6,385	4,500	4,500	(1,885)	70.5%
- Chi phí sửa chữa	Tr.đ	7,432	7,992	3,800	4,400	(3,592)	55.1%
- Chi phí bán hàng + giá mua xăng dầu kinh doanh	Tr.đ	21,390	21,390	20,000	20,000	(1,390)	93.5%
- Chi phí khác:	Tr.đ	17,438	12,556	12,700	11,400	(1,156)	90.8%
<i>Trong đó:</i> + Chi phí thuê vận chuyển	Tr.đ	4,122	4,122	4,500	4,500	378	109.2%
+ Chi phí thuê thiết bị, phương tiện	Tr.đ	10,815	6,977	7,000	5,150	(1,827)	73.8%
+ Chi phí thuê nhân công	Tr.đ	0	170	0	0	(170)	0.0%
+ Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	Tr.đ	2,501	1,287	1,200	1,750	463	136.0%
- Chi phí dự phòng (+)/hoàn nhập dự phòng (-)	Tr.đ	0	0	0	0	0	
4.2. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Tr.đ	25,182	26,250	20,120	21,380	(4,870)	81.4%
- Chi phí nhân viên:	Tr.đ	13,304	14,095	11,200	12,160	(1,935)	86.3%
<i>Trong đó:</i> + Chi phí lương	Tr.đ	12,330	13,015	10,400	11,250	(1,765)	86.4%
+ BHXH, KPCĐ, BHYT & chi phí khác	Tr.đ	974	1,080	800	910	(170)	84.3%
- Chi phí nhiên liệu, vật liệu	Tr.đ	169	199	150	180	(19)	90.5%
- Khấu hao TSCĐ	Tr.đ	1,041	1,041	800	800	(241)	76.8%
- Chi phí sửa chữa	Tr.đ	544	544	200	200	(344)	36.8%
- Thuê nhà, đất	Tr.đ	3,403	3,433	4,500	4,530	1,097	132.0%
- Chi phí khác:	Tr.đ	6,721	6,938	3,270	3,510	(3,428)	50.6%

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2021 (Kiểm toán)		Kế hoạch 2022		So sánh KH 2022 với TH 2021	
		Công ty mẹ CCR	Hợp nhất	Công ty mẹ CCR	Hợp nhất	Số tăng/giảm	%
<i>Trong đó: + Chi phí CNTT - chuyển đổi số</i>	Tr.đ	278	278	400	400	122	143.9%
<i>+ Chi phí hội nghị, tiếp khách</i>	Tr.đ	1,257	1,287	670	713	(574)	55.4%
<i>+ Chi phí quảng cáo, tiếp thị</i>	Tr.đ	1,144	1,144	200	200	(944)	17.5%
<i>+ Chi phí đào tạo</i>	Tr.đ	417	417	400	400	(17)	95.9%
<i>+ Công tác phí, tàu xe</i>	Tr.đ	649	654	500	510	(144)	78.0%
<i>+ Chi phí quản lý khác</i>	Tr.đ	2,976	3,158	1,100	1,287	(1,871)	40.8%
- Chi phí dự phòng (+)/hoàn nhập dự phòng (-)	Tr.đ	0	0	0	0	0	
5. Lợi nhuận khai thác (3-4)	Tr.đ	55,092	55,989	33,850	34,550	(21,439)	61.7%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	Tr.đ	958	790	800	600	(190)	75.9%
- Lãi tiền gửi ngân hàng	Tr.đ	462	544	300	350	(194)	64.3%
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	Tr.đ	496	246	500	250	4	101.6%
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	Tr.đ	0	0	0	0	0	
- Doanh thu tài chính khác	Tr.đ	0	0	0	0	0	
7. Chi phí hoạt động tài chính	Tr.đ	741	741	200	200	(541)	27.0%
- Chi phí lãi vay	Tr.đ	741	741	200	200	(541)	27.0%
- Chi phí chênh lệch tỷ giá	Tr.đ	0	0	0	0	0	
- Chi phí tài chính khác	Tr.đ	0	0	0	0	0	
8. Thu nhập hoạt động khác	Tr.đ	414	414	200	200	(214)	48.3%
<i>Trong đó: từ bán thanh lý tài sản</i>	Tr.đ	0	0	0	0	0	

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2021 (Kiểm toán)		Kế hoạch 2022		So sánh KH 2022 với TH 2021	
		Công ty mẹ CCR	Hợp nhất	Công ty mẹ CCR	Hợp nhất	Số tăng/giảm	%
9. Chi phí hoạt động khác	Tr.đ	2,494	2,494	150	150	(2,344)	6.0%
<i>Trong đó: từ bán thành lý tài sản</i>	Tr.đ	0	0	0	0	0	
V. EBITDA	Tr.đ	72,588	74,436	53,500	55,200	(19,236)	74.2%
VI. LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ (III-IV)	Tr.đ	53,229	53,958	34,500	35,000	(18,958)	64.9%
10. CHỈ TIÊU LD-TL							
10.1. Lao động bình quân	người	198	217	200	219	2	100.9%
10.2. Tổng quỹ lương	Tr.đ	44,600	46,975	40,400	43,150	(3,825)	91.9%
10.3. Thu nhập bình quân 1 CBCNV/tháng	Tr.đ/ng	18.8	18.0	16.8	16.4	(1.6)	91.0%
VII. KPI - CHỈ TIÊU KHÁC							
11. Năng suất bình quân XD hàng cont./câu/giờ	Moves/h	0	0	0	0	0	
12. Năng suất bình quân XD hàng cont./tàu/giờ	Moves/h	0	0	0	0	0	
13. Năng suất xếp dỡ bình quân	T/ngày	6,766	6,766	7,778	7,778	1,012	115.0%



KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2022

TT	Tên dự án	Quy mô/Mô tả dự án	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Nguồn vốn		Kế hoạch thực hiện năm 2022
				Tự có (tỷ đồng)	Vay (tỷ đồng)	
I	DA chuyển tiếp từ năm 2021		100,95	50,2	50,75	42,05
1	Đầu tư XD CB		64,50	23,90	40,60	15,10
1.1	Dự án nâng cao năng lực khai thác cầu cảng- cảng Ba Ngòi	Nâng cấp bến số 1 lên 50.000 DWT và bến 2 lên 70.000 DWT giảm tải	58,00	17,40	40,60	10,60
1.2	Thảm nhựa đường trục chính T1	736m	6,50	6,50	0,00	4,50
2	Mua sắm thiết bị		36,45	26,3	10,15	26,95
2.1	Cầu di động	Sức nâng 180 tấn	20,00	20,00	0,00	15,00
2.2	Băng tải làm hàng rời	01 họng rót	14,50	4,35	10,15	10,50
2.3	Trạm cân điện tử	80 tấn	1,00	1,00	0,00	0,70
2.5	Xe nâng hàng	12 tấn	0,95	0,95	0,00	0,75
II	DA khởi công năm 2022		7,00	7,00	0,00	7,00
1	Đầu tư XD CB		5,00	5,00	0,00	5,00
1.1	Nâng cấp/bê tông nền bãi	3.000 m2	5,00	5,00	0,00	5,00
2	Mua sắm thiết bị		2,00	2,00	0,00	2,00
2.1	Công cụ thiết bị phục vụ chuyển đổi số	Hệ thống	2,00	2,00	0,00	2,00
Tổng cộng			107,95	57,20	50,75	49,05

KẾ HOẠCH CHI PHÍ SỬA CHỮA NĂM 2022

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	Sửa chữa hệ thống kho, bãi	m ²	3,000	250,000	750,000,000
2	Sửa chữa duy tu cầu bến				800,000,000
	<i>Bến số 1</i>	Bến	1	300,000,000	300,000,000
	<i>Bến số 2</i>	Bến	1	300,000,000	300,000,000
	<i>Cầu dẫn</i>	Bến	1	200,000,000	200,000,000
3	Sửa chữa thiết bị và công cụ sản xuất				2,000,000,000
	Cầu và phương tiện thiết bị xếp dỡ	Lượt	1	200,000,000	200,000,000
	Tàu TLA lên đà định kỳ	Lượt	1	1,400,000,000	1,400,000,000
	Công cụ làm hàng	Lượt	10	40,000,000	400,000,000
4	Sửa chữa nhà cửa văn phòng/trang thiết bị quản lý (xe con, thiết bị văn phòng, ...)	Lượt	10	20,000,000	200,000,000
5	Sửa chữa hệ thống đường nội bộ cầu cảng	Lượt	1	150,000,000	150,000,000
6	Sửa chữa hệ thống điện nước	Lượt	4	25,000,000	100,000,000
Tổng cộng					4,000,000,000

Số: 19/2022/TTr-CCR.HĐQT

Cam Ranh, ngày 21 tháng 04 năm 2022

TỜ TRÌNH

Về việc phê duyệt thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2021,
đề xuất mức thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm 2022

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022
Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành có hiệu lực;

- Điều lệ Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh;

- Kết quả kinh doanh năm 2021 và Kế hoạch kinh doanh năm 2022;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên phê duyệt tổng mức thực hiện chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2021 và đề xuất mức thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2022, cụ thể như sau:

1. Phê duyệt mức thù lao đã chi cho HĐQT và BKS năm 2021

Mức chi trả thù lao 2021 cho thành viên HĐQT và BKS theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2021:

Stt	Chức danh	Số người	Mức thù lao (đồng/người/tháng)	Tổng cộng thù lao (đồng/ 12 tháng) (đồng)
1	2	3	4	$5 = 3 \times 4 \times (12 \text{ tháng})$
1	Thành viên HĐQT không chuyên trách	4	5.000.000 đồng	240.000.000
2	Trưởng BKS	1	5.000.000 đồng	60.000.000
3	Kiểm soát viên	2	4.000.000 đồng	96.000.000
Tổng cộng				396.000.000

- Trong năm 2021, tổng số tiền thù lao đã chi trả cho TVHĐQT không chuyên trách và BKS tại Công ty theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2021 là: **396.000.000** đồng (Ba trăm chín mươi sáu triệu đồng). Trong đó:

+ Tổng mức thù lao đã chi cho TVHĐQT không chuyên trách là: **240.000.000** đồng (Hai trăm bốn mươi triệu đồng)

+ Tổng mức thù lao đã chi cho BKS là: **156.000.000** đồng (Một trăm năm mươi sáu triệu đồng)

(Chi tiết theo file đính kèm)

2. Đề xuất mức thù lao của Người quản lý Công ty không chuyên trách năm 2022

Căn cứ Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 của Chính phủ về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty cổ phần có vốn góp chi phối của Nhà nước và Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của nhà nước.

Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022;

Căn cứ yêu cầu công tác quản trị và giám sát các hoạt động kinh doanh năm 2022,

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua mức thù lao của người quản lý Công ty không chuyên trách là thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2022 cụ thể như sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị: 5.000.000 đồng/người/tháng (Năm triệu đồng/ người/ tháng).

- Trưởng Ban kiểm soát: 5.000.000 đồng/người/tháng (Năm triệu đồng/ người/ tháng).

- Thành viên Ban kiểm soát: 4.000.000 đồng/người/tháng (Bốn triệu đồng / người/ tháng)

* Riêng thành viên HĐQT là **Chủ tịch HĐQT chuyên trách** không hưởng thù lao mà được chi trả lương với mức theo Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 của Chính phủ và Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của nhà nước).

Trân trọng kính trình./

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, NPTQTCT.



Phạm Hữu Tấn

KẾT QUẢ CHI TRẢ THÙ LAO HDQT, BKS NĂM 2021*(Kèm theo tờ trình số 19/2022/TTr-CCR, HDQT, ngày 21 tháng 04 năm 2022)*

STT	Họ và tên	Chức danh	Thời gian	Mức thù lao/ tháng	Số tháng	Tổng mức thù lao Năm 2021
I	Hội đồng quản					240.000.000
1	Nguyễn Việt Nhâm	Thành viên HDQT; Tổng giám đốc	Từ T01/2021 -T12/2020	5.000.000	12	60.000.000
2	Nguyễn Đăng Song	Thành viên HDQT	Từ T01/2021 -T04/2021	5.000.000	4	20.000.000
3	Hoàng Quốc Phương	Thành viên HDQT	Từ T01/2021 -T04/2021	5.000.000	4	20.000.000
4	Nguyễn Thị Yến	Thành viên HDQT	Từ T05/2021 -T12/2021	5.000.000	8	40.000.000
5	Kiều Phương Ngọc	Thành viên HDQT	Từ T05/2021 -T12/2021	5.000.000	8	40.000.000
6	Nguyễn Văn Tài	Thành viên HDQT	Từ T01/2021 -T12/2021	5.000.000	12	60.000.000
II	Ban Kiểm soát					156.000.000
1	Dương Thị Hồng Hạnh	Trưởng BKS	Từ T01/2021 -T12/2021	5.000.000	12	60.000.000
2	Nguyễn Thị Ngọc Hòa	Thành viên BKS	Từ T01/2021 -T04/2021	4.000.000	4	16.000.000
3	Dương Thị Thanh Mai	Thành viên BKS	Từ T01/2021 -T04/2021	4.000.000	4	16.000.000
4	Bùi Thị Ngân Hoa	Thành viên BKS	Từ T05/2021 -T12/2021	4.000.000	8	32.000.000
5	Trần Thị Thanh Thủy	Thành viên BKS	Từ T05/2021 -T12/2021	4.000.000	8	32.000.000
Tổng cộng						396.000.000

Số: 20/2022/TTr-CCR.BKS

Cam Ranh, ngày 21 tháng 04 năm 2022

TỜ TRÌNH

Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022

**Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh**

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Điều lệ Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 23/04/2021;

Thực hiện quyền hạn và nghĩa vụ được quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật, Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh kính trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định việc lựa chọn đơn vị kiểm toán để thực hiện kiểm toán và soát xét Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh. Công ty kiểm toán được lựa chọn là công ty kiểm toán hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, nằm trong Danh sách các doanh nghiệp kiểm toán đủ điều kiện cung cấp dịch vụ kiểm toán năm 2022 và được Ủy Ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận; có uy tín về chất lượng kiểm toán; có mức phí kiểm toán phù hợp với chất lượng và phạm vi kiểm toán.

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, NPTQTCT.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Dương Thị Hồng Hạnh

Số: 21/2022/TTr-CCR.HĐQT

Cam Ranh, ngày 21 tháng 04 năm 2022

TỜ TRÌNH

**Về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị
Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh**

**Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022
Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh**

Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP, ngày 21/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật chứng khoán;

Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC, ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 23/04/2021;

Căn cứ Quyết định số 07/2021/QĐ-CCR.HĐQT, ngày 23/4/2021 của Hội đồng quản trị về việc ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;

Căn cứ Quyết định số 08/2021/QĐ-CCR.HĐQT, ngày 23/4/2021 của Hội đồng quản trị về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị;

Căn cứ tình hình thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh và yêu cầu trong công tác quản trị điều hành của Công ty,

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty với các nội dung cụ thể như sau:

STT	ĐIỀU/KHOẢN	NỘI DUNG HIỆN TẠI	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO
I	Nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty			
1	Mục 33, Khoản 1, Điều 5 Mục tiêu hoạt động của Công ty	Chưa có	- Bổ sung ngành nghề kinh doanh: sản xuất điện mặt trời. - Mã ngành 3511.	Bổ sung ngành nghề để phù hợp tình hình hoạt động

				sản xuất kinh doanh của Công ty
2	Khoản 2, Điều 37. Hội đồng quản trị có quyền hạn và nghĩa vụ	Chưa có	Bổ sung nội dung: <i>"Quyết định phương án đầu tư, dự án đầu tư mua sắm không nằm trong kế hoạch kinh doanh, đầu tư hàng năm có giá trị đầu tư dưới 15 tỷ đồng hoặc khoản đầu tư nằm trong kế hoạch kinh doanh, đầu tư hàng năm nhưng phát sinh tổng giá trị các khoản đầu tư vượt kế hoạch dưới 10%. Tổng giá trị các khoản đầu tư phát sinh không vượt quá 10% và 20 tỷ đồng so với tổng kế hoạch ngân sách đầu tư hàng năm đã được phê duyệt."</i>	Bổ sung để phân quyền cho HĐQT đối với những dự án đầu tư mua sắm không nằm trong kế hoạch kinh doanh, đầu tư hàng năm
II Nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty				
1	Mục c, Khoản 1, Điều 8. ĐHĐCĐ miễn nhiệm thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây	c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi.	c. Bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.	Sửa đổi để Phù hợp với nội dung của Điều lệ Công ty được quy định tại Khoản 1, Điều 36.
2	Khoản 2, Điều 11 Hội đồng quản trị có quyền hạn và nghĩa vụ	Chưa có	Bổ sung nội dung: <i>"Quyết định phương án đầu tư, dự án đầu tư mua sắm không nằm trong kế hoạch kinh doanh, đầu tư hàng năm có giá trị đầu tư dưới 15 tỷ đồng hoặc khoản đầu</i>	Bổ sung để phân quyền cho HĐQT đối với những dự án đầu tư mua sắm không nằm

			<p>tư nằm trong kế hoạch kinh doanh, đầu tư hàng năm nhưng phát sinh tổng giá trị các khoản đầu tư vượt kế hoạch dưới 10%. Tổng giá trị các khoản đầu tư phát sinh không vượt quá 10% và 20 tỷ đồng so với tổng kế hoạch ngân sách đầu tư hàng năm đã được phê duyệt.”</p>	<p>trong kế hoạch kinh doanh, đầu tư hàng năm và phù hợp với Điều lệ Công ty sửa đổi, bổ sung</p>
3	Điểm j, Khoản 2, Điều 11.	<p>j. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại Hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 23, khoản 4 Điều 56 Điều lệ này.</p>	<p>j. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại Hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 23, khoản 4 Điều 57 Điều lệ này.</p>	<p>Sửa đổi từ ”Điều 56 thành Điều 57” cho Phù hợp theo quy định của Điều lệ Công ty tại điểm i khoản 2 Điều 37.</p>

Tài liệu đính kèm:

- Dự thảo Điều lệ Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh sửa đổi bổ sung kèm theo;
- Dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh sửa đổi bổ sung kèm theo

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: NPTQTCT.



TỜ TRÌNH

**Về việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị
Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh nhiệm kỳ 2020-2025**

**Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022
Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành có hiệu lực;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành có hiệu lực;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh;
- Căn cứ Biên bản cuộc họp của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh, đối với Bà **Kiều Phương Ngọc**, thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh, nhiệm kỳ 2020-2025.

Lý do miễn nhiệm: Không còn là đại diện theo ủy quyền của cổ đông tổ chức Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam – CTCP.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, NPTQTCT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Phạm Hữu Tấn

TỜ TRÌNH

*Về việc bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị độc lập
Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh, nhiệm kỳ 2020-2025*

**Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022
Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành có hiệu lực;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành có hiệu lực;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh;
- Căn cứ Biên bản cuộc họp của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị độc lập Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh nhiệm kỳ 2020-2025, như sau:

1. Bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị độc lập, nhiệm kỳ 2020 – 2025 :

- 1.1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị độc lập bầu bổ sung: 1 người
- 1.2. Thời hạn giữ chức danh của thành viên Hội đồng quản trị độc lập được bầu bổ sung là thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2020-2025.

2. Danh sách ứng viên dự bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị độc lập:

Căn cứ Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh và Đơn đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị độc lập; Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông Danh sách ứng viên dự bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị độc lập, nhiệm kỳ 2020 – 2025 như sau:

- Bà Nguyễn Thị Minh Ngọc, sinh ngày 28/11/1973

(Lý lịch trích ngang của ứng viên Hội đồng quản trị độc lập đính kèm)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết chấp thuận và tiến hành thủ tục bầu cử tại Đại hội theo quy định của Pháp luật.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, NPTQTCT.



**LÝ LỊCH TRÍCH NGANG CỦA ỨNG VIÊN DỰ BẦU BÓ SÙNG
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP CÔNG TY, NHIỆM KỲ 2020-2025**

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số CMND, Hộ chiếu	Địa chỉ thường trú	Trình độ học vấn	Trình độ chuyên môn	Chức vụ hiện đang nắm giữ tại Công ty
1	Nguyễn Thị Minh Ngọc	28/11/1973	037173000681	P112-H3, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội	Đại học	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Không

Cam Ranh, ngày 21 tháng 04 năm 2022

**QUY CHẾ ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU CỬ
BỔ SUNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH
NHIỆM KỲ 2020-2025**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành có hiệu lực;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh;

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị Công ty của Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh;

Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh ban hành Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị độc lập, nhiệm kỳ 2020-2025 của Công ty như sau:

**CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Mục đích, phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này hướng dẫn các điều kiện và thủ tục đề cử, ứng cử, bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh nhiệm kỳ 2020-2025.

2. Đối tượng áp dụng: Áp dụng cho tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh hoặc những người được ủy quyền tham dự hợp lệ (người đại diện theo ủy quyền) tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

Điều 2. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông, đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Mỗi cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền khi đến tham dự Đại hội đồng cổ đông đều được nhận một **phiếu bầu cử Hội đồng quản trị độc lập**, trên phiếu có ghi rõ số lượng cổ phần mà cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông đó nắm giữ và số phiếu bầu tương ứng được sử dụng để bầu cử.

2. Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền phải tuân thủ các điều kiện và thể thức quy định tại Quy chế này và sự hướng dẫn của Ban Kiểm phiếu.

**CHƯƠNG II
QUY ĐỊNH VỀ ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP, NHIỆM KỲ 2020-2025**

Điều 3. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị độc lập

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị độc lập, nhiệm kỳ 2020-2025 được bầu bổ sung là một (01) người.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thoả mãn các tiêu chuẩn theo quy định tại Khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp năm 2020, Điều lệ Công ty và Quy chế này, cụ thể như sau:

- Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
- Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
- Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;
- Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;
- Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.
- Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật tốt;
- Được đề cử của cổ đông hoặc nhóm cổ đông được quy định tại Quy chế này.

3. Việc đề cử, ứng cử thành viên độc lập Hội đồng quản trị được thực hiện theo Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, cụ thể như sau:

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông: sở hữu từ 10% đến 20% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử 01 ứng cử viên; sở hữu trên 20% đến 30% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 02 ứng cử viên; sở hữu trên 30% đến 50% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 03 ứng cử viên; sở hữu trên 50% đến 75% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 04 ứng cử viên và sở hữu trên 75% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 05 ứng cử viên.

- Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị độc lập thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử vào Hội đồng quản trị độc lập

1. Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử vào Hội đồng quản trị độc lập gồm:

- a. Đơn xin ứng cử hoặc đề cử tham gia Hội đồng quản trị độc lập (1 bản gốc theo mẫu); Biên bản họp nhóm cổ đông;
- b. Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự khai (1 bản gốc theo mẫu);
- c. Bản sao hợp lệ CMND, Hộ khẩu thường trú (hoặc Giấy đăng ký tạm trú dài hạn), Hộ chiếu nếu là Việt kiều, người nước ngoài;

d. Bản sao hợp lệ bằng cấp, văn bằng chứng chỉ chứng nhận trình độ văn hoá, trình độ chuyên môn;

e. Các văn bản chứng minh ứng viên đầy đủ các điều kiện, tiêu chuẩn theo Quy chế, quy định của pháp luật (1 bản gốc hoặc bản sao hợp lệ)

2. Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải gửi về Ban tổ chức Đại hội chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày diễn ra Đại hội theo địa chỉ ghi trên thư mời họp. Nếu hồ sơ là bản fax, scan thì phải gửi lại bản gốc hoặc bản sao y hợp lệ khi đăng ký tham dự trước cuộc họp.

3. Dựa trên Đơn xin đề cử, ứng cử của các cổ đông/ nhóm cổ đông, Ban tổ chức Đại hội sẽ lập danh sách các ứng viên đáp ứng đủ điều kiện như quy định để đưa vào danh sách ứng viên bổ sung Hội đồng quản trị độc lập, nhiệm kỳ (2020-2025) báo cáo ĐHĐCĐ trước khi tiến hành bầu cử.

CHƯƠNG III

BẦU CỬ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP, NHIỆM KỲ (2020-2025)

Điều 5. Phương thức bầu cử

1. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị độc lập được thực hiện bằng hình thức bầu trực tiếp, bỏ phiếu kín tại Đại hội theo phương thức bầu dồn phiếu.

2. Mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu (bao gồm sở hữu và được uỷ quyền) nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị độc lập: Tổng số phiếu biểu quyết = Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết x số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị độc lập.

3. Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

4. Tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên của một cổ đông không được vượt quá tổng số phiếu bầu được phép của cổ đông đó (bằng số cổ phần nhân với số thành viên được bầu)

Điều 6. Phiếu bầu cử và cách ghi phiếu bầu

1. Phiếu bầu

- Phiếu bầu do Ban tổ chức in, được phát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Trên mỗi phiếu bầu có danh sách các ứng viên, sắp xếp theo thứ tự theo bảng chữ cái tiếng Việt, có ghi Tổng số cổ phần sở hữu / đại diện, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, có đóng dấu Công ty.

- Mỗi cổ đông hoặc người đại diện theo uỷ quyền khi tới tham dự Đại hội được nhận một (01) Phiếu bầu cử Hội đồng quản trị độc lập. Cổ đông/người đại diện theo uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông khi được phát phiếu bầu phải kiểm tra lại thông tin ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo lại ngay cho Ban tổ chức tại thời điểm nhận phiếu.

2. Cách ghi phiếu bầu

- Cổ đông ghi trực tiếp số phiếu biểu quyết cho từng ứng cử viên tùy theo tín nhiệm của mình. Số phiếu biểu quyết ghi cho mỗi ứng cử viên có thể khác nhau nhưng

tổng số phiếu biểu quyết cho các ứng cử viên **không vượt quá** tổng số phiếu được quyền bầu của cổ đông.

- Cổ đông có thể chia tổng số phiếu biểu quyết của mình cho các ứng viên mà họ lựa chọn hoặc dồn hết tổng số phiếu biểu quyết cho một hoặc một số ứng viên nhưng phải đảm bảo tổng số phiếu biểu quyết cho các ứng cử viên **không vượt quá** tổng số phiếu được quyền bầu của cổ đông và số ứng viên mà cổ đông đó lựa chọn để bầu không được vượt quá số ứng viên cần bầu vào thành viên Hội đồng quản trị độc lập (được ĐHCĐ biểu quyết thông qua).

- Cổ đông có quyền bầu cho chính mình nếu họ có tên trong danh sách ứng cử viên ghi trong phiếu bầu cử.

3. Tính hợp lệ và không hợp lệ của phiếu bầu cử

a. Phiếu bầu hợp lệ

- Phiếu do Ban Tổ chức Đại hội phát hành có đóng dấu treo của Công ty, không tẩy xóa, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu bầu;

- Bầu cho những người có tên trong danh sách đề cử và ứng cử Hội đồng quản trị độc lập đã được Đại hội thông qua.

- Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông cho các ứng viên không lớn hơn tổng số quyền biểu quyết của cổ đông đó.

b. Phiếu bầu không hợp lệ

- Phiếu không do Ban Tổ chức Đại hội phát hành;

- Bầu nhiều hơn số thành viên Hội đồng quản trị độc lập so với quy định;

- Bầu quá số cổ phần có quyền biểu quyết;

- Phiếu bầu có tên những người ngoài danh sách đề cử và ứng cử đã được Đại hội thông qua.

- Phiếu bầu bị tẩy xóa, cạo sửa.

- Phiếu trắng: Phiếu không ghi số lượng phiếu bầu cho ứng viên nào.

Điều 7. Bỏ phiếu và kiểm phiếu

- Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử được hoàn tất và kết thúc khi Ban kiểm phiếu tuyên bố kết thúc thời gian bỏ phiếu;

- Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông;

- Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc. Ban kiểm phiếu có thể mời một cổ đông giám sát việc kiểm phiếu.

- Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và được Trưởng Ban kiểm phiếu công bố trước Đại hội.

Điều 8. Nguyên tắc trúng cử thành viên Hội đồng quản trị độc lập

1. Số người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị độc lập là những người có số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định.

2. Nếu bầu cử không đủ số thành viên Hội đồng quản trị độc lập thì Đại hội sẽ tiến hành bầu cử tiếp lần hai trong số những người được đề cử/ứng cử còn lại; nếu sau khi bầu lần hai mà vẫn chưa đủ thì việc tiếp tục bầu cử do Đại hội và Chủ tịch Đoàn quyết định.

3. Trường hợp đạt được số phiếu bằng nhau thì Đại hội quyết định hình thức biểu quyết bằng thẻ hoặc bầu lại đối với riêng những người đó.

Điều 9. Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu

1. Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải lập biên bản kiểm phiếu.

2. Nội dung biên bản kiểm phiếu bao gồm: thời gian, địa điểm lập Biên bản kiểm phiếu; thành phần Ban kiểm phiếu; Tổng số cổ đông tham gia dự họp, tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu, tỷ lệ số phiếu của cổ đông tham gia bỏ phiếu so với tổng số phiếu của cổ đông tham gia dự họp (theo phương thức bầu dồn phiếu), số và tỉ lệ phiếu hợp lệ, phiếu không hợp lệ; số và tỉ lệ quyền biểu quyết cho từng ứng cử viên vào Hội đồng quản trị độc lập; Kết quả bầu cử; chữ ký của thành viên Ban Kiểm phiếu.

3. Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội và được ghi nhận vào Nghị quyết của Đại hội.

Điều 10. Khiếu nại và giải quyết khiếu nại:

1. Mọi khiếu nại về kết quả bầu cử (nếu có) chỉ được xem xét ngay tại Đại hội, cổ đông không được phản đối tính hợp lệ của việc bầu cử này bất kỳ lúc nào khác.

2. Trường hợp có bất đồng về thủ tục bầu cử hoặc kết quả bầu cử, Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra lại và xin ý kiến Đại hội quyết định.

CHƯƠNG IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 11. Hiệu lực và thi hành

1. Quy chế này gồm 4 chương, 11 điều được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh thông qua

2. Quy chế này áp dụng cho việc đề cử, ứng cử, bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị độc lập, nhiệm kỳ 2020-2025 của Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh./.



Phạm Hữu Tấn



**BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU
BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH**

Hôm nay, lúc 10 giờ 15 ngày 21 tháng 4 năm 2022, Ban kiểm phiếu chúng tôi gồm:

1. Ông Nguyễn Châu Sinh; Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ – Trưởng ban;
2. Ông Huỳnh Nguyễn Minh Quân, Nhân viên Phòng Tổ chức Hành chính – Thành viên;
3. Ông Nguyễn Hữu Đạt, Chuyên viên Ban Kiểm toán nội bộ – Thành viên.

Tiến hành kiểm tra phiếu bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh, kết quả như sau:

1. Kiểm tra phiếu bầu:

- Tổng số cổ đông và người đại diện của cổ đông tham gia biểu quyết: 50 người, sở hữu và đại diện sở hữu 23.953.117 cổ phần, chiếm 97,95% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Tổng số phiếu bầu phát ra: 50 phiếu, tương đương với 23.953.117 số phiếu biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị.

(Số phiếu biểu quyết = 23.953.117 cổ phần x 01 thành viên được bầu)

- Số phiếu bầu thu về: 49 phiếu, tương đương với 23.953.017 số phiếu biểu quyết.
- Số phiếu bầu hợp lệ: 49 phiếu, tương đương với 23.952.717 số phiếu biểu quyết.
- Số phiếu bầu không hợp lệ: 0 phiếu, tương đương với 0 số phiếu biểu quyết.

2. Danh sách đề cử, ứng cử bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị độc lập đã được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua gồm:

STT	HỌ VÀ TÊN
1	NGUYỄN THỊ MINH NGỌC

3. Kết quả kiểm phiếu:

STT	Họ và tên	Số phiếu bầu	Tỷ lệ % so với tổng số cổ phần sở hữu và đại diện sở hữu tham gia biểu quyết tại ĐH
1	NGUYỄN THỊ MINH NGỌC	23.952.717	99,998%

Căn cứ Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Các ông (bà) có tên dưới đây đã trúng cử thành viên Hội đồng quản trị độc lập Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh như sau:

STT	HỌ VÀ TÊN
1	NGUYỄN THỊ MINH NGỌC

Công tác kiểm phiếu hoàn tất vào lúc 10 giờ 30 cùng ngày. Biên bản này được lập 02 (hai) bản và được mọi thành viên Ban kiểm phiếu thống nhất ký tên xác nhận.

Ban kiểm phiếu xin bàn giao lại Biên bản kiểm phiếu và toàn bộ phiếu biểu quyết cho Chủ tọa Đại hội.

CHỮ KÝ CỦA CÁC THÀNH VIÊN BAN KIỂM PHIẾU

Trưởng ban

Thành viên

Thành viên



Nguyễn Châu Sinh

Huỳnh Nguyễn Minh Quân

Nguyễn Hữu Đạt

**BIÊN BẢN
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH**

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH

Địa chỉ: 29 Nguyễn Trọng Kỳ, Phường Cam Linh, Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4200272350 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu vào ngày 01/04/2009, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 03/06/2020.

Hôm nay, vào lúc 08h00 ngày 21/4/2022, tại Hội trường Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh đã tổ chức khai mạc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh (sau đây gọi tắt là Đại Hội) với diễn biến như sau:

I. Thủ tục khai mạc:

1. Chào cờ, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu và thành phần tham dự

- Đại hội đã tiến hành làm Lễ chào cờ.
- Ông **Nguyễn Ngọc Duy** thay mặt Ban tổ chức tuyên bố lý do tổ chức Đại hội, giới thiệu đại biểu và thành phần tham dự Đại hội.

2. Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông

Đại hội đã nghe Ông **Nguyễn Văn Thắng** thay mặt Ban Kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội với:

100% đại biểu dự đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 đều là cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông Công ty theo danh sách cổ đông đã được Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) công bố chốt danh sách cổ đông ngày 15/03/2022 với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty là: 24.453.617 cổ phần

Đến 08h00 ngày 21 tháng 4 năm 2022, tổng số cổ đông tham dự và đại diện ủy quyền tham dự là 50 cổ đông, sở hữu và đại diện cho tổng số 23.953.117 cổ phần được quyền biểu quyết, chiếm tỷ lệ 97,95%/ trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Trong đó:

- Cổ đông pháp nhân: 02 cổ đông, sở hữu và đại diện cho 23.320.117 cổ phần, chiếm tỷ lệ 95,36%/ trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

- Ông Nguyễn Hữu Đạt, Chuyên viên Ban Kiểm toán nội bộ – Thành viên.
- Ông Huỳnh Nguyễn Minh Quân, Nhân viên Phòng Tổ chức Hành chính – Thành viên

Kết quả biểu quyết:

- Tán thành: 23.953.117 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

100% Phiếu biểu quyết là phiếu hợp lệ

4. Phát biểu khai mạc Đại hội: Đại hội đã nghe Ông Phạm Hữu Tấn thay mặt Đoàn chủ tọa phát biểu khai mạc Đại hội.

5. Thông qua Chương trình và Quy chế làm việc của Đại hội: Đại hội đã nghe Bà Nguyễn Thị Yến thay mặt Đoàn chủ tọa thông qua Chương trình và Quy chế làm việc của Đại hội (*Chương trình và Quy chế làm việc đính kèm*)

Kết quả biểu quyết thông qua Chương trình Đại hội:

- Tán thành: 23.953.117 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

100% Phiếu biểu quyết là phiếu hợp lệ

Kết quả biểu quyết thông qua Quy chế làm việc Đại hội:

- Tán thành: 23.953.117 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

100% Phiếu biểu quyết là phiếu hợp lệ

II. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH NGHỊ SỰ

1. Báo cáo của Tổng giám đốc về Kết quả kinh doanh năm 2021 và Kế hoạch kinh doanh năm 2022: Đại hội đã nghe Ông Nguyễn Viết Nhâm-Tổng Giám đốc Công ty báo cáo về Kết quả kinh doanh năm 2021 và Kế hoạch kinh doanh năm 2022 của Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh (*Báo cáo Tổng giám đốc đính kèm*).

Đại hội đã biểu quyết thông qua Báo cáo của Tổng giám đốc về kết quả kinh doanh năm 2021 và kế hoạch kinh doanh năm 2022.

Kết quả biểu quyết:

- Tán thành: 23.953.117 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
 - Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
 - Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
- 100% Phiếu biểu quyết là phiếu hợp lệ

2. Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2021 và chương trình hoạt động năm 2022: Đại hội đã nghe Ông Phạm Hữu Tấn- Chủ tịch Hội đồng quản trị trình bày báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021, chương trình hoạt động năm 2022 (*Báo cáo đính kèm*).

Kết quả biểu quyết:

- Tán thành: 23.953.117 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
 - Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
 - Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
- 100% Phiếu biểu quyết là phiếu hợp lệ

3. Báo cáo của Ban Kiểm soát năm 2021 và chương trình hoạt động năm 2022: Đại hội đã nghe Bà Dương Thị Hồng Hạnh, Trưởng Ban Kiểm soát báo cáo tình hình hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2021 và chương trình hoạt động năm 2022 (*Báo cáo đính kèm*).

Kết quả biểu quyết:

- Tán thành: 23.953.117 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
 - Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
 - Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
- 100% Phiếu biểu quyết là phiếu hợp lệ

4. Các tờ trình thông qua tại Đại hội

4.1. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán; Kết quả kinh doanh năm 2021 và thông qua phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ doanh nghiệp và mức cổ tức năm 2021: Đại hội đã nghe ông Nguyễn

Viết Nhâm, đại diện Đoàn Chủ tọa trình bày Tờ trình Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán; Kết quả kinh doanh năm 2021 và phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ doanh nghiệp và chia cổ tức năm 2021, cụ thể như sau:

a. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán (*Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 đã được Công bố thông tin và đăng tải tại website công ty: www.camranhport.vn*)

b. Thông qua kết quả kinh doanh và đầu tư năm 2021 với các số liệu như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện
1- Sản lượng hàng qua cảng	Tấn	2.435.923
2- Doanh thu và thu nhập		
Doanh thu và thu nhập công ty mẹ	Đồng	192.803.974.596
Doanh thu và thu nhập hợp nhất	Đồng	196.112.432.661
3- Lợi nhuận trước thuế		
Lợi nhuận trước thuế công ty mẹ	Đồng	53.229.421.014
Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	Đồng	53.957.884.403
4- Lợi nhuận sau thuế TNDN		
Lợi nhuận sau thuế TNDN Công ty mẹ	Đồng	42.463.720.648
Lợi nhuận sau thuế TNDN hợp nhất	Đồng	43.022.632.835
5- Kết quả thực hiện đầu tư	Triệu đồng	2.793

(Bảng chi tiết kết quả thực hiện các hạng mục đầu tư năm 2021 đính kèm)

c. Phê duyệt Phương án Phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ doanh nghiệp và mức cổ tức năm 2021 như sau:

Nội dung	Tỷ lệ (%)	Số tiền (đồng)
1. Lợi nhuận thực hiện 2021		53.229.421.014
2. Thuế TNDN phải nộp	20%	10.765.700.366
3. Lợi nhuận sau thuế (3 = 1 - 2)		42.463.720.648
4. Trích lập quỹ doanh nghiệp (4=4.1+4.2+4.3+4.4)		13.494.380.648
4.1. Quỹ đầu tư phát triển	15%	6.387.385.648
4.2. Quỹ khen thưởng	6%	2.548.123.000
4.3. Quỹ phúc lợi	10%	4.246.372.000
4.4. Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành	0,74%	312.500.000
5. Lợi nhuận còn lại 2021 để chia cổ tức (5= 3-4)		28.969.340.000

Nội dung	Tỷ lệ (%)	Số tiền (đồng)
6. Cổ tức còn lại năm trước chưa chia		1.975.000.000
7. Tổng cộng cổ tức tích lũy đến cuối năm (7=5+6)		30.944.340.000
8. Cổ phiếu được chia cổ tức (8=8.1-8.2)		244.536.170.000
8.1. Vốn điều lệ		245.018.170.000
8.2. Cổ phiếu quỹ (không chia cổ tức)		(482.000.000)
9. Cổ tức đề xuất chia năm 2021 (9=8*12%)	12%	29.344.340.000
10. Lợi nhuận sau thuế để lại chưa phân phối		1.600.000.000

Ghi chú:

Vốn điều lệ: 245.018.170.000 đồng;

Trừ cổ phiếu quỹ (không chia cổ tức): 482.000.000 đồng;

Cổ phiếu được chia cổ tức: 244.536.170.000 đồng.

Cổ tức thực chia: $244.536.170.000 \text{ đồng} \times 12\% = 29.344.340.000 \text{ đồng}$

6.1. Hình thức chi trả cổ tức năm 2021: bằng tiền.

6.2. Thời gian thực hiện chi trả cổ tức: Giao cho Hội đồng quản trị quyết định ngày chốt danh sách chi trả và ngày thực hiện chi trả cổ tức theo đúng quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Kết quả biểu quyết:

- Tán thành: 23.953.117 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

100% Phiếu biểu quyết là phiếu hợp lệ

4.2. Phê chuẩn Kế hoạch kinh doanh năm 2022 và thông qua chủ trương không tiếp tục thực hiện thoái vốn đầu tư của Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh tại Công ty CP Dịch vụ Hàng hải Cảng Cam Ranh và Công ty cổ phần Đô thị Cam Ranh: Đại hội đã nghe ông Phạm Hữu Tấn, thay mặt Đoàn Chủ tọa thông qua Tờ trình về việc phê chuẩn Kế hoạch kinh doanh năm 2022 và thông qua chủ trương không tiếp tục thực hiện thoái vốn đầu tư của Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh tại Công ty CP Dịch vụ Hàng hải Cảng Cam Ranh và Công ty cổ phần Đô thị Cam Ranh, cụ thể như sau:

TT	Chỉ tiêu	DVT	KH 2022
1	Tổng Sản lượng	Tấn	2.800.000
2	Doanh thu hợp nhất	Triệu đồng	157.000
3	Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	Triệu đồng	35.000
4	Cổ tức chi trả dự kiến (%/ cổ phiếu)	%	Thấp nhất 7%
5	Kế hoạch Đầu tư	Triệu đồng	49.050

Đính kèm: Kế hoạch kinh doanh, đầu tư, sửa chữa chi tiết năm 2022

4.3. Thông qua chủ trương không tiếp tục thực hiện thoái vốn đầu tư của Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh tại Công ty CP Dịch vụ Hàng hải Cảng Cam Ranh và Công ty cổ phần Đô thị Cam Ranh đồng thời chấp thuận các chi phí thực tế đã phát sinh cho việc thuê đơn vị tư vấn triển khai thực hiện chủ trương chuyển nhượng vốn và đưa vào chi phí kinh doanh năm 2022.

Kết quả biểu quyết:

- Tán thành: 23.953.117 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

100% Phiếu biểu quyết là phiếu hợp lệ

4.4. Phê duyệt mức thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2021 và thông qua mức thù lao của người quản lý Công ty không chuyên trách là thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2022: Đại hội đã nghe Bà Nguyễn Thị Yến, thay mặt Đoàn Chủ tọa báo cáo về kết quả chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2021 và đề xuất mức thù lao của người quản lý Công ty không chuyên trách là thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2022 với các nội dung cụ thể như sau:

a. Kết quả thực hiện chi trả thù lao của thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát không chuyên trách năm 2021 với tổng số tiền: là 396.000.000 đồng (*Ba trăm chín mươi sáu triệu đồng*). Trong đó:

- Tổng mức thù lao đã chi cho thành viên HĐQT không chuyên trách là: 240.000.000 đồng (*Hai trăm bốn mươi triệu đồng*).
- Tổng mức thù lao đã chi cho thành viên BKS là: 156.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi sáu triệu đồng*)

b. Đề xuất mức thù lao chi trả cho thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát không chuyên trách năm 2022 là: 396.000.000 đồng. Cụ thể như sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị: 5.000.000 đồng/người/tháng (*Năm triệu đồng/ người/ tháng*).

- Trưởng Ban kiểm soát: 5.000.000 đồng/người/tháng (Năm triệu đồng/người/tháng).

- Thành viên Ban kiểm soát: 4.000.000 đồng/người/tháng (Bốn triệu đồng/người/tháng)

- Đối với Chủ tịch Hội đồng quản trị chuyên trách: không hưởng thù lao mà được chi trả lương với mức theo Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 của Chính phủ và Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của nhà nước.

Kết quả biểu quyết:

- Tán thành: 23.953.117 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

100% Phiếu biểu quyết là phiếu hợp lệ

4.5. Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022: Đại hội đã nghe bà Dương Thị Hồng Hạnh, Trưởng Ban Kiểm soát đọc tờ trình thông qua việc chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 với nội dung như sau: Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định việc lựa chọn đơn vị kiểm toán để thực hiện soát xét Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh. Công ty kiểm toán được lựa chọn là công ty kiểm toán hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, nằm trong Danh sách các doanh nghiệp kiểm toán đủ điều kiện cung cấp dịch vụ kiểm toán năm 2022 và được Ủy Ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận; có uy tín về chất lượng kiểm toán; có mức phí kiểm toán phù hợp với chất lượng và phạm vi kiểm toán.

Kết quả biểu quyết:

- Tán thành: 23.953.117 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

100% Phiếu biểu quyết là phiếu hợp lệ

4.6. Thông qua Điều lệ, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty (sửa đổi, bổ sung): Đại hội đã nghe Bà Nguyễn Thị Yến – thay mặt Đoàn Chủ tọa

đọc tờ trình xin thông qua Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị (sửa đổi, bổ sung), cụ thể như sau:

4.6.1. Thông qua Điều lệ Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh (sửa đổi, bổ sung lần 6) (toàn văn Điều lệ đính kèm);

Kết quả biểu quyết:

- Tán thành: 23.953.117 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

100% Phiếu biểu quyết là phiếu hợp lệ

4.6.2. Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh (sửa đổi, bổ sung)(Toàn văn Quy chế đính kèm);

Kết quả biểu quyết:

- Tán thành: 23.953.117 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

100% Phiếu biểu quyết là phiếu hợp lệ

4.7. Về việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ (2020-2025) của Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh: Đại hội đã nghe ông Phạm Hữu Tấn, thay mặt Đoàn Chủ tọa đọc Tờ trình về việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, nhiệm kỳ (2020-2025) của Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh với các nội dung như sau:

- Miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh, đối với Bà Kiều Phương Ngọc, thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh, nhiệm kỳ 2020-2025.
- Lý do miễn nhiệm: Không còn là đại diện theo ủy quyền của cổ đông tổ chức Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam – CTCP.

Kết quả biểu quyết

- Tán thành: 23.953.117 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

10-C
CP
3
NH
KH

100% Phiếu biểu quyết là phiếu hợp lệ

4.8. Về việc bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị độc lập, nhiệm kỳ (2020-2025) của Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh: Đại hội đã nghe ông Phạm Hữu Tấn, thay mặt Đoàn Chủ tọa đọc văn bản của cổ đông lớn Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam về việc giới thiệu bà Nguyễn Thị Minh Ngọc, sinh ngày 28/11/1973 làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập, nhiệm kỳ (2020-2025) và Tờ trình về việc bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị độc lập, nhiệm kỳ (2020-2025) của Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh (*Tờ trình đính kèm*) với các nội dung cụ thể như sau:

- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị độc lập bầu bổ sung: 1 người.
- Thời hạn giữ chức danh của thành viên Hội đồng quản trị độc lập được bầu bổ sung là thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2020-2025.
- Căn cứ Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh và Đơn đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị độc lập; Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông Danh sách ứng viên dự bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị độc lập, nhiệm kỳ 2020 – 2025 là Bà Nguyễn Thị Minh Ngọc, sinh ngày 28/11/1973

(Lý lịch trích ngang của ứng viên Hội đồng quản trị độc lập đính kèm)

Kết quả biểu quyết

- Tán thành: 23.953.117 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

100% Phiếu biểu quyết là phiếu hợp lệ

4.9. Công tác bầu cử:

4.9.1. Thông qua Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị độc lập, nhiệm kỳ 2020-2025: Đại hội đã nghe ông Nguyễn Hữu Đạt, Đại diện Ban Kiểm phiếu đọc Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị độc lập, nhiệm kỳ 2020-2025.

Kết quả biểu quyết

- Tán thành: 23.953.117 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

100% Phiếu biểu quyết là phiếu hợp lệ

4.9.2. Bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị độc lập, nhiệm kỳ 2020-2025: Đại hội đã nghe ông Nguyễn Hữu Đạt, Đại diện Ban Kiểm phiếu hướng dẫn công tác bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị độc lập, nhiệm kỳ 2020-2025 cho các cổ đông.

4.9.3. Đại hội tiến hành bỏ phiếu bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh nhiệm kỳ 2020-2025 và Ban kiểm phiếu thực hiện công tác kiểm phiếu.

4.9.4. Công bố kết quả bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị độc lập nhiệm kỳ 2020-2025: Đại hội đã nghe ông Nguyễn Hữu Đạt, Đại diện Ban Kiểm phiếu đọc Biên bản kiểm phiếu và công bố danh sách trúng cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị độc lập, nhiệm kỳ 2020-2025 (*Biên bản kiểm phiếu bầu bổ sung thành viên HĐQT độc lập, nhiệm kỳ 2020-2025 đính kèm*)

Danh sách trúng cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị độc lập:

Stt	Họ tên	Tổng số phiếu bầu	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Thị Minh Ngọc	23.952.717	99,998%

4.9.5. Chủ tịch Hội đồng quản trị tặng hoa tri ân Thành viên Hội đồng quản trị, nhiệm kỳ (2020-2025) đã miễn nhiệm và tặng hoa chúc mừng Thành viên được bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị độc lập Công ty, nhiệm kỳ 2020-2025.

III. BẾ MẠC

1. Thông qua Biên bản, Nghị quyết Đại hội: Đại hội đã nghe Bà Phan Thị Kim Yến, thay mặt Ban Thư ký thông qua Dự thảo toàn văn Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh

Kết quả biểu quyết thông qua toàn văn Biên bản Đại hội:

- Tán thành: 23.953.117 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

100% Phiếu biểu quyết là phiếu hợp lệ

Kết quả biểu quyết thông qua toàn văn Nghị quyết Đại hội:

- Tán thành: 23.953.117 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

100% Phiếu biểu quyết là phiếu hợp lệ

2. Phát biểu của đại diện cổ đông lớn: Đại hội đã nghe ông Trần Quang Toàn- Phó Trưởng Ban Cảng biển và Dịch vụ Hàng hải Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam phát biểu chúc mừng Đại hội.

3. Phát biểu Bế mạc đại hội: Đại hội đã nghe Ông Phạm Hữu Tấn - Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt Đoàn Chủ tọa phát biểu bế mạc Đại hội.

Biên bản này được Thư ký Đại hội ghi lại đầy đủ, trung thực, được đọc lại trước Đại hội và được các cổ đông tham dự Đại hội nhất trí thông qua với tỷ lệ 100% tổng số phiếu có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh kết thúc vào hồi 11 giờ 30 phút cùng ngày.

**TM. BAN THƯ KÝ
TRƯỞNG BAN**

Phan Thị Kim Yên

**TM. ĐOÀN CHỦ TỌA
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**



Phạm Hữu Tấn

Số: 01/2022/NQ-CCR.DHĐCĐ

Cam Ranh, ngày 21 tháng 04 năm 2022

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành có hiệu lực;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành có hiệu lực;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Căn cứ Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh số: 01/2022/BB-CCR.DHĐCĐ, ngày 21 tháng 04 năm 2022,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh thống nhất thông qua các nội dung cụ thể như sau:

1. Thông qua Báo cáo của Tổng giám đốc về kết quả kinh doanh năm 2021 và kế hoạch kinh doanh năm 2022 (Báo cáo đính kèm)

2. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022 (Báo cáo đính kèm);

3. Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả hoạt động năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022 (Báo cáo đính kèm);

4. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán (Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã được Công bố thông tin và đăng tải tại website công ty: www.camranhport.vn)

5. Thông qua kết quả kinh doanh và đầu tư năm 2021 với các số liệu như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện
1- Sản lượng hàng qua cảng	Tấn	2.435.923
2- Doanh thu và thu nhập		
Doanh thu và thu nhập công ty mẹ	Đồng	192.803.974.596
Doanh thu và thu nhập hợp nhất	Đồng	196.112.432.661

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện
3- Lợi nhuận trước thuế		
Lợi nhuận trước thuế công ty mẹ	Đồng	53.229.421.014
Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	Đồng	53.957.884.403
4- Lợi nhuận sau thuế TNDN		
Lợi nhuận sau thuế TNDN Công ty mẹ	Đồng	42.463.720.648
Lợi nhuận sau thuế TNDN hợp nhất	Đồng	43.022.632.835
5- Kết quả thực hiện đầu tư	Triệu đồng	2.793

(Bảng chi tiết kết quả thực hiện các hạng mục đầu tư năm 2021 đính kèm)

6. Phê duyệt Phương án Phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ doanh nghiệp và mức cổ tức năm 2021 như sau:

Nội dung	Tỷ lệ (%)	Số tiền (đồng)
1. Lợi nhuận thực hiện 2021		53.229.421.014
2. Thuế TNDN phải nộp	20%	10.765.700.366
3. Lợi nhuận sau thuế (3 = 1 - 2)		42.463.720.648
4. Trích lập quỹ doanh nghiệp (4=4.1+4.2+4.3+4.4)		13.494.380.648
4.1. Quỹ đầu tư phát triển	15%	6.387.385.648
4.2. Quỹ khen thưởng	6%	2.548.123.000
4.3. Quỹ phúc lợi	10%	4.246.372.000
4.4. Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành	0,74%	312.500.000
5. Lợi nhuận còn lại 2021 để chia cổ tức (5 = 3 - 4)		28.969.340.000
6. Cổ tức còn lại năm trước chưa chia		1.975.000.000
7. Tổng cộng cổ tức tích lũy đến cuối năm (7=5+6)		30.944.340.000
8. Cổ phiếu được chia cổ tức (8=8.1-8.2)		244.536.170.000
8.1. Vốn điều lệ		245.018.170.000
8.2. Cổ phiếu quỹ (không chia cổ tức)		(482.000.000)
9. Cổ tức đề xuất chia năm 2021 (9=8*12%)	12%	29.344.340.000
10. Lợi nhuận sau thuế để lại chưa phân phối		1.600.000.000

Ghi chú:

Vốn điều lệ: 245.018.170.000 đồng;

Trừ cổ phiếu quỹ (không chia cổ tức): 482.000.000 đồng;

Cổ phiếu được chia cổ tức: 244.536.170.000 đồng.

Cổ tức thực chia: 244.536.170.000 đồng x 12% = 29.344.340.000 đồng

6.1. Hình thức chi trả cổ tức năm 2021: bằng tiền.

6.2. Thời gian thực hiện chi trả cổ tức: Giao cho Hội đồng quản trị quyết định ngày chốt danh sách chi trả và ngày thực hiện chi trả cổ tức theo đúng quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

7. Phê duyệt Kế hoạch kinh doanh năm 2022 với các chỉ tiêu cụ thể như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2022
1	Tổng Sản lượng	Tấn	2.800.000
2	Doanh thu hợp nhất	Triệu đồng	157.000
3	Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	Triệu đồng	35.000
4	Cổ tức chi trả dự kiến (%/ cổ phiếu)	%	Thấp nhất 7%
5	Kế hoạch Đầu tư	Triệu đồng	49.050

Đính kèm: Kế hoạch kinh doanh, đầu tư, sửa chữa chi tiết năm 2022

8. Thông qua chủ trương không tiếp tục thực hiện thoái vốn đầu tư của Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh tại Công ty CP Dịch vụ Hàng hải Cảng Cam Ranh và Công ty cổ phần Đô thị Cam Ranh đồng thời chấp thuận các chi phí thực tế đã phát sinh cho việc thuê đơn vị tư vấn triển khai thực hiện chủ trương chuyển nhượng vốn và đưa vào chi phí kinh doanh năm 2022.

9. Phê duyệt Kết quả thực hiện chi trả thù lao của thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách và Ban Kiểm soát năm 2021 với tổng số tiền: là 396.000.000 đồng (*Ba trăm chín mươi sáu triệu đồng*). Trong đó:

9.1. Tổng mức thù lao đã chi cho thành viên HĐQT không chuyên trách là: 240.000.000 đồng (*Hai trăm bốn mươi triệu đồng*).

9.2. Tổng mức thù lao đã chi cho thành viên BKS là: 156.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi sáu triệu đồng*)

10. Thông qua mức thù lao chi trả cho thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát không chuyên trách năm 2022 là: 396.000.000 đồng. Cụ thể như sau:

10.1. Đối với Thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát không chuyên trách:

+ Thành viên Hội đồng quản trị: 5.000.000 đồng/người/tháng (*Năm triệu đồng/ người/ tháng*).

+ Trưởng Ban kiểm soát: 5.000.000 đồng/người/tháng (*Năm triệu đồng/ người/ tháng*).

+ Thành viên Ban kiểm soát: 4.000.000 đồng/người/tháng (*Bốn triệu đồng/ người/ tháng*)

10.2. Đối với Chủ tịch Hội đồng quản trị chuyên trách: không hưởng thù lao mà được chi trả lương với mức theo Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 của Chính phủ và Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của nhà nước.

11. Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định việc lựa chọn đơn vị kiểm toán để thực hiện soát xét Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh. Công ty kiểm toán được lựa chọn là công ty kiểm toán hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, nằm trong Danh sách các doanh nghiệp kiểm toán đủ điều kiện cung cấp dịch vụ kiểm toán năm 2022 và được Ủy Ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận; có uy tín về chất lượng kiểm toán; có mức phí kiểm toán phù hợp với chất lượng và phạm vi kiểm toán.

12. Thông qua Điều lệ Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh (sửa đổi, bổ sung lần 6) (toàn văn Điều lệ đính kèm);

13. Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh (sửa đổi, bổ sung) (toàn văn Quy chế đính kèm);

14. Thống nhất miễn nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh, nhiệm kỳ 2020-2025 đối với bà Kiều Phương Ngọc.

15. Thông qua kết quả bầu bổ sung 1 thành viên Hội đồng quản trị độc lập Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh, nhiệm kỳ 2020-2025 đối với Bà Nguyễn Thị Minh Ngọc. Thời hạn giữ chức danh của thành viên Hội đồng quản trị độc lập là thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2020-2025 kể từ ngày ra Nghị quyết này.

Điều 2. Giao cho Hội đồng quản trị căn cứ các mục tiêu, nhiệm vụ và kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo thẩm quyền, phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 3. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh nhất trí thông qua toàn văn với tỷ lệ biểu quyết tán thành 100% trên tổng số phiếu có quyền biểu quyết tại Đại hội và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21/04/2022

Các ông (bà): Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này. /.

Nơi nhận:

- Cổ đông Công ty,
- Các TV HĐQT; BKS,
- Ban Điều hành;
- Lưu: VT, NPTQTCT.



Phạm Hữu Tấn
CHỦ TỊCH HĐQT

BẢNG CHI TIẾT KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐẦU TƯ NĂM 2021
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-CCR.ĐHĐCĐ, ngày 21/04/2022)

TT	Chỉ tiêu	Quy mô/khối lượng	Giá trị tăng tài sản đến 31/12/2021 (Triệu đồng)
I	Đầu tư XDCB hạ tầng		486
1	Hệ thống điện năng lượng mặt trời áp mái khu vực cầu cảng - KBI	30KWp	486
II	Đầu tư mua sắm MMTB		2.307
1	Xe ô tô 07 chỗ	07 chỗ	1.353
2	Phiếu rút hàng rời	65 m ³	954
	Tổng cộng		2.793

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022
(Công ty mẹ và hợp nhất)

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-CCR.DHDCĐ, ngày 21/04/2022)

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2021 (Kiểm toán)		Kế hoạch 2022		So sánh KH 2022 với TH 2021	
		Công ty mẹ CCR	Hợp nhất	Công ty mẹ CCR	Hợp nhất	Số tăng/giảm	%
		I. SẢN LƯỢNG HÀNG THÔNG QUA		2,435,923	2,435,923	2,800,000	2,800,000
1. Sản lượng theo mặt hàng	Tấn	2,435,923	2,435,923	2,800,000	2,800,000	364,077	114.9%
1.1. Sản lượng hàng container	Teu	0	0	0	0	0	
1.2. Sản lượng hàng ngoài container	Tấn	2,435,923	2,435,923	2,800,000	2,800,000	364,077	114.9%
a. Xuất khẩu	Tấn	1,568,676	1,568,676	2,100,000	2,100,000	531,324	133.9%
- Dăm gỗ	Tấn	1,247,625	1,247,625	1,250,000	1,250,000	2,375	100.2%
- Đá xây dựng	Tấn	321,051	321,051	850,000	850,000	528,949	264.8%
- Hàng khác	Tấn	0	0	0	0	0	
b. Nhập khẩu	Tấn	344,597	344,597	105,000	105,000	(239,597)	30.5%
- Thiết bị	Tấn	278,157	278,157	60,000	60,000	(218,157)	21.6%
- Cá đông lạnh	Tấn	40,909	40,909	40,000	40,000	(909)	97.8%
- Hàng khác	Tấn	25,531	25,531	5,000	5,000	(20,531)	19.6%
c. Nội địa	Tấn	522,650	522,650	595,000	595,000	72,350	113.8%
- Cát trắng	Tấn	234,886	234,886	235,000	235,000	114	100.0%
- Xi măng	Tấn	94,564	94,564	80,000	80,000	(14,564)	84.6%
- Muối	Tấn	10,769	10,769	15,000	15,000	4,231	139.3%

Chi tiêu	DVT	Thực hiện 2021 (Kiểm toán)		Kế hoạch 2022		So sánh KH 2022 với TH 2021	
		Công ty mẹ CCR	Hợp nhất	Công ty mẹ CCR	Hợp nhất	Số tăng/giảm	%
- Than đá	Tấn	10,566	10,566	30,000	30,000	19,434	283.9%
- Clinker	Tấn	82,469	82,469	80,000	80,000	(2,469)	97.0%
- Nồng lôm thủy sản	Tấn	40,343	40,343	20,000	20,000	(20,343)	49.6%
- Cát, đá xây dựng	Tấn	8,635	8,635	100,000	100,000	91,365	1158.1%
- Hàng khác	Tấn	40,418	40,418	35,000	35,000	(5,418)	86.6%
2. Sản lượng xuất nhập khẩu, nội địa	Tấn	2,435,923	2,435,923	2,800,000	2,800,000	364,077	114.9%
2.1. Sản lượng xuất, nhập khẩu	Tấn	1,913,273	1,913,273	2,205,000	2,205,000	291,727	115.2%
Trong đó container	Tấn	0	0	0	0	0	0
2.2. Sản lượng nội địa	Tấn	522,650	522,650	595,000	595,000	72,350	113.8%
Trong đó container	Tấn	0	0	0	0	0	0
3. Hành khách thông qua	Khách	0	0	0	0	0	0
4. Số lượt tàu vào cảng	Tàu	306	306	310	310	4	101.3%
II. Sản lượng dịch vụ hàng hải	Tấn	870,000	870,000	800,000	800,000	(70,000)	92.0%
1. Dịch vụ kho bãi	Tấn	300,000	300,000	250,000	250,000	(50,000)	83.3%
2. Dịch vụ phươg tiện, thiết bị	Tấn	420,000	420,000	400,000	400,000	(20,000)	95.2%
3. Sản lượng chuyên tải ngoài phao	Tấn	0	0	0	0	0	0
4. Dịch vụ khác	Tấn	150,000	150,000	150,000	150,000	0	100.0%
III. TỔNG DOANH THU (3+6+8)	Tr.đ	192,804	196,112	150,000	157,000	(39,112)	80.1%
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tr.đ	191,432	194,908	149,000	156,200	(38,708)	80.1%

Chi tiêu	ĐVT	Thực hiện 2021 (Kiểm toán)		Kế hoạch 2022		So sánh KH 2022 với TH 2021	
		Công ty mẹ CCR	Hợp nhất	Công ty mẹ CCR	Hợp nhất	Số tăng/giảm	%
1.1. Bốc xếp	Tr.đ	93,118	93,118	72,000	72,000	(21,118)	77.3%
1.2. Lưu kho, bãi	Tr.đ	16,731	16,731	10,000	10,000	(6,731)	59.8%
1.3. Vận chuyển	Tr.đ	5,596	7,695	5,600	7,600	(95)	98.8%
1.4. Cầu bến	Tr.đ	15,716	15,716	11,500	11,500	(4,216)	73.2%
1.5. Tàu kéo	Tr.đ	11,775	11,775	12,000	12,000	225	101.9%
1.6. Cho thuê phương tiện, thiết bị	Tr.đ	276	1,235	300	5,800	4,565	469.6%
1.7. Cho thuê cơ sở hạ tầng	Tr.đ	20,050	20,050	10,500	10,500	(9,550)	52.4%
1.8. Bến thủy nội địa	Tr.đ	819	819	1,000	1,000	181	122.1%
1.9. Kinh doanh xăng dầu	Tr.đ	23,398	21,592	22,000	20,150	(1,442)	93.3%
1.10. Dịch vụ khác	Tr.đ	3,953	6,177	4,100	5,650	(527)	91.5%
2. Các khoản giảm trừ	Tr.đ	0	0	0	0	0	
3. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ (1-2)	Tr.đ	191,432	194,908	149,000	156,200	(38,708)	80.1%
IV. TỔNG CHI PHÍ (4+7+9)	Tr.đ	139,575	142,154	115,500	122,000	(20,154)	85.8%
4. Chi phí hoạt động kinh doanh (4.1 + 4.2)	Tr.đ	136,340	138,919	115,150	121,650	(17,269)	87.6%
4.1. Giá vốn hàng bán	Tr.đ	111,158	112,669	95,030	100,270	(12,399)	89.0%
- Chi phí nguyên nhiên vật liệu	Tr.đ	1,370	4,166	1,330	3,930	(236)	94.3%
- Chi phí công cụ dụng cụ	Tr.đ	3,053	3,095	500	540	(2,555)	17.4%
- Khấu hao TSCĐ	Tr.đ	17,577	18,696	18,000	19,200	504	102.7%
- Chi phí nhân viên trực tiếp	Tr.đ	42,898	44,774	38,700	40,800	(3,974)	91.1%

Chi tiêu	ĐVT	Thực hiện 2021 (Kiểm toán)		Kế hoạch 2022		So sánh KH 2022 với TH 2021	
		Công ty mẹ CCR	Hợp nhất	Công ty mẹ CCR	Hợp nhất	Số tăng/giảm	%
<i>Trong đó: + Chi phí lương</i>	Tr.đ	32,270	33,960	30,000	31,900	(2,060)	93.9%
+ Chi phí các khoản BH, KPCD	Tr.đ	4,243	4,429	4,200	4,400	(29)	99.3%
+ Chi phí ăn ca và trực tiếp khác	Tr.đ	6,385	6,385	4,500	4,500	(1,885)	70.5%
- Chi phí sửa chữa	Tr.đ	7,432	7,992	3,800	4,400	(3,592)	55.1%
- Chi phí bán hàng + giá mua xăng dầu kinh doanh	Tr.đ	21,390	21,390	20,000	20,000	(1,390)	93.5%
- Chi phí khác:	Tr.đ	17,438	12,556	12,700	11,400	(1,156)	90.8%
<i>Trong đó: + Chi phí thuê vận chuyển</i>	Tr.đ	4,122	4,122	4,500	4,500	378	109.2%
+ Chi phí thuê thiết bị, phương tiện	Tr.đ	10,815	6,977	7,000	5,150	(1,827)	73.8%
+ Chi phí thuê nhân công	Tr.đ	0	170	0	0	(170)	0.0%
+ Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	Tr.đ	2,501	1,287	1,200	1,750	463	136.0%
- Chi phí dự phòng (+)/hoàn nhập dự phòng (-)	Tr.đ	0	0	0	0	0	
4.2. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Tr.đ	25,182	26,250	20,120	21,380	(4,870)	81.4%
- Chi phí nhân viên:	Tr.đ	13,304	14,095	11,200	12,160	(1,935)	86.3%
<i>Trong đó: + Chi phí lương</i>	Tr.đ	12,330	13,015	10,400	11,250	(1,765)	86.4%
+ BHXH, KPCD, BHYT & chi phí khác	Tr.đ	974	1,080	800	910	(170)	84.3%
- Chi phí nhiên liệu, vật liệu	Tr.đ	169	199	150	180	(19)	90.5%
- Khấu hao TSCD	Tr.đ	1,041	1,041	800	800	(241)	76.8%
- Chi phí sửa chữa	Tr.đ	544	544	200	200	(344)	36.8%
- Thuê nhà, đất	Tr.đ	3,403	3,433	4,500	4,530	1,097	132.0%

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2021 (Kiểm toán)		Kế hoạch 2022		So sánh KH 2022 với TH 2021	
		Công ty mẹ CCR	Hợp nhất	Công ty mẹ CCR	Hợp nhất	Số tăng/giảm	%
- Chi phí khác:	Tr.đ	6,721	6,938	3,270	3,510	(3,428)	50.6%
<i>Trong đó: + Chi phí CNTT - chuyển đổi số</i>	Tr.đ	278	278	400	400	122	143.9%
+ Chi phí hội nghị, tiếp khách	Tr.đ	1,257	1,287	670	713	(574)	55.4%
+ Chi phí quảng cáo, tiếp thị	Tr.đ	1,144	1,144	200	200	(944)	17.5%
+ Chi phí đào tạo	Tr.đ	417	417	400	400	(17)	95.9%
+ Công tác phi, tàu xe	Tr.đ	649	654	500	510	(144)	78.0%
+ Chi phí quản lý khác	Tr.đ	2,976	3,158	1,100	1,287	(1,871)	40.8%
- Chi phí dự phòng (+)/hoàn nhập dự phòng (-)	Tr.đ	0	0	0	0	0	
5. Lợi nhuận khai thác (3-4)	Tr.đ	55,092	55,989	33,850	34,550	(21,439)	61.7%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	Tr.đ	958	790	800	600	(190)	75.9%
- Lãi tiền gửi ngân hàng	Tr.đ	462	544	300	350	(194)	64.3%
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	Tr.đ	496	246	500	250	4	101.6%
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	Tr.đ	0	0	0	0	0	
- Doanh thu tài chính khác	Tr.đ	0	0	0	0	0	
7. Chi phí hoạt động tài chính	Tr.đ	741	741	200	200	(541)	27.0%
- Chi phí lãi vay	Tr.đ	741	741	200	200	(541)	27.0%
- Chi phí chênh lệch tỷ giá	Tr.đ	0	0	0	0	0	
- Chi phí tài chính khác	Tr.đ	0	0	0	0	0	
8. Thu nhập hoạt động khác	Tr.đ	414	414	200	200	(214)	48.3%

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2022

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-CCR.DHDCB, ngày 21/04/2022)

TT	Tên dự án	Quy mô/Mô tả dự án	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Nguồn vốn		Kế hoạch thực hiện năm 2022
				Tự có (tỷ đồng)	Vay (tỷ đồng)	
I	DA chuyển tiếp từ năm 2021		100,95	50,2	50,75	42,05
1	Đầu tư XD CB		64,50	23,90	40,60	15,10
1.1	Dự án nâng cao năng lực khai thác cầu cảng- cảng Ba Ngòi	Nâng cấp bến số 1 lên 50.000 DWT và bến 2 lên 70.000 DWT giảm tải	58,00	17,40	40,60	10,60
1.2	Thảm nhựa đường trục chính T1	736m	6,50	6,50	0,00	4,50
2	Mua sắm thiết bị		36,45	26,3	10,15	26,95
2.1	Cầu di động	Sức nâng 180 tấn	20,00	20,00	0,00	15,00
2.2	Băng tải làm hàng rời	01 họng rót	14,50	4,35	10,15	10,50
2.3	Trạm cân điện tử	80 tấn	1,00	1,00	0,00	0,70
2.5	Xe nâng hàng	12 tấn	0,95	0,95	0,00	0,75
II	DA khởi công năm 2022		7,00	7,00	0,00	7,00
1	Đầu tư XD CB		5,00	5,00	0,00	5,00
1.1	Nâng cấp/bê tông nền bãi	3.000 m2	5,00	5,00	0,00	5,00
2	Mua sắm thiết bị		2,00	2,00	0,00	2,00
2.1	Công cụ thiết bị phục vụ chuyển đổi số	Hệ thống	2,00	2,00	0,00	2,00
Tổng cộng			107,95	57,20	50,75	49,05

KẾ HOẠCH CHI PHÍ SỬA CHỮA NĂM 2022

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-CCR.DHDCĐ, ngày 21/04/2022)

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	Sửa chữa hệ thống kho, bãi	m ²	3,000	250,000	750,000,000
2	Sửa chữa duy tu cầu bến				
	<i>Bến số 1</i>	Bến	1	300,000,000	300,000,000
	<i>Bến số 2</i>	Bến	1	300,000,000	300,000,000
	<i>Cầu dẫn</i>	Bến	1	200,000,000	200,000,000
3	Sửa chữa thiết bị và công cụ sản xuất				2,000,000,000
	Cầu và phương tiện thiết bị xếp dỡ	Lượt	1	200,000,000	200,000,000
	Tàu TLA lên đà định kỳ	Lượt	1	1,400,000,000	1,400,000,000
	Công cụ làm hàng	Lượt	10	40,000,000	400,000,000
4	Sửa chữa nhà cửa văn phòng/trang thiết bị quản lý (xe con, thiết bị văn phòng, ...)	Lượt	10	20,000,000	200,000,000
5	Sửa chữa hệ thống đường nội bộ cầu cảng	Lượt	1	150,000,000	150,000,000
6	Sửa chữa hệ thống điện nước	Lượt	4	25,000,000	100,000,000
	Tổng cộng				4,000,000,000

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH

(Sửa đổi, bổ sung lần 6 và được ban hành lại theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh năm 2022)

Cam Ranh, tháng 4 năm 2022

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG.....	1
MỤC 1: ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	1
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	1
MỤC 2: TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG, NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	2
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty	2
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	3
Điều 4. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật của Công ty	3
MỤC 3: MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	4
Điều 5. Mục tiêu hoạt động của Công ty	4
Điều 6. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	6
CHƯƠNG II: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, TRÁI PHIẾU	6
Điều 7. Vốn điều lệ.....	6
Điều 8. Cổ phần.....	6
Điều 9. Chào bán cổ phần	7
Điều 10. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty	7
Điều 11. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông.....	7
Điều 12. Chuyển nhượng cổ phần.....	8
Điều 13. Thừa kế, tặng cho cổ phần.....	8
Điều 14. Chứng nhận cổ phiếu và chứng chỉ chứng khoán khác	8
Điều 15. Trả cổ tức	9
Điều 16. Sổ đăng ký cổ đông	10
MỤC 1: CƠ CẤU TỔ CHỨC	10
Điều 17. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....	10
MỤC 2: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	10
Điều 18. Quyền của cổ đông	10

Điều 19. Nghĩa vụ của cổ đông	12
Điều 20. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức	13
Điều 21. Trách nhiệm của người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức	14
Điều 22. Đại hội đồng cổ đông.....	14
Điều 23. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	15
Điều 24. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	17
Điều 25. Thay đổi các quyền.....	17
Điều 26. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 27. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	19
Điều 28. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 29. Điều kiện đề nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua.....	21
Điều 30. Thẩm quyền và thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	22
Điều 31. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	23
Điều 32. Yêu cầu hủy bỏ các quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	24
MỤC 3: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	25
Điều 33. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	25
Điều 34. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	25
Điều 35. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị.....	26
Điều 36. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.....	27
Điều 37. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	27
Điều 38. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	29
Điều 39. Chủ tịch Hội đồng quản trị	30
Điều 40. Cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	31
Điều 41. Biên bản họp Hội đồng quản trị.....	32
Điều 42. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị	33
Điều 43. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	33
Điều 44. Người phụ trách quản trị công ty	33
MỤC 4: TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	34



Điều 45. Tổ chức bộ máy quản lý	34
Điều 46. Người điều hành Công ty.....	34
Điều 47. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc.....	34
Điều 48. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc.....	35
MỤC 5: BAN KIỂM SOÁT.....	36
Điều 49. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát.....	36
Điều 50. Thành phần Ban kiểm soát	37
Điều 51. Trưởng Ban kiểm soát	38
Điều 52. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	38
Điều 53. Cuộc họp của Ban kiểm soát	40
Điều 54. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát	40
MỤC 6: TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	40
Điều 55. Trách nhiệm của người quản lý Công ty	40
Điều 56. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	41
Điều 57. Giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này	42
Điều 58. Công khai lợi ích có liên quan.....	43
Điều 59. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	44
MỤC 7: QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	45
Điều 60. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	45
MỤC 8: CÔNG NHÂN VIÊN VÀ TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ.....	46
TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI, TỔ CHỨC ĐẠI DIỆN NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠI CƠ SỞ TRONG CÔNG TY.....	46
Điều 61. Công nhân viên và tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở trong Công ty	46
CHƯƠNG IV: QUẢN LÝ VỐN ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY TẠI DOANH NGHIỆP KHÁC	46
Điều 62. Quản lý vốn đầu tư của Công ty tại doanh nghiệp khác	46
Điều 63. Quan hệ giữa Công ty với công ty TNHH một thành viên.....	46
Điều 64. Quan hệ giữa Công ty với công ty cổ phần, công ty TNHH hai thành viên trở lên	47

CHƯƠNG V: TÀI CHÍNH CÔNG TY	47
MỤC 1: PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	47
Điều 65. Phân phối lợi nhuận	47
MỤC 2: TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ	48
CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	48
Điều 66. Tài khoản ngân hàng	48
Điều 67. Năm tài chính	48
Điều 68. Chế độ kế toán	48
MỤC 3: BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	48
Điều 69. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	48
Điều 70. Báo cáo thường niên	48
Điều 71. Công khai thông tin	49
MỤC 4: KIỂM TOÁN CÔNG TY	49
Điều 72. Kiểm toán	49
MỤC 5: DẤU CỦA CÔNG TY	49
Điều 73. Dấu của Công ty	49
MỤC 6: GIẢI THỂ CÔNG TY	49
Điều 74. Giải thể công ty	49
Điều 75. Thanh lý	50
MỤC 7: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	50
Điều 76. Giải quyết tranh chấp nội bộ	50
MỤC 8: BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	51
Điều 77. Điều lệ Công ty	51
MỤC 9: NGÀY HIỆU LỰC	51
Điều 78. Ngày hiệu lực	51

12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50
51
52
53
54
55
56
57
58
59
60
61
62
63
64
65
66
67
68
69
70
71
72
73
74
75
76
77
78
79
80
81
82
83
84
85
86
87
88
89
90
91
92
93
94
95
96
97
98
99
100

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh (sau đây gọi là “Điều lệ”) được thông qua theo quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh ngày 21 tháng 4 năm 2022.

Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh (sau đây được gọi tắt là “Công ty”) được tổ chức và hoạt động theo Điều lệ này, các quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

CHƯƠNG I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

MỤC 1: ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a) **“Luật Doanh nghiệp”** là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- b) **“Luật Chứng khoán”** là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- c) **“Ngày thành lập”** là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;
- d) **“Vốn điều lệ”** là tổng mệnh giá cổ phần đã bán và theo quy định tại Điều 8 Điều lệ này;
- e) **“Vốn có quyền biểu quyết”** là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- f) **“Người quản lý doanh nghiệp”** là người quản lý Công ty, bao gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
- g) **“Người điều hành doanh nghiệp”** là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng;
- h) **“Người có liên quan”** là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
- i) **“Cổ đông”** là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;
- j) **“Cổ đông lớn”** là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 05% số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Công ty;
- k) **“Cổ phần đã bán”** là cổ phần được quyền chào bán đã được các cổ đông thanh toán đủ cho Công ty;
- l) **“Cổ phần được quyền chào bán”** là tổng số cổ phần các loại mà Đại hội đồng cổ đông quyết định sẽ chào bán để huy động vốn;
- m) **“Cổ phần chưa bán”** là cổ phần được quyền chào bán và chưa được thanh toán cho Công ty;
- n) **“Sở giao dịch chứng khoán”** là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con;
- o) **“Thời hạn hoạt động”** là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều lệ này;

- p) **“Đại hội đồng cổ đông”** là Đại hội đồng cổ đông của Công ty;
q) **“Hội đồng quản trị”** là Hội đồng quản trị của Công ty;
r) **“Ban kiểm soát”** là Ban kiểm soát của Công ty;
s) **“Tổng giám đốc”** là Tổng giám đốc của Công ty;
t) **“Kế toán trưởng”** là Kế toán trưởng Công ty;
u) **“Việt Nam”** là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
v) **“Pháp luật”** là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 63/2020/QH14 ngày 18 tháng 6 năm 2020.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Chương, Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung mà không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

4. Các từ hoặc thuật ngữ khác đã được định nghĩa trong Bộ luật dân sự và Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

MỤC 2: TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG, NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

- Tên Công ty:
 - Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAMRANH**
 - Tên tiếng Anh: **CAMRANH PORT JOINT STOCK COMPANY**
 - Tên viết tắt tiếng Việt: **CẢNG CAMRANH**
 - Tên viết tắt tiếng Anh: **CAMRANH PORT**
 - Loại hình công ty: **Công ty cổ phần**
- Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
- Địa chỉ trụ sở chính của Công ty:
 - Địa chỉ trụ sở chính: **Số 29 đường Nguyễn Trọng Kỳ, phường Cam Linh, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.**
 - Điện thoại: **(0258) 3854307**
 - Fax: **(0258) 3854536**
 - E-mail : **mail@camranhport.vn**
 - Website : **http://www.camranhport.vn**

- Logo của Công ty :



Member of **VIVIC** ●

4. Công ty có tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật hiện hành kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động theo Điều 74 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật là Tổng giám đốc Công ty.

3. Tổng giám đốc khi xuất cảnh khỏi Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân khác cư trú tại Việt Nam thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật. Trường hợp này, Tổng giám đốc vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.

4. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo quy định tại khoản 3 Điều này mà Tổng giám đốc chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật cho đến khi Tổng giám đốc trở lại làm việc tại Công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.

5. Trường hợp Tổng giám đốc vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhận chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định hoặc không còn làm việc cho Công ty thì Hội đồng quản trị cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Điều 4. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Người đại diện theo pháp luật của Công ty có trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty;

b) Trung thành với lợi ích của Công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về doanh nghiệp mà mình, người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần vốn góp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với thiệt hại cho Công ty do vi phạm trách nhiệm quy định tại khoản 1 Điều này.

MỤC 3: MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 5. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Bốc xếp hàng hóa	5224
2	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
3	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
4	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
5	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
6	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
7	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
8	Đại lý du lịch	7911
9	Điều hành tua du lịch	7912
10	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Dịch vụ khách sạn; Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
11	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống	5610
12	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
13	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
14	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
15	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ Logistics; dịch vụ giao nhận, kiểm đếm, đóng gói, nâng hạ hàng hóa; môi giới thuê tàu biển; cung ứng dịch vụ hàng hải; dịch vụ đại lý tàu biển; sửa chữa tàu biển; dịch vụ lai dắt tàu sông, tàu biển; dịch vụ cứu nạn, cứu hộ tàu sông, tàu biển; vệ sinh tàu và các hoạt động phụ trợ vận tải; dịch vụ đại lý vận tải đường biển; dịch vụ khai thuế hải quan.	5229
16	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Cho thuê kho, bãi, văn phòng.	6810
17	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa	8299

18	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
19	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải	3315
20	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
21	Sửa chữa thiết bị điện	3314
22	Sửa chữa thiết bị khác	3319
23	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
24	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn Chi tiết: Sửa chữa container	3311
25	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
26	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác. Chi tiết: Dịch vụ vệ sinh container	8129
27	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện. Chi tiết: Chế biến dăm gỗ, mua bán nguyên liệu chế biến dăm gỗ.	1629
28	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Mua bán xăng, dầu và các sản phẩm liên quan	4730
29	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan	4661
30	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
31	Cho thuê xe có động cơ	7710
32	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
33	Sản xuất điện Chi tiết: Sản xuất điện mặt trời	3511

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

a) Tối đa hóa lợi nhuận cho Công ty và cổ đông trên cơ sở xây dựng hệ thống quản lý, điều hành gọn nhẹ, hiệu lực, hiệu quả, ứng dụng công nghệ thông tin và công cụ quản lý tiên tiến, quản trị tốt nhất các nguồn lực và hoạt động sản xuất kinh doanh.

b) Xây dựng và phát triển thương hiệu của Công ty luôn là một doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực dịch vụ logistics; với chiến lược phát triển ổn định và bền vững trên nền tảng kinh doanh cốt lõi là dịch vụ quản lý khai thác cảng biển; chú trọng đầu tư có trọng tâm, trọng điểm phát triển cơ sở hạ tầng logistics, ứng dụng công nghệ thông tin, nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng hiệu quả các nguồn lực của Công ty.

c) Đa dạng hóa các hình thức đầu tư, phát triển dịch vụ mới gắn kết với ngành nghề kinh doanh cốt lõi của Công ty.

d) Phát triển, đào tạo nguồn nhân lực chuyên môn chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất kinh doanh kết hợp với chính sách đãi ngộ tương xứng.

e) Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với Nhà nước và trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng.

Điều 6. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với Cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Công thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia. Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật Đầu tư, pháp luật chuyên ngành có liên quan.

CHƯƠNG II:

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, TRÁI PHIẾU

Điều 7. Vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ của Công ty là **245.018.170.000** đồng (bằng chữ: Hai trăm bốn mươi lăm tỷ không trăm mười tám triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng).

2. Vốn điều lệ được hạch toán bằng đồng Việt Nam (VND).

3. Vốn điều lệ được sử dụng vào các mục đích theo quy định của pháp luật.

4. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Công ty có thể giảm vốn điều lệ trong các trường hợp sau đây:

a) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Công ty hoàn trả một phần vốn góp cho cổ đông theo tỷ lệ sở hữu của họ trong Công ty và đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả cho cổ đông;

b) Công ty mua lại cổ phần đã bán theo quy định tại Điều 10 và Điều 11 Điều lệ này.

Việc giảm vốn điều lệ của Công ty phải bảo đảm vốn điều lệ sau khi giảm không được thấp hơn vốn pháp định theo quy định của pháp luật (nếu có).

Điều 8. Cổ phần

1. Mỗi cổ phần của Công ty có mệnh giá là **10.000** VND (Bằng chữ: mười nghìn đồng).

2. Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông thông qua được chia thành **24.501.817** cổ phần (Bằng chữ: Hai mươi bốn triệu, năm trăm lẻ một ngàn, tám trăm mười bảy).

3. Cổ phần Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông.

4. Công ty có thể phát hành cổ phần ưu đãi. Người sở hữu cổ phần ưu đãi gọi là cổ đông ưu đãi.

5. Người được quyền mua cổ phần ưu đãi cổ tức, cổ phần ưu đãi hoàn lại do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

6. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho người sở hữu cổ phần đó có các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.

7. Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 9. Chào bán cổ phần

1. Chào bán cổ phần là việc Công ty tăng thêm số lượng cổ phần, loại cổ phần được quyền chào bán để tăng vốn điều lệ.

2. Chào bán cổ phần có thể thực hiện theo các hình thức sau đây:

a) Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu;

b) Chào bán cổ phần riêng lẻ;

c) Chào bán cổ phần ra công chúng.

3. Chào bán cổ phần của Công ty thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

4. Công ty thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành đợt bán cổ phần.

Điều 10. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty

Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong mỗi 12 tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định;

2. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này;

3. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty theo trình tự, thủ tục sau đây:

a) Quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo bằng phương thức để bảo đảm đến được tất cả các cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải gồm tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá trị mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Công ty;

b) Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi văn bản đồng ý bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được Công ty trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thông báo. Văn bản đồng ý bán cổ phần phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần đồng ý bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần trong thời hạn nói trên.

4. Ngoài các quy định nêu trên, việc Công ty mua lại cổ phần còn phải thực hiện theo quy định tại Điều 36 Luật Chứng khoán.

5. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần mua lại được thực hiện theo quy định tại Điều 134 Luật Doanh nghiệp.

Điều 11. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông

1. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ này có quyền yêu cầu

Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về vấn đề quy định tại khoản này.

2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần mua lại được thực hiện theo quy định tại Điều 134 Luật Doanh nghiệp và Điều 36 Luật Chứng khoán.

Điều 12. Chuyển nhượng cổ phần

1. Cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ trường hợp cổ phần hạn chế chuyển nhượng được nêu rõ trong cổ phiếu của cổ phần tương ứng.

2. Việc chuyển nhượng cổ phiếu đã niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

3. Việc chuyển nhượng cổ phần chưa được niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán thực hiện bằng hợp đồng. Giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc người đại diện theo ủy quyền của họ ký.

4. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Thừa kế, tặng cho cổ phần

1. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó trở thành cổ đông của Công ty.

2. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần của cổ đông đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

3. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại Công ty cho cá nhân, tổ chức khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Cá nhân, tổ chức được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ trở thành cổ đông của Công ty.

4. Cá nhân, tổ chức nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này và Điều 12 Điều lệ này chỉ trở thành cổ đông Công ty từ thời điểm các thông tin của họ được quy định tại khoản 2 Điều 122 Luật Doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.

Điều 14. Chứng nhận cổ phiếu và chứng chỉ chứng khoán khác

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

5. Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 15. Trả cổ tức

1. Cổ tức trả cho cổ phần ưu đãi được thực hiện theo điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại cổ phần ưu đãi.

2. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Công ty. Công ty chỉ được trả cổ tức của cổ phần phổ thông khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;

b) Đã trích lập các quỹ công ty và bù đắp lỗ trước đó theo quy định của pháp luật;

c) Ngay sau khi trả hết cổ tức, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

3. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của Công ty. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng Đồng Việt Nam và theo các phương thức thanh toán theo quy định của pháp luật.

4. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong sổ đăng lý cổ đông chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức.

5. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty.

6. Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, Công ty không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định tại Điều 9 Điều lệ này. Công ty phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn 10

ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.

Điều 16. Sổ đăng ký cổ đông

1. Sổ đăng ký cổ đông được lập và lưu giữ dưới dạng văn bản giấy, tập dữ liệu điện tử ghi nhận thông tin về sở hữu cổ phần của các cổ đông Công ty.
2. Sổ đăng ký cổ đông bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
 - b) Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán từng loại;
 - c) Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;
 - d) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;
 - e) Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.
3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc các tổ chức khác có chức năng lưu giữ sổ đăng ký cổ đông. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông Công ty trong sổ đăng ký cổ đông.
4. Trường hợp cổ đông thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời với công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ liên lạc của cổ đông. Công ty phải cập nhật kịp thời thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan theo quy định tại Điều lệ công ty.

CHƯƠNG III: CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

MỤC 1: CƠ CẤU TỔ CHỨC

Điều 17. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị.
3. Ban kiểm soát.
4. Tổng Giám đốc.

MỤC 2: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 18. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

e) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;

h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại điều 132 của Luật Doanh nghiệp;

i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

j) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

k) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

l) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hàng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều này có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

a) Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;

b) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông quy định tại khoản 3 Điều này phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.

5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

6. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh Công ty khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc đề yêu cầu hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho Công ty hoặc người khác theo quy định tại Điều 166 Luật Doanh nghiệp.

Điều 19. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng hạn số cổ phần cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ của Công ty.

4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- a) Vi phạm pháp luật;
- b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

8. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây ảnh hưởng đến các quyền, lợi ích của Công ty, của các cổ đông khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này; có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật;

9. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 20. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức

1. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức phải là cá nhân được ủy quyền bằng văn bản nhân danh cổ đông đó thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

2. Việc cử người đại diện theo ủy quyền của tổ chức là cổ đông của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

- a) Sở hữu từ 10% đến 20% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền 01 người đại diện theo ủy quyền;
- b) Sở hữu trên 20% đến 30% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 02 người đại diện theo ủy quyền;
- c) Sở hữu trên 30% đến 50% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 03 người đại diện theo ủy quyền;
- d) Sở hữu trên 50% đến 75% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 04 người đại diện theo ủy quyền;
- e) Sở hữu trên 75% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 05 người đại diện theo ủy quyền.

3. Trường hợp cổ đông là tổ chức cử nhiều người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần cho mỗi người đại diện theo ủy quyền. Trường hợp cổ đông không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền thì số cổ phần sẽ được chia đều cho tất cả người đại diện theo ủy quyền.

4. Văn bản cử người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo cho Công ty và chỉ có hiệu lực đối với Công ty kể từ ngày Công ty nhận được văn bản. Văn bản cử người đại diện theo ủy quyền phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông;

b) Số lượng người đại diện theo ủy quyền và tỷ lệ sở hữu cổ phần tương ứng của mỗi người đại diện theo ủy quyền;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân từng người đại diện theo ủy quyền;

d) Thời hạn ủy quyền tương ứng của từng người đại diện theo ủy quyền; trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được đại diện;

e) Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và của người đại diện theo ủy quyền.

5. Người đại diện theo ủy quyền phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b) Không có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp.

Điều 21. Trách nhiệm của người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức

1. Người đại diện theo ủy quyền nhân danh cổ đông thực hiện quyền và nghĩa vụ của cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ này. Mọi hạn chế của cổ đông đối với người đại diện theo ủy quyền trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của cổ đông tương ứng tại Đại hội đồng cổ đông đều không có hiệu lực đối với bên thứ ba.

2. Người đại diện theo ủy quyền có trách nhiệm tham dự đầy đủ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; thực hiện quyền, nghĩa vụ được ủy quyền một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất, bảo vệ lợi ích hợp pháp của cổ đông cử đại diện.

3. Người đại diện theo ủy quyền chịu trách nhiệm trước cổ đông cử đại diện do vi phạm trách nhiệm quy định tại Điều này. Cổ đông cử đại diện chịu trách nhiệm trước bên thứ ba đối với trách nhiệm phát sinh liên quan đến quyền và nghĩa vụ được thực hiện thông qua người đại diện theo ủy quyền.

Điều 22. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt là thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 18 Điều lệ này; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại;

5. Thủ tục đề tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Điều lệ này.

Điều 23. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Thông qua định hướng phát triển Công ty;

b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

d) Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;

f) Thông qua Báo cáo tài chính hằng năm;

g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
 - i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - k) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - l) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
 - c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
 - e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
 - f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần từng loại;
 - g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - j) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
 - k) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
 - l) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;
 - m) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - n) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - o) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - p) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - q) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại điểm b khoản 4 Điều 57 Điều lệ này với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
 - r) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 57 Điều lệ này;
 - s) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

t) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 24. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

3. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 25. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc

loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 27, 28 và 29 Điều lệ này.

Điều 26. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 22 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung Đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho Đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội;

f) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ Đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

c) Phiếu biểu quyết;

d) Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;

e) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày

khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Điều lệ này;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

7. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp.

Điều 27. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 28. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và Ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào Ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) Đại hội.

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh họp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển



bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

- a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không đảm bảo cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
- c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 29. Điều kiện để nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 5 và 6 Điều này:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e) Tổ chức lại, giải thể Công ty.
- f) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, 5 và 6 Điều này.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến

hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

4. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua; việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

5. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

6. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 30. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 23 của Điều lệ này;

2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất là 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Điều lệ này;

3. Phiếu lấy ý kiến phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ



đồng là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu;

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty;

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 31. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản cuộc họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố trên trang thông tin điện tử theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 32. Yêu cầu hủy bỏ các quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 18 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 29 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty. Trường hợp nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có nghị quyết bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

MỤC 3: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 33. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông: sở hữu từ 10% đến 20% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử 01 ứng cử viên; sở hữu trên 20% đến 30% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 02 ứng cử viên; sở hữu trên 30% đến 50% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 03 ứng cử viên; sở hữu trên 50% đến 75% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 04 ứng cử viên và sở hữu trên 75% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 05 ứng cử viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Điều lệ này, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 35 Điều lệ này.

Điều 34. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người, bao gồm thành viên chuyên trách và không chuyên trách.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

4. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Trường hợp Công ty là công ty niêm yết thì số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo có tối thiểu 01 thành viên độc lập.

5. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 36 Điều lệ này.

6. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

7. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 35. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;
- c) Thành viên Hội đồng quản trị có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;
- d) Không phải là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của công ty mẹ.

2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất 03 năm liền kề trước đó;
- b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
- c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;
- d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
- e) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên

độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị đó trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 36. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 35 của Điều lệ này;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- b) Không còn là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức theo quyết định của tổ chức đó;
- c) Là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức, nhưng tổ chức đó không còn là cổ đông của Công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ này. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
- b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị không bảo đảm số lượng theo quy định tại khoản 4 Điều 34 Điều lệ này;
- c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 37. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền, nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền, nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có quyền hạn và nghĩa vụ sau đây:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động vốn theo hình thức khác;

- d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 10 Điều lệ này;
- f) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- g) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- h) Quyết định phương án đầu tư, dự án đầu tư mua sắm không nằm trong kế hoạch kinh doanh, đầu tư hàng năm có giá trị đầu tư dưới 15 tỷ đồng hoặc khoản đầu tư nằm trong kế hoạch kinh doanh, đầu tư hàng năm nhưng phát sinh tổng giá trị các khoản đầu tư vượt kế hoạch dưới 10%. Tổng giá trị các khoản đầu tư phát sinh không vượt quá 10% và 20 tỷ đồng so với tổng kế hoạch ngân sách đầu tư hàng năm đã được phê duyệt.
- i) Quyết định bán tài sản có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- j) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 23, khoản 4 Điều 57 Điều lệ này;
- k) Phân cấp hoặc ủy quyền cho Tổng giám đốc quyết định đối với phương án đầu tư và dự án đầu tư; phương án thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, thuê, cho thuê tài sản cố định; quy chế nội bộ của Công ty;
- l) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Tổng giám đốc;
- m) Cử người đại diện theo uỷ quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- n) Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng theo đề nghị của Tổng giám đốc;
- o) Chấp thuận đề Tổng giám đốc bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh Giám đốc các chi nhánh trực thuộc, Trưởng phòng và tương đương;
- p) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- q) Quyết định thay đổi và hình thức, nội dung logo của Công ty;
- r) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- s) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- t) Trình báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- u) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

- v) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
 - w) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - x) Báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên gần nhất các nội dung đã được thông qua tại các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trước đó chưa được thực hiện. Trường hợp có thay đổi nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất thông qua trước khi thực hiện;
 - y) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên các nội dung sau:
- a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều 38 Điều lệ này;
 - b) Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị;
 - c) Báo cáo các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập và kết quả đánh giá của thành viên Hội đồng quản trị độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - e) Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị (nếu có);
 - f) Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc;
 - g) Kết quả giám sát đối với người điều hành khác;
 - h) Các kế hoạch trong tương lai.

Điều 38. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 39. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

f) Thay mặt Hội đồng quản trị ký các quyết định, nghị quyết của Hội đồng quản trị; ký các văn bản khác để xử lý công việc thuộc quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị;

g) Đảm bảo các thành viên Hội đồng quản trị nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Hội đồng quản trị phải xem xét;

h) Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị. Nội dung phân công nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên phải được thể hiện dưới dạng văn bản và có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;

i) Giám sát các thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện các công việc được phân công;

j) Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm

chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 40. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường. Đối với các vấn đề phát sinh giữa hai phiên họp của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể tổ chức lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

4. Đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần tham luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử và phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không có quyền biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

13. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Trường hợp số phiếu biểu quyết ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Kết quả biểu quyết bằng Phiếu lấy ý kiến bằng văn bản có giá trị như các Nghị quyết, quyết định trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị.

Điều 41. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng Anh, có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g, h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt được áp dụng.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày gửi. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 42. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu người điều hành doanh nghiệp cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người điều hành doanh nghiệp được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 43. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 44. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty bổ nhiệm ít nhất một (01) người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

- b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d) Tham dự các cuộc họp;
- e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

MỤC 4: TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 45. Tổ chức bộ máy quản lý

1. Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty.
2. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 46. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.
2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành Công ty phải có trách nhiệm đề hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 47. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.
2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 48 Điều lệ này.

4. Tổng giám đốc có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- b) Tổ chức, thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh Giám đốc các chi nhánh trực thuộc, Trưởng phòng và tương đương sau khi đã được Hội đồng quản trị chấp thuận;
- f) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty và người thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
- g) Tuyển dụng lao động;
- h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- i) Đề nghị Hội đồng quản trị quyết định cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty có vốn góp của Công ty; quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- j) Trình Hội đồng quản trị phê duyệt kế hoạch sử dụng lao động hằng năm;
- k) Quyết định và ký kết các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê tài sản và các hợp đồng, giao dịch khác liên quan đến việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- l) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quy chế nội bộ của Công ty, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.

5. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp khi được yêu cầu.

6. Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo đúng quy định pháp luật, Điều lệ này, hợp đồng lao động ký với Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại cho Công ty.

7. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế. Trong thời gian thực hiện thủ tục bổ nhiệm Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị quyết định việc giao nhiệm vụ cho một người quản lý doanh nghiệp hoặc một người điều hành doanh nghiệp khác thực hiện quyền, nghĩa vụ của Tổng giám đốc và đại diện theo pháp luật của Công ty.

Điều 48. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc

1. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b) Không phải là người có quan hệ gia đình của người quản lý Công ty, Kiểm soát viên của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Công ty và công ty mẹ;

c) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty.

2. Đương nhiên mất tư cách, thay thế Tổng giám đốc trong các trường hợp sau:

a) Mất năng lực hành vi dân sự, chết;

b) Vi phạm quy định của pháp luật về những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ;

c) Khi bị Tòa án quyết định trục xuất khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc bị Tòa án cấm đảm nhận chức vụ, cấm hành nghề hoặc công việc nhất định;

d) Công ty bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động;

3. Tổng giám đốc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a) Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự; có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi;

b) Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều này;

c) Có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty trước khi ngừng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình ít nhất 45 ngày;

d) Theo quyết định của Hội đồng quản trị;

e) Các trường khác theo quy định pháp luật hiện hành.

MỤC 5: BAN KIỂM SOÁT

Điều 49. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty khác);

e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

f) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Ban kiểm soát, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên thành viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông: sở hữu từ 10% đến 40% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử 01 ứng cử viên; sở hữu trên 40% đến 65% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 02 ứng cử viên; sở hữu trên 65% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 03 ứng cử viên;

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 50. Thành phần Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;

d) Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty;

e) Không phải là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty;

f) Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

g) Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

5. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã

hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 51. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

- a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
- b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 52. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 18 của Điều lệ này.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 18 của Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

50.
Y.C
IG
IAI
I.T

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 55 Điều lệ này phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

13. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

14. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.

15. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

16. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ này của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của Công ty, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

17. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

18. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

19. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

20. Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát phải đảm bảo các nội dung sau:

a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 54 Điều lệ này.

b) Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát.

c) Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

d) Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của Công ty và những người có liên quan của đối

tượng đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

e) Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của Công ty.

f) Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

21. Có quyền được cung cấp thông tin theo quy định tại Điều 171 Luật Doanh nghiệp.

22. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 53. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 54. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

MỤC 6: TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 55. Trách nhiệm của người quản lý Công ty

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác có trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao theo quy định của Luật Doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan, Điều lệ này, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty;

c) Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về nội dung quy định tại khoản 2 Điều 58 của Điều lệ này;

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo Điều lệ này và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; Giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

e) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới đền bù lợi ích bị mất, trả lại lợi ích đã nhận và bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Công ty và bên thứ ba.

Điều 56. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 57. Giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này

1. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là cá nhân và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân.

2. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là tổ chức và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân.

3. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho người có liên quan của cổ đông là tổ chức, trừ trường hợp Công ty và tổ chức là người có liên quan của cổ đông là các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con và giao dịch này phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Điều lệ này và trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Công ty chỉ được thực hiện các giao dịch sau đây khi đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận:

a) Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này;

Trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc mà Công ty và tổ chức đó là các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Điều lệ này;

b) Giao dịch có giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người có liên quan của các đối tượng này;

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 58 Điều lệ này;

c) Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

d) Hợp đồng, giao dịch khác ngoài hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 5 Điều này.

5. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với một trong các đối tượng quy định tại điểm b khoản 4 Điều này và có giá trị trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ các hợp đồng, giao dịch quy định tại điểm c khoản 4 Điều này. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và phải gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

6. Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 4 Điều này, người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết; hợp đồng, giao dịch được chấp thuận theo quy định tại khoản 1 Điều 29 và khoản 8 Điều 30 của Điều lệ này.

7. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết không đúng với quy định tại Điều này; người ký kết hợp đồng, giao dịch, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

8. Công ty phải công khai hợp đồng, giao dịch có liên quan theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 58. Công khai lợi ích có liên quan

Việc công khai lợi ích và người có liên quan của công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của Công ty theo quy định tại khoản 46 Điều 4 của Luật Chứng khoán và các hợp đồng, giao dịch tương ứng của họ với Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

3. Việc kê khai quy định tại khoản 2 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng;

4. Việc lưu giữ, công khai, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:

a) Công ty phải thông báo danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;

b) Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung danh sách nói trên tại các chi nhánh của Công ty;

c) Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có quyền xem xét, trích lục và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai;

d) Công ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại điểm c khoản này tiếp cận, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này. Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục, sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện theo quy định của Công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Điều 59. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của

Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a) Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

b) Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

4. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

MỤC 7: QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 60. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định

của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

MỤC 8: CÔNG NHÂN VIÊN VÀ TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI, TỔ CHỨC ĐẠI DIỆN NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠI CƠ SỞ TRONG CÔNG TY

Điều 61. Công nhân viên và tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở trong Công ty

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

3. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở trong Công ty hoạt động theo quy định của Hiến pháp, pháp luật và điều lệ của tổ chức.

4. Công ty có nghĩa vụ tôn trọng và không được cản trở, gây khó khăn cho việc thành lập tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở trong Công ty; không được cản trở, gây khó khăn cho người lao động tham gia hoạt động trong các tổ chức này.

CHƯƠNG IV: QUẢN LÝ VỐN ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY TẠI DOANH NGHIỆP KHÁC

Điều 62. Quản lý vốn đầu tư của Công ty tại doanh nghiệp khác

1. Công ty quyết định thành lập và đầu tư, góp vốn, mua cổ phần tại doanh nghiệp khác; quyết định chuyển nhượng vốn đầu tư của Công ty tại doanh nghiệp khác phù hợp với chiến lược và kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty và theo quy định của pháp luật.

2. Quyền, nghĩa vụ của Công ty đối với doanh nghiệp và vốn đầu tư của Công ty tại doanh nghiệp khác thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ doanh nghiệp và các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan. Công ty cử người đại diện theo ủy quyền trực tiếp thay mặt Công ty quản lý vốn đầu tư của Công ty tại doanh nghiệp khác. Quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo ủy quyền được quy định tại Điều lệ doanh nghiệp hoặc quy chế quản lý nội bộ do Hội đồng quản trị ban hành.

Điều 63. Quan hệ giữa Công ty với công ty TNHH một thành viên

Hội đồng quản trị thực hiện quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với công ty TNHH một thành viên do Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty do Hội đồng quản trị phê duyệt.

Điều 64. Quan hệ giữa Công ty với công ty cổ phần, công ty TNHH hai thành viên trở lên

1. Doanh nghiệp có vốn đầu tư của Công ty được thành lập, tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, các quy định pháp luật có liên quan và Điều lệ của doanh nghiệp đó.

2. Công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ của cổ đông hoặc thành viên, bên liên doanh theo quy định của pháp luật và Điều lệ của doanh nghiệp đó.

3. Công ty quản lý vốn đầu tư thông qua người đại diện theo ủy quyền tại doanh nghiệp đó.

4. Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với phần vốn góp ở doanh nghiệp thông qua người đại diện theo ủy quyền để thực hiện quyền của cổ đông, thành viên góp vốn, bên liên doanh.

5. Hội đồng quản trị yêu cầu người đại diện theo ủy quyền thực hiện các nhiệm vụ được quy định tại Luật Doanh nghiệp và quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

CHƯƠNG V: TÀI CHÍNH CÔNG TY

MỤC 1: PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 65. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/dăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

MỤC 2: TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 66. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 67. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.

Điều 68. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

MỤC 3: BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 69. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 70. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2356
TY.C
NG
RAN
T.KH

Điều 71. Công khai thông tin

1. Công ty phải gửi báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về kế toán và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Công ty công bố trên trang thông tin điện tử của mình thông tin sau đây:

- a) Điều lệ công ty;
- b) Sơ yếu lý lịch, trình độ học vấn và kinh nghiệm nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc công ty;
- c) Báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- d) Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động hằng năm của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

3. Công ty thực hiện công bố, công khai thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

MỤC 4: KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 72. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

MỤC 5: DẤU CỦA CÔNG TY

Điều 73. Dấu của Công ty

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).

3. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và cá nhân sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật.

MỤC 6: GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 74. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

- a) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

b) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;

c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 75. Thanh lý

1. Sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó có 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a) Các chi phí thanh lý;
- b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c) Nợ thuế;
- d) Các khoản nợ khác của Công ty;
- e) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

MỤC 7: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 76. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

- a) Cổ đông với Công ty;
- b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay người điều hành khác.

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu được chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

MỤC 8: BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 77. Điều lệ Công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

MỤC 9: NGÀY HIỆU LỰC

Điều 78. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 05 Chương 78 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh biểu quyết nhất trí thông qua ngày 21 tháng 04 năm 2022 tại trụ sở Công ty, địa chỉ số 29 Nguyễn Trọng Kỳ, phường Cam Linh, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành năm (05) bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị. / *Như*

Cam Ranh, ngày 21 tháng 04 năm 2022.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC



Như
Nguyễn Viết Nhâm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH

Cam Ranh, ngày 21 tháng 04 năm 2022

**QUY CHẾ
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 11/2022/QĐ-HĐQT.CCR, ngày 21/04/2022 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh)

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ công ty cổ phần Cảng Cam Ranh;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2022/NQ-CCR.ĐHĐCĐ, ngày 21 tháng 04 năm 2022;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh;

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh bao gồm các nội dung sau:

**CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

e) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Người điều hành doanh nghiệp trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người điều hành doanh nghiệp được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người, bao gồm thành viên chuyên trách và không chuyên trách.

272:
IG
CẢ
AM
FRAP

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.
3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
4. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Trường hợp Công ty là công ty niêm yết thì số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo có tối thiểu 01 thành viên độc lập.
5. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 36 Điều lệ Công ty.
6. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
7. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
 - b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;
 - c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;
 - d) Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của công ty mẹ.
2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
 - b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
 - c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;

d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

e) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

f) Thay mặt Hội đồng quản trị ký các quyết định, nghị quyết của Hội đồng quản trị, ký các văn bản khác để xử lý công việc thuộc quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị;

g) Đảm bảo các thành viên Hội đồng quản trị nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Hội đồng quản trị phải xem xét;

h) Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị. Nội dung phân công nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên phải được thể hiện dưới dạng văn bản và có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;

i) Giám sát các thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện các công việc được phân công;

j) Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn [10 ngày] kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

6. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm Thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- b) Không còn là đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức theo quyết định của tổ chức đó;
- c) Là đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức, nhưng tổ chức đó không còn là cổ đông của Công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
- b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại Khoản 4 Điều 34 Điều lệ Công ty;
- c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông: sở hữu từ 10% đến 20% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử 01 ứng cử viên; sở hữu trên 20% đến 30% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 02 ứng cử viên; sở hữu trên 30% đến 50% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 03 ứng cử viên; sở hữu trên 50% đến 75% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 04 ứng cử viên và sở hữu trên 75% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 05 ứng cử viên.

2. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

- a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
- b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được

quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại Khoản 1 Điều 34 Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

5. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

- e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

CHƯƠNG III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 10 của Điều lệ Công ty;
 - f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và giới hạn theo quy định của Pháp luật;
 - g) Quyết định phương án đầu tư, dự án đầu tư mua sắm không nằm trong kế hoạch kinh doanh, đầu tư hàng năm có giá trị đầu tư dưới 15 tỷ đồng hoặc khoản đầu tư nằm trong kế hoạch kinh doanh, đầu tư hàng năm nhưng phát sinh tổng giá trị các khoản đầu tư vượt kế hoạch dưới 10%. Tổng giá trị các khoản đầu tư phát sinh không vượt quá 10% và 20 tỷ đồng so với tổng kế hoạch ngân sách đầu tư hàng năm đã được phê duyệt.
 - h) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - i) Quyết định bán tài sản có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - j) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ

đồng theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 23, khoản 4 Điều 57 Điều lệ của Công ty;

k) Phân cấp hoặc ủy quyền cho Tổng giám đốc quyết định đối với phương án đầu tư và dự án đầu tư; phương án thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, thuê, cho thuê tài sản cố định; quy chế nội bộ của Công ty;

l) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Tổng giám đốc;

m) Cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

n) Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng theo đề nghị của Tổng giám đốc;

o) Chấp thuận đề Tổng giám đốc bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh Giám đốc các chi nhánh trực thuộc, Trưởng phòng và tương đương;

p) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

q) Quyết định thay đổi và hình thức, nội dung logo của Công ty;

r) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

s) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

t) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

u) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

v) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

w) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

x) Báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên gần nhất các nội dung đã được thông qua tại các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trước đó chưa được thực hiện. Trường hợp có thay đổi nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất thông qua trước khi thực hiện;

y) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hoặc không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định tại Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên các nội dung sau:

- a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều 38 Điều lệ Công ty;
- b) Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các Quyết định của Hội đồng quản trị;
- c) Báo cáo các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với Công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
- d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập và kết quả đánh giá của thành viên Hội đồng quản trị độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị;
- e) Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị (nếu có);
- f) Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc;
- g) Kết quả giám sát đối với người điều hành khác;
- h) Các kế hoạch trong tương lai.

4. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

5. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- a) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
- b) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

c) Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 18 của Điều lệ Công ty; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

- a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;
- b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a Khoản 2 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật doanh nghiệp;
- c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c Khoản 1 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn, ở và đi lại.

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp: Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

e) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;

f) Xác định thời gian và địa điểm họp;

g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;

h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. [Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị]. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

CHƯƠNG IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường. Đối với các vấn đề phát sinh giữa hai phiên họp của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể tổ chức lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử và phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

13. Lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản:

13.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định việc lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng Phiếu lấy ý kiến. Thời hạn chậm nhất để trả lời Phiếu lấy ý kiến là 05 ngày làm việc, nếu trong Phiếu lấy ý kiến không có quy định khác. Phiếu lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị được quản lý, lưu giữ như Biên bản họp Hội đồng quản trị.

13.2. Kết quả lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị được tổng hợp thành Biên bản tổng hợp ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị để làm cơ sở cho Hội đồng quản trị thông qua quyết định về vấn đề đưa ra xin ý kiến.

13.3. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Trường hợp số phiếu biểu quyết ngang nhau thì quyết

định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Kết quả biểu quyết bằng Phiếu lấy ý kiến bằng văn bản có giá trị như các Nghị quyết, quyết định trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị.

Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng Anh, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng Anh có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng Anh thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày gửi. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều này.

CHƯƠNG V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

50
1.5
G
AI
T

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

Việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của Công ty theo quy định tại Khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp và các hợp đồng, giao dịch tương ứng của họ với Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

3. Việc kê khai quy định tại khoản 2 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

4. Việc lưu giữ, công khai, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:

a) Công ty phải thông báo danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;

b) Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty;

c) Cổ đông, đại diện theo uỷ quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có quyền xem xét, trích lục và sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan một cách nhanh nhất,

thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này. Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục, sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện theo quy định của Công ty

5. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

CHƯƠNG VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 21. Mối quan hệ với Ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.



2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

CHƯƠNG VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh bao gồm 07 chương, 23 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21 tháng 04 năm 2022.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Phạm Hữu Tấn